ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/10/2008, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/03/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 92 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 5 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / /2025 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

Địa chỉ: Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.8756889 Fax: 024.8756884

Website: https://www.hanoiplastics.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Website: https://www.bvsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0243.8756889

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/10/2008, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/03/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội**
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 36.440.000 cổ phiếu
6. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 364.400.000.000 đồng
7. Tổ chức kiểm toán:

   CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NỘI

   Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

   Điện thoại: (84-24) 3831 5100 Fax: (84-24) 3831 5090
8. Tổ chức tư vấn:

   CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

   Trụ sở: Số 8 Lê Thái Tổ, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

   Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 6

1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội 6
2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt 6

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7

1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro về luật pháp 11
3. Rủi ro đặc thù 11
4. Rủi ro về đợt chào bán 14
5. Rủi ro pha loãng 15
6. Rủi ro quản trị công ty 16
7. Rủi ro khác 16

III. CÁC KHÁI NIỆM 17

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 19

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 19
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 20
3. Cơ cấu tổ chức 22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 23
5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 32
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 34
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác *(trong 02 năm 2023, 2024 và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NHH tại thời điểm thực hiện)* 36
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 36
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 37
10. Hoạt động kinh doanh 37
11. Chính sách đối với người lao động 78
12. Chính sách cổ tức 81
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 82
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 82
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. 82
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa

được xóa án tích. 82
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 82
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 82
2. Tình hình tài chính 86
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 99
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 100
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 102
1. Thông tin về cổ đông sáng lập 102
2. Thông tin về cổ đông lớn 102
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm Soát viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 105
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 124
1. Loại cổ phiếu 124
2. Mệnh giá cổ phiếu 124
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 124
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 124
5. Giá chào bán dự kiến 124
6. Phương pháp tính giá 124
7. Phương thức phân phối 125
8. Đăng ký mua cổ phiếu 126
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 127
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 128
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 128
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 128
13. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 128
14. Các loại thuế có liên quan 128
15. Thông tin về các cam kết 130
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt: 130
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 130
1. Mục đích chào bán 130
2. Thông tin liên quan đến phương án sử dụng vốn 131
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 148
1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán 148
2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 148

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 149
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 149
XII. PHỤ LỤC 150

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

Ông: **Phạm Đỗ Huy Cường** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: **Ngô Văn Thụ** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: **Phạm Thị Ngà** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Đại diện theo pháp luật: Ông: **Nhữ Đình Hòa** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu số 146/2024/BVSC-NHH/TV-PH.CP ngày 12 tháng 12 năm 2024 với Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội ("NHH") hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác. Kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn) được đề cập dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, v.v… Các yếu tố tác động này mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và NHH nói riêng.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2024, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam tăng 7,09% so với năm trước, vượt mục tiêu đề ra là 6,5%. Đây là mức tăng trưởng cao thứ tư trong giai đoạn 2011-2024, chỉ thấp hơn các năm 2018, 2019 và 2022.

Trong mức tăng trưởng chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11,51 triệu tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD. GDP bình quân đầu người đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023.

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động), tăng 726 USD so với năm 2023. Theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88%, phản ánh sự cải thiện về trình độ của người lao động.

Về cơ cấu kinh tế năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 11,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,64%; khu vực dịch vụ chiếm 42,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,14%.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2025 ước tính tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất so với quý I các năm trong giai đoạn 2020-2025. Kết quả tăng trưởng này đã vượt mục tiêu đặt ra cho quý I/2025 của kịch bản tăng trưởng cả năm 6,5-7,0% tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, nhưng chưa đạt mục tiêu phấn đấu của kịch bản tăng trưởng năm 2025 đạt 8,0% do thế giới biến động nhanh, nhiều bất ổn đã ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và

xây dựng tăng 7,42%, đóng góp 40,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,70%, đóng góp 53,74%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) quý I/2025 ước tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2024 tăng 5,9%), trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5% (quý I/2024 tăng 6,0%), đóng góp 7,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,6%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 4,7%, làm giảm 0,7 điểm phần trăm.

Các chỉ số này cho thấy nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi và phát triển mạnh mẽ, bất chấp những biến động của kinh tế thế giới.

1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,03% so với năm trước tác động làm CPI chung tăng 1,35 điểm phần trăm. Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,58%; giáo dục tăng 7,44%; lương thực tăng 6,85%; thực phẩm tăng 2,33%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,65%; điện sinh hoạt tăng 4,86%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,23%. Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2023 bao gồm giá xăng dầu trong nước giảm 11,02% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá thế giới. Giá gas trong nước giảm 6,94% theo giá thế giới.

Tính chung CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023. Nguyên nhân theo phân tích của Tổng cục Thống kê, do chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,03% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,35 điểm phần trăm; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,98 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 7,68% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm; chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,6% do nhu cầu thuê nhà tăng, tác động làm CPI tăng 0,48 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt năm 2024 tăng 8,33% so với năm trước. Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,16%, tác động làm CPI chung tăng 0,39 điểm phần trăm; chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,37%; chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,76%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

Giá xăng dầu, giá gạo giảm theo giá thế giới là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2025 giảm 0,03% so với tháng trước. So với tháng 12/2024, CPI tháng 3 tăng 1,3%; tăng 3,13% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2025, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,01%.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa

công nghiệp, các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến sự gia tăng của các chi phí đầu vào, chi phí hoạt động doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp hành động để hạn chế sự ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

1.3. Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là chỉ số có ý nghĩa quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh suy giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô, tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2024, mặt bằng lãi suất cho vay bình quân đối với những khoản mới ở mức khoảng 6,65%/năm, giảm 0,59%/năm bằng cả hệ thống, riêng 4 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước giảm khoảng 1% so với cuối năm 2023, trong khi lãi suất tiền gửi bình quân đối với những khoản mới là 4,03%/năm, tăng 0,71%/năm. Có thể nói, lãi suất tiền gửi tăng nhưng lãi suất cho vay giảm cho thấy, các tổ chức tín dụng sẵn sàng chủ động đồng hành, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và khách hàng vay vốn.

Theo Ngân hàng Nhà nước, đến cuối quý 1/2025, lãi suất cho vay bình quân giảm 0,4% so với cuối năm 2024, tăng trưởng tín dụng đạt 3,93%, cao gấp 2,5 lần cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá ngày càng lớn, đặc biệt sau khi Tổng thống Mỹ công bố áp thuế đối ứng dựa trên thặng dư thương mại với hàng trăm quốc gia trong đó Việt Nam đã bị áp thuế đối ứng lên tới 46%. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho biết đang theo dõi sát diễn biến thị trường để điều hành các công cụ chính sách với thời điểm và liều lượng phù hợp.

1.4. Tỷ giá

Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND tại Việt Nam đã trải qua nhiều biến động đáng kể. Đồng Việt Nam (VND) mất giá mạnh nhất trong 13 năm qua, với mức giảm khoảng 4,6%

so với đồng USD. Cụ thể, đến ngày 31/12/2024, tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) công bố đạt 24.335 VND/USD, tăng gần 2% so với cuối năm 2023. Tỷ giá USD bán ra tại các ngân hàng thương mại đạt mức cao kỷ lục 25.551 VND/USD, tăng 4,6% so với cuối năm trước.

Để ổn định thị trường ngoại hối, NHNN đã can thiệp bằng cách bán ra khoảng 9,8 tỷ USD từ dự trữ ngoại hối trong năm 2024. Điều này đã làm giảm dự trữ ngoại hối xuống còn khoảng 80 tỷ USD vào cuối năm, tương đương 2,5 tháng nhập khẩu, thấp hơn so với mức 3,3 tháng vào cuối năm 2023.

Nguyên nhân chính dẫn đến biến động tỷ giá trong năm 2024 xuất phát từ chính sách tiền tệ thắt chặt quyết liệt của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trong năm 2024. Với mục tiêu kiềm chế lạm phát dai dẳng, Fed đã thực hiện nhiều đợt tăng lãi suất mạnh mẽ. Lãi suất quỹ liên bang (Federal Funds Rate) đã được nâng từ mức 0,25% - 0,50% vào đầu năm lên mức 5,25% - 5,50% vào cuối năm 2024. Điều này không chỉ làm tăng chi phí vay vốn bằng USD mà còn củng cố sức hấp dẫn của đồng bạc xanh trên thị trường quốc tế, thu hút dòng vốn đầu tư và gây áp lực mất giá lên các đồng tiền khác, bao gồm cả VND. Thêm vào đó, các yếu tố kinh tế toàn cầu bất ổn, như lo ngại về suy thoái kinh tế ở một số khu vực và căng thẳng địa chính trị, cũng góp phần làm tăng nhu cầu nắm giữ USD như một tài sản trú ẩn an toàn.

Bước sang quý I/2025, áp lực lên tỷ giá VND/USD không những không suy giảm mà còn có dấu hiệu gia tăng ở một số thời điểm. Tỷ giá USD/VND tại các ngân hàng thương mại vẫn duy trì ở mức cao, với biên độ giao dịch phổ biến từ 25.450 VND/USD (mua vào) đến 25.850 VND/USD (bán ra). Thậm chí, trong tháng 03/2025, một số ngân hàng đã niêm yết giá bán USD vượt ngưỡng 25.900 VND/USD, mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

Mặc dù NHNN đã triển khai nhiều biện pháp để ổn định tỷ giá, bao gồm việc bán một lượng dự trữ ngoại hối nhất định và điều chỉnh các công cụ chính sách tiền tệ, nhưng vẫn phải đối mặt với những thách thức không nhỏ từ thị trường quốc tế. Kỳ vọng về việc Fed có thể bắt đầu nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm 2025 vẫn chưa rõ ràng, và sức mạnh của đồng USD vẫn được duy trì do lạm phát ở Mỹ hạ nhiệt chậm hơn dự kiến. Đồng thời, các yếu tố nội tại của nền kinh tế Việt Nam, như áp lực lạm phát (dù được kiểm soát ở mức tương đối), nhu cầu nhập khẩu và diễn biến dòng vốn đầu tư nước ngoài cũng có những tác động nhất định đến tỷ giá. Các chuyên gia kinh tế và các tổ chức tài chính quốc tế đã đưa ra nhiều dự báo khác nhau, nhưng nhìn chung đều nhận định rằng tỷ giá USD/VND sẽ tiếp tục chịu áp lực trong năm 2025, với khả năng dao động trong biên độ rộng và có thể đạt các mức cao hơn nếu các yếu tố vĩ mô toàn cầu không có nhiều thay đổi tích cực cho các đồng tiền mới nổi.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của NHH chủ yếu liên quan tới hoạt động đầu tư máy móc thiết bị và hoạt động mua nguyên vật liệu. Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu mua máy móc thiết bị từ các nước Mỹ, Nhật Bản,... trong đó chủ yếu là Nhật Bản nên phần nào cũng bị ảnh hưởng bởi tỷ giá đồng yên Nhật và tỷ giá USD, tuy nhiên, ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái tới hoạt động này không nhiều vì hoạt động đầu tư máy móc thiết bị không phải là hoạt động thường xuyên, không phải năm nào Công ty cũng đầu tư.

Nguyên vật liệu của NHH chủ yếu được nhập khẩu từ các nước Đài Loan, Ấn Độ, Thái Lan, Hàn Quốc... nên sự biến động tỷ giá HDK, INR, THB; KRW... sẽ phần nào ảnh hưởng tới chi phí nguyên vật liệu của Công ty, kéo theo ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu Công ty là do khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu, khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động +/- 5% thì sẽ điều chỉnh giá bán tương ứng nên Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội không bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá hối đoái.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của NHH khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của NHH, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của NHH. Hiện tại, hoạt động của NHH chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường… và các văn bản liên quan khác.

Là một công ty đại chúng đã đăng ký niêm yết chứng khoán, NHH còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động của NHH.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, NHH liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của NHH, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để giảm thiểu các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, NHH đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ theo các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh linh kiện nhựa kỹ thuật, do đó, tình hình hoạt động kinh doanh và giá cổ phiếu của NHH sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi những yếu đặc thù của các lĩnh vực sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật.

3.1 Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất linh kiện nhựa:

Đối với ngành công nghiệp phụ trợ, chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như: các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác

và các mặt hàng nhựa gia dụng như máy giặt, điều hòa, sự biến động của ngành công nghiệp chính như sản xuất ô tô, xe máy, máy giặt, điều hòa,.. sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, các sản phẩm ô tô, máy giặt, điều hòa,.. là các sản phẩm thiết yếu và khi nền kinh tế càng phát triển, nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm này càng tăng cao. Bởi vậy, rủi ro về ngành nghề kinh doanh cũng không có tác động quá lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa công nghiệp hỗ trợ của Công ty. Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng tăng cao không chỉ với các doanh nghiệp trong nước mà còn từ phía các doanh nghiệp Trung Quốc. Nguyên nhân là các doanh nghiệp nước ngoài có xu hướng chuyển từ mua hàng từ Trung Quốc sang thị trường Việt Nam nhưng lại ép doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng mức giá rẻ như các nhà sản xuất Trung Quốc.

Trước vấn đề này, Công ty đang áp dụng các biện pháp khác nhau để tăng cường tính cạnh tranh như áp dụng các quy trình quản lý chi phí, quản trị tài chính tiên tiến để bảo toàn lợi nhuận, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá, đồng thời vận hành hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

3.2 Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu nhập khẩu:

Nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội là hạt nhựa. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong bối cảnh những nguyên vật liệu này chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài do ngành hóa nhựa trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp, biến động giá nhập nguyên liệu chủ yếu phụ thuộc vào giá dầu, giá khí thiên nhiên và giá than đá trên thế giới khó dự đoán làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu của Công ty được khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu, khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động +/-5% thì khách hàng sẽ điều chỉnh giá mua sản phẩm tương ứng. Do đó, biến động giá nguyên vật liệu được phản ánh vào giá bán thành phẩm, hạn chế rủi ro biến động giá nguyên vật liệu. Đồng thời, Công ty đã thực hiện kiểm soát rủi ro nguyên vật liệu thông qua điều chỉnh thu mua nguyên vật liệu theo kế hoạch sản xuất hàng tháng, dựa trên đơn hàng từ phía khách hàng, hạn chế tích trữ hàng tồn kho. Chính sách quản lý nguyên vật liệu này giúp Công ty hạn chế rủi ro biến động giá và kiểm soát chi phí đầu vào hiệu quả hơn.

3.3 Rủi ro trả giá của nhà cung cấp:

Hiện nay, các Công ty cung ứng nguyên liệu nhựa thường có vị thế hơn trong việc thương thảo giá đối với các công ty sản xuất nhựa vì một số lý do sau:

- Nguyên liệu nhựa đầu vào chiếm 70 – 80% chi phí sản xuất của các công ty nhựa.

- Nguyên liệu nhựa chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài (khoảng 80%, theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam). Nguồn cung trong nước hạn chế khiến vị thế của các công ty sản xuất nhựa trong nước đối với những đối tác cung ứng nước ngoài trở nên yếu đi. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp hoá dầu của Việt Nam còn non trẻ, hạt nhựa đầu ra chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng. Trong tương lai gần, khả năng tự chủ được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện mạnh mẽ mặc dù các dự án phát triển hoá dầu đã được triển khai nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước.

- Số lượng công ty sản xuất nhựa trong nước tương đối lớn, trong khi đó nguồn cung nguyên liệu lại bị hạn chế.

- Sản phẩm của Công ty thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nên có yêu cầu chất lượng cao, đảm bảo các tính năng và công năng theo yêu cầu từ các thương hiệu lớn. Do vậy, nguyên liệu nhựa được sử dụng sản xuất đều có xuất xứ rõ ràng và là hạt nhựa kỹ thuật có tiêu chuẩn cao, phần lớn trong nước chưa sản xuất được và do khách hàng chỉ định loại sử dụng, nguồn cung cấp. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đàm phán chính sách bán hàng với khách hàng điều chỉnh giá bán theo biến động giá nguyên vật liệu.

Nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là các hãng lớn, có tên tuổi trên thị trường như Honda Trading Vietnam (thuộc Tập Đoàn Honda – Nhật Bản), Sumimoto Việt Nam, Inabata và SIK Việt Nam (thuộc Tập đoàn Hóa chất Sumimoto – Nhật Bản),… nên nguồn cung luôn ổn định kể cả trong các thời kỳ khó khăn của nền kinh tế. Đồng thời, các nhà cung cấp nguyên vật liệu đều có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty, giúp Công ty đảm bảo được nguồn cung nguyên vật liệu ổn định với giá cả hợp lý.

Danh sách một số nhà cung cấp chính

STT	Tên nhà cung cấp	Trụ sở chính	Chi nhánh nhập khẩu
1	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Nhật Bản	Việt Nam
2	Công ty TNHH SIK Việt Nam	Nhật Bản	Việt Nam
3	SUMITOMO CORPORATION Việt Nam	Nhật Bản	Việt Nam
4	INABATA Viet Nam Co., Ltd	Nhật Bản	Việt Nam
5	Công ty TNHH Resinoplast Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
6	BASF Hong Kong LTD	Đức	Hong Kong
7	Basell Asia Pacific., Ltd	Hà Lan	Hong Kong
8	MACHINO POLYMERS LIMITED	Ấn Độ	Ấn Độ
9	Vinabela International Corporation	Đài Loan	Đài Loan
10	Hongplas International Coporation	Đài Loan	Đài Loan
11	Grand Pacific Petrochemical Corporation	Đài Loan	Đài Loan
12	PT Riken Indonesia	Indonesia	Indonesia

STT	Tên nhà cung cấp	Trụ sở chính	Chi nhánh nhập khẩu
13	Công ty TNHH LG Chem Hải Phòng	Hàn Quốc	Việt Nam
14	LG Chem., LTD	Hàn Quốc	Hàn Quốc

Nguồn: NHH

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt huy động vốn lần này, Công ty sẽ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm xây dựng phương án phát hành trình ĐHĐCĐ bất thường lần thứ nhất năm 2024:

- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét tại ngày 30/06/2024 là 19.170 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét tại ngày 30/06/2024 là 16.212 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu NHH bình quân 30 phiên gần nhất (từ ngày 30/09/2024 đến ngày 25/10/2024) là 14.413 đồng/cổ phần.

Căn cứ nhu cầu vốn của NHH cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện quyền, HĐQT của Công ty đề xuất và đã được ĐHĐCĐ chấp thuận tại Nghị quyết số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024, mức giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu bằng với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Giá trị sổ sách tại ngày 31/03/2025 của Công ty là: **18.827 đồng/cổ phần** (theo báo cáo tài chính hợp nhất tự lập Quý I năm 2025) và **16.107 đồng/cổ phần** (theo báo cáo tài chính riêng tự lập Quý I năm 2025); và giá cổ phiếu bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu NHH (từ ngày 12/03/2025 đến ngày 23/04/2025) là: 12.567 đồng/cổ phần. Như vậy, giá giao dịch bình quân 30 phiên của NHH hiện đang cao hơn mệnh giá cũng như giá chào bán cổ phần của Công ty (10.000 đồng/cổ phần). Vì vậy, đợt chào bán có khả năng thành công 100%.

Sau khi kết thúc thời gian thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu, đối với số cổ phiếu không chào bán hết (do cổ phiếu lẻ phát sinh hoặc cổ đông hiện hữu không mua/không mua hết), HĐQT sẽ tiếp tục phân phối cho các nhà đầu tư quan tâm với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trong trường hợp do một số nguyên nhân khách quan như: các yếu tố vĩ mô làm giảm kỳ vọng của nhà đầu tư về thị trường chứng khoán, đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành hay dịch bệnh bùng phát trên phạm vi toàn cầu… và/hoặc do giá giao dịch trên thị

trường của NHH trong khoảng thời gian thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu thấp hơn giá chào bán (10.000 đồng/cổ phần) dẫn đến đợt chào bán không đạt tỷ lệ thực hiện quyền như mong muốn và số tiền thu về không đạt được như dự kiến; đối với phần vốn thiếu hụt, Công ty sẽ sử dụng vốn tự có và/hoặc sẽ huy động nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức tài chính và/hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để thực hiện góp vốn và Công ty TNHH An Trung Industries như phương án đã được ĐHĐCĐ bất thường thông qua.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần thứ nhất năm 2024 số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được sử dụng để góp vốn vào Công ty TNHH An Trung Industries nhằm thực hiện đầu tư nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp An Phát 1, xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Công ty đánh giá việc tăng vốn điều lệ để đầu tư góp vốn vào công ty con để thực hiện dự án là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, giúp gia tăng lợi thế cạnh tranh và góp phần cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, Công ty sẽ sử dụng vốn tự có và/hoặc sẽ huy động nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức tài chính và/hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác. Vì vậy, Công ty đánh giá các yếu tố rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán là không cao.

5. Rủi ro pha loãng

Ngày 12/12/2019, cổ phiếu Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu NHH.

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, có thể xuất hiện mức độ pha loãng, các nhà đầu tư nên lưu ý các rủi ro sau liên quan đến pha loãng cổ phiếu bao gồm: pha loãng về giá cổ phiếu; pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS); pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV).

➢ **Rủi ro pha loãng về giá cổ phiếu:**

Thông thường cổ phiếu Công ty cổ phần đã giao dịch tập trung hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật về giá, giá pha loãng khi có cổ phiếu mới phát hành theo công thức sau:

$$P = \frac{P\,t - 1 + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

P_{t-1}: là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước khi bị pha loãng);

I: là tỷ lệ vốn tăng;

PR: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Do đó, cổ phiếu NHH khi giao dịch tại HOSE sẽ bị ảnh hưởng bởi điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán khi thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: Ngày T là ngày giao dịch không hưởng quyền của các cổ đông để thực hiện chốt danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán của cổ phiếu NHH (đăng ký giao dịch tại HOSE), giả định giá của cổ phiếu NHH tại ngày T-1 là 15.000 đồng/CP. Tỷ lệ chào bán là 2:1 (Theo đó, cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm), giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phiếu theo phương án phát hành là PR = 10.000 đồng/CP. Theo công thức nêu trên, giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày T, sau khi bị pha loãng là:

$$P = (15.000 + 50\% \times 10.000)/(1 + 50\%) = 13.333 \text{ (đồng)}.$$

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro có thể xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém có thể ảnh hưởng tới sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp là rủi ro tiềm ẩn không chỉ của Công ty nói riêng mà các doanh nghiệp nói chung. Việc quản trị yếu kém có thể gây ra những hậu quả như: đầu tư thiếu hiệu quả, lãng phí vốn, chi phí vốn cao, mất cân đối tài chính, không có hoặc sai định hướng phát triển, sản phẩm dịch vụ chưa đáp ứng thị trường và những bất đồng nội bộ gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của cổ đông. Việc cán bộ công nhân viên, lãnh đạo cấp cao không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm cũng như vai trò được giao sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào. Nhằm hạn chế và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến quản trị, Công ty luôn chú trọng việc quản trị rủi ro và giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị rủi ro và giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của NHH có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh,… Nếu xảy ra, những rủi ro đó có thể sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản của NHH hoặc làm cho hoạt động kinh doanh của NHH bị ảnh hưởng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
BVSC	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
BHYT	:	Bảo hiểm y tế
BHTN	:	Bảo hiểm thất nghiệp
BHTN-NN	:	Bảo hiểm tai nạn lao động – nghề nghiệp
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
CĐL	:	Cổ đông lớn
CTCP	:	Công ty cổ phần
CP	:	Cổ phần
CSTT	:	Chính sách tiền tệ
CPI	:	Chỉ số giá tiêu dùng
Công ty, Doanh nghiệp, NHH	:	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
GDP	:	Tổng sản phẩm nội địa
NHNN	:	Ngân hàng nhà nước
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
KHĐT	:	Kế hoạch đầu tư
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
MTV	:	Một thành viên

Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
Thuế GTGT/ VAT	:	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNCN	:	Thuế thu nhập cá nhân
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TCPH	:	Tổ chức phát hành
TMCP	:	Thương mại cổ phần
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	:	Uỷ ban nhân dân
VNĐ	:	Việt Nam Đồng
VSDC	:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty đầy đủ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
Tên viết tắt	:	HPCS.,JSC
Tên tiếng Anh	:	HANOI PLASTICS JOINT STOCK
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/10/2008, Sở Tài chính TP Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/03/2025.
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Số điện thoại	:	0243 8756889
Số fax	:	024 8756884
Website	:	https://www.hanoiplastics.com.vn/
Vốn điều lệ hiện tại	:	728.800.000.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật	:	Phạm Đỗ Huy Cường – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngô Văn Thụ – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã cổ phiếu	:	NHH
Sàn đăng ký niêm yết	:	HOSE
Logo	:	

Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1.	**3290 (Chính)**	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng; - Sản xuất các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp khác.

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
Các ngành nghề khác chi tiết theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty		

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội. Sau 50 năm hoạt động và phát triển, hiện nay, Công ty đã trở thành một trong số ít doanh nghiệp Việt sớm tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu của các Tập đoàn lớn như Honda, Toyota, Samsung, Brother, LG, Panasonic,...

Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội:

Tháng 01/1972	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công Nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội.
Tháng 8/1993	Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công Nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 2977/QĐ-UB ngày 10/08/1993 của UBND thành phố Hà Nội.
Tháng 8/2005	Công ty Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội theo Quyết định số 126/2005/QĐ-UB ngày 08/08/2005 của UBND Thành phố Hà Nội.
Tháng 11/2007	UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4730/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội. Ngày 27/12/2007, Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả chào bán như sau: - Số lượng chào bán: 1.122.800 cổ phần. - Giá khởi điểm chào bán: 10.300 đồng/cổ phần. - Số lượng cổ phần chào bán thành công: 834.800 cổ phần. - Giá đấu thành công bình quân: 27.958 đồng/cổ phần.
Tháng 9/2008	UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/09/2008 về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên

	Nhựa Hà Nội thành Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.
Tháng 10/2008	Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103027615 (nay đổi thành số 0100100858) do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, với vốn điều lệ là 65.000.000.000 đồng (trong đó vốn thuộc sở hữu Nhà nước là: 53.112.000.000 đồng, chiếm 81,71% vốn điều lệ).
Tháng 4/2017	Công ty trở thành công ty đại chúng (theo Công văn số 2233/UBCK-GSĐC ngày 25/04/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
Tháng 09/2017	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Tháng 12/2017	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội – Chủ sở hữu 5.311.200 cổ phần tại Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã thoái toàn bộ vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty bằng hình thức khớp lệnh trên Sàn Upcom.
Tháng 2/2019	Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi vốn điều lệ là 168.000.000.000 đồng.
Tháng 8/2019	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 344.400.000.000 đồng.
Tháng 12/2019	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) theo quyết định số 499/QĐ-SGDHCM ngày 22/11/2019 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu NHH.
Tháng 12/2020	Công ty phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thực hiện tăng vốn lên 364.400.000.000 đồng.
Tháng 06/2022	Công ty phát hành thêm 36.440.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 728.800.000.000 đồng.

3. Cơ cấu tổ chức

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội hoạt động theo mô hình được quy định tại mục a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của NHH

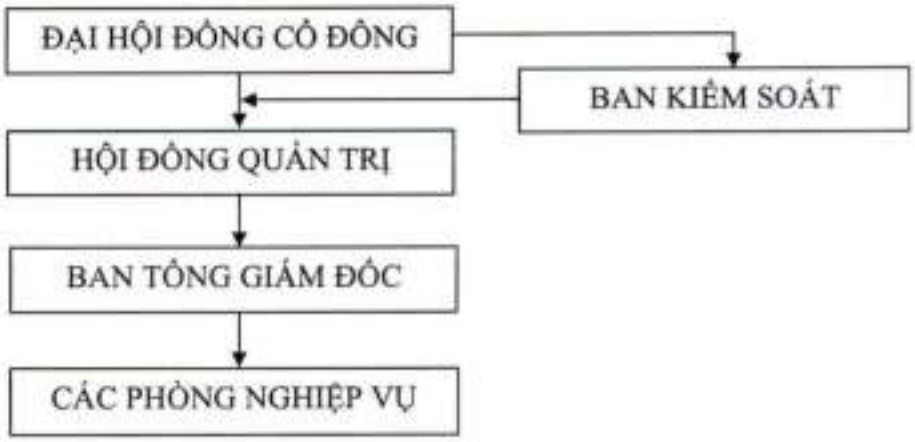

Nguồn: NHH

Sơ đồ cơ cấu tổ chức trong nhóm Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

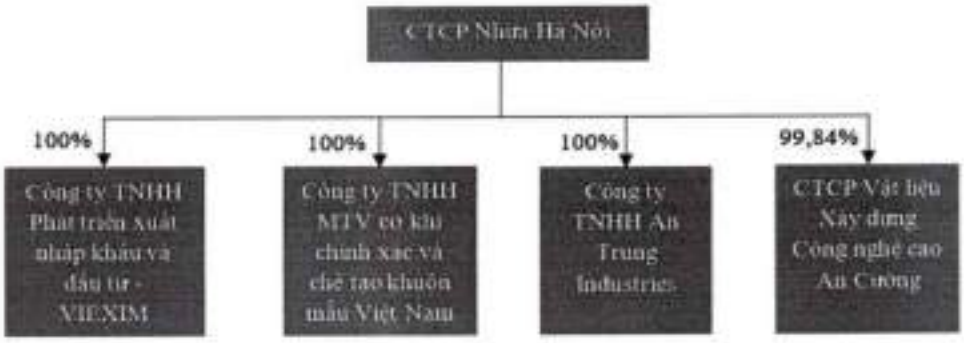

Nguồn: NHH

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

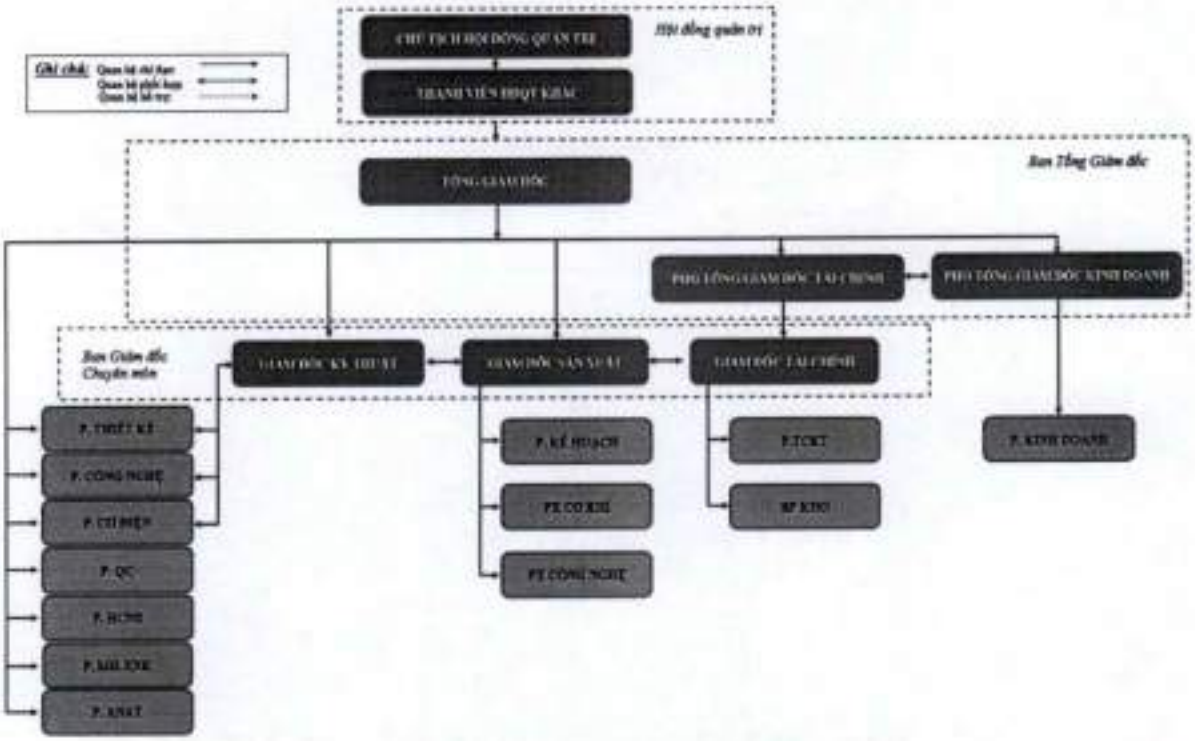

Nguồn: NHH

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

– Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

– Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;

– Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

– Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;

– Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

– Quyết định số thành viên HĐQT;

– Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2. *Hội đồng quản trị*

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

– Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;

– Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;

– Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;

– Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;

– Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

– Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;

– Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;

– Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

HĐQT Công ty hiện có 05 (năm) người, gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên, cụ thể:

Họ và tên	Chức danh
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT
Ông Cho Yoon	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT

4.3. *Ban Kiểm soát*

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

– Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

– Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có

quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;

– Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

– Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

Họ và tên	Chức danh
Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng BKS
Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên BKS
Bà Phan Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 03 (ba) người: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

– Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

– Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

– Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

– Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

– Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

– Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

– Tuyển dụng lao động;

– Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

– Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của HĐQT.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được Tổng Giám đốc

phân công.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Họ và tên	Chức danh
Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc

4.5. Các phòng ban chức năng

4.5.1. Phòng Thiết kế

Phòng Thiết kế phụ trách công tác quản lý kỹ thuật về khuôn mẫu, cụ thể như sau:

- Tổ chức triển khai thiết kế khuôn;
- Lập phương án đối với sự cố khuôn lớn;
- Quản lý khuôn;
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động;
- Quản lý công tác kỹ thuật công nghệ sản xuất nhựa.

4.5.2. Phòng Công nghệ

Phòng Công nghệ có các nhiệm vụ chính sau:

- Tham gia nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới;
- Xây dựng tiêu chuẩn quản lý công đoạn sản xuất, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dụng cụ phục vụ sản xuất, định mức lao động, định mức nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất ổn định;
- Xác minh các khiếu nại về chất lượng của khách hàng, truy tìm nguyên nhân và đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa;
- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác chất lượng;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

4.5.3. Phòng Cơ điện

Phòng Cơ điện có các nhiệm vụ chính như sau:

- Quản lý máy, thiết bị; quản lý và thực hiện công tác kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, thiết bị đo;

- Đảm bảo vận hành và quản lý hệ thống cấp điện toàn Công ty;
- Quản lý công tác cải tiến kỹ thuật, sáng kiến, quy trình quy phạm kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động;
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; chế tạo Jig, dưỡng, công cụ sản xuất;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

4.5.4. Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm (Phòng QC)

Phòng QC có nhiệm vụ chính như sau:

- Kiểm tra, giám sát, thống kê lỗi, phân tích tình hình chất lượng vật tư đầu vào, sản phẩm trong và sau quá trình sản xuất;
- Kết hợp với các đơn vị nhằm khắc phục, giải quyết, phòng ngừa các vấn đề về chất lượng sản phẩm;
- Quản lý thiết bị đo kiểm, mẫu sản phẩm, dạng mẫu lỗi và thực hiện đào tạo kiểm soát lỗi.

4.5.5. Phòng Hành chính nhân sự (HCNS)

Phòng tổ chức hành chính là đơn vị chức năng thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ban thực hiện các chức năng chính như sau:

- Tuyển dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực;
- Lập kế hoạch và triển khai đảm bảo các chế độ đối với người lao động: lương, thưởng, ăn công nghiệp, nâng bậc, khám sức khỏe, trang bị bảo hộ lao động, ốm,...;
- Quản lý cơ sở hạ tầng và công cụ dụng cụ văn phòng;
- Đảm bảo công tác hành chính, môi trường, 5S, ISO, công văn;
- Đảm bảo cơ sở vật chất của công ty: Đất đai, nhà xưởng, thiết bị khác;
- Phụ trách các công tác về nhân sự, xây dựng tiền lương, sức khỏe, môi trường, ăn uống, ISO, 5S, các giấy tờ đi đến, văn phòng phẩm, tiếp khách và các nhiệm vụ khác được giao.

4.5.6. Phòng Kế hoạch

Phòng Kế hoạch có các nhiệm vụ chính như sau:

- Căn cứ vào đơn hàng, hợp đồng của khách hàng lập kế hoạch sản xuất hàng ngày, tuần, tháng, năm; Điều độ, tổ chức và quản lý sản xuất tại các Phân xưởng sản xuất trong Công ty; Lập kế hoạch giao hàng đúng thời gian đã thỏa thuận với khách

hàng.

- Thực hiện giám sát giao hàng tại các khách hàng.
- Lập và giám sát kế hoạch tổng thể từ khâu triển khai sản phẩm mới, theo dõi thực hiện Kế hoạch triển khai tổng thể từ khâu R&D đến thực hiện MP trong Công ty.
- Lập báo cáo thực hiện KHSX tuần, tháng, năm trong Công ty.
- Kết nối điều độ KHSX, nắm bắt, báo cáo điều phối năng lực sản xuất giữa các Công ty con thuộc Công ty.
- Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ISO 14001:2015.
- Quản lý và điều vận xe tải của Công ty.
- Thiện hiện công tác 5S.
- Lập báo cáo doanh thu dự kiến, doanh thu thực tế tuần, tháng, năm.

4.5.7. Phòng Tài chính kế toán (TCKT)

Phòng Tài chính kế toán có các nhiệm vụ chính như sau:

- Phụ trách công tác tài chính, kế toán của Công ty.
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty và tổ chức thực hiện các mặt công tác sau:
- Hạch toán kế toán kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản, vốn chủ sở hữu, nợ phải trả; các hoạt động thu, chi tài chính và kết quả kinh doanh theo quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh.
- Lập kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty.
- Tham mưu cho Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo và thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính - kế toán của Nhà nước và nội bộ tại Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tình hình công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý kịp thời;
- Quản lý tiền mặt và các chi phí phục vụ sản xuất, quan hệ giao dịch với ngân hàng, tổ chức tài chính, chi trả lương cho cán bộ công nhân viên, tính toán lỗ lãi, bảo toàn vốn của Công ty.

4.5.8. Phòng Mua hàng – xuất nhập khẩu (MH-XNK)

Phòng Mua hàng – xuất nhập khẩu có các nhiệm vụ chính như sau:

- Quản lý mua vật tư, nguyên liệu, thiết bị, khuôn mẫu;
- Quản lý dự án khuôn thuê ngoài;

- Quản lý nhà cung cấp;
- Làm công tác xuất nhập khẩu cả vật tư - hàng hóa.

4.5.9. Bộ phận Kho

Bộ phận Kho có các nhiệm vụ chính như sau:

- Tổ chức và giám sát việc quản lý các kho: Thành phẩm; Bán phẩm; Nguyên vật liệu; CCDC; Thùng chứa nội bộ... theo đúng quy định của Công ty.
- Thực hiện nhập hàng hóa, nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch mua ngoài từ Phòng Mua hàng. Phối hợp với Phòng Mua hàng để lấy hàng về phù hợp đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất và tối ưu diện tích kho.
- Thực hiện nhập hàng bán phẩm, thành phẩm từ PXCN, nhập hạt tạo, đề xê từ PX XLNL.
- Theo dõi nguyên liệu khách gửi gia công, thực hiện đối chiếu với khách hàng.
- Bảo quản hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ trong các kho tuân thủ theo đúng quy định.
- Thực hiện xuất hàng hóa cho các đơn vị liên quan theo kế hoạch giao hàng, định mức sản xuất và yêu cầu vật tư.
- Theo dõi số lượng xuất, nhập hàng gia công bên ngoài và kiểm kê định kỳ.
- Theo dõi việc xuất nhập tồn đồ đựng và bao bì quay vòng, phối hợp với các đơn vị để thực hiện kiểm kê và thu hồi đồ đựng và bao bì được đảm bảo.
- Thực hiện điều chuyển hàng hóa nội bộ giữa các kho tại HPC và thuê ngoài đảm bảo được tối ưu chi phí.
- Quản lý Tổ vận chuyển/Giao hàng: Tổ chức vận chuyển nội bộ và bốc xếp xuất nhập hàng hóa - vật tư, giao hàng tới khách hàng;
- Vệ sinh đồ đựng đảm bảo yêu cầu cấp phát cho sản xuất.
- Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.
- Thực hiện công tác 5S.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Công ty giao.
- Trưởng phòng báo cáo trực tiếp Phó Tổng Giám đốc, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc lĩnh vực phòng được phân công phụ trách.

4.5.10.Phòng kinh doanh

Phòng Kinh doanh có các nhiệm vụ chính như sau:

- Lập kế hoạch kinh doanh hàng năm và triển khai thực hiện các hoạt động Marketing: Quảng cáo, hội chợ triển lãm và giới thiệu các sản phẩm của Công ty; Tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu của thị trường, đưa ra các kế hoạch kinh doanh, chiến lược thu hút khách hàng, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm; Tham gia công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Soạn thảo các hợp đồng kinh tế bán hàng, sản phẩm, khuôn mẫu, dịch vụ nội địa.
- Quản lý dữ liệu giá cả sản phẩm, giá cả vật tư, khuôn mẫu, máy móc thiết bị, dụng cụ toàn Công ty phục vụ cho công tác phân tích giá cả và bán hàng.
- Quản lý khách hàng (cả nội địa và xuất khẩu) tiếp nhận các thông tin đầu vào phục vụ việc bán hàng như: thông tin khách hàng, các yêu cầu đánh giá Công ty từ khách hàng, kết nối các đơn vị trong Công ty đáp ứng các yêu cầu từ khách hàng.
- Lập các báo cáo phân tích kết quả SXKD trong Công ty.
- Chịu trách nhiệm hỗ trợ các Công ty con chào giá sản phẩm, phối hợp các Công ty con cùng tìm kiếm khách hàng cho toàn hệ thống Công ty con của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.
- Trưởng phòng báo cáo trực tiếp Phó Tổng giám đốc Kinh doanh, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc lĩnh vực phòng được phân công phụ trách.

4.5.11.Phòng An ninh an toàn (ANAT)

Phòng An ninh an toàn có các nhiệm vụ chính như sau:

- Đảm bảo công tác bảo vệ an toàn tài sản, an ninh, phòng cháy chữa cháy và yêu cầu an toàn khác;
- Đảm bảo công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên;
- Kiểm soát việc xuất nhập hàng hóa, sản phẩm, tài sản… ra vào Công ty đúng quy định.

4.5.12.Phân xưởng cơ khí (PX Cơ khí)

Phân xưởng cơ khí có các nhiệm vụ chính như sau:

- Lập kế hoạch và triển khai lập trình, gia công, chế tạo khuôn;
- Sửa chữa khuôn.
- Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, khuôn và bảo đảm vận hành máy, thống kê giờ máy theo quy định của Công ty.

4.5.13.Phân xưởng công nghệ (PX Công nghệ)

Phân xưởng công nghệ có các nhiệm vụ chính như sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty trên các máy gia công sản phẩm nhựa và các công đoạn lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng sản phẩm đúng yêu cầu.
- Tổ chức thực hiện quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm, thanh quyết toán theo yêu cầu, quy định của Công ty.
- Kiểm tra đôn đốc việc chấp hành các quy trình tháo lắp khuôn, vận hành máy ép phun, thiết bị phụ trợ, cầu trục, xe nâng, quy trình công nghệ và thực hiện bảo hộ an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự, vệ sinh công nghiệp.
- Có trách nhiệm tự đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bổ sung theo cấp độ phân xưởng cho người lao động.
- Tham gia và tạo điều kiện cho các đơn vị liên quan thực hiện công tác thử khuôn, màu, nguyên liệu.
- Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.
- Thực hiện công tác 5S: Đào tạo cho các công ty thành viên trong khối Nhựa kỹ thuật.
- Thực hiện các cải tiến nâng cao năng suất, giảm lao động trong sản xuất.
- Đào tạo cải tiến, lãng phí trong sản xuất.
- Thực hiện công tác phân tích, truy tìm nguyên nhân và đưa ra đối sách khi phát sinh sản phẩm lỗi.
- Theo dõi báo cáo năng suất, định mức điện năng tiêu thụ, năng suất lao động.
- Tính toán vật tư theo ngày, dự trù theo tuần để đảm bảo theo kế hoạch sản xuất.
- Phối hợp với Phòng KH, Phòng HCNS để điều chỉnh bổ sung nhân sự.
- Kiểm soát tính liên tục, ổn định trong quá trình sản xuất.
- Quản lý khuôn mẫu, số lượng tình trạng hoạt động của khuôn.
- Xử lý các sự cố về khuôn mẫu, thiết bị trong phạm vi cho phép.
- Phối hợp cùng các đơn vị kỹ thuật: P.CN, P.TK, PXCK đưa ra các ý tưởng cải tiến khi triển khai phát triển New Model.
- Update dữ liệu kế hoạch sản xuất hàng ngày để làm tem QR code.
- Tổ chức triển khai kế hoạch tạo nguyên liệu đảm bảo kế hoạch sản xuất đảm bảo thời gian và chất lượng;
- Thực hiện việc đóng, kiểm hàng giao theo kế hoạch sản xuất;
- Quản lý, phân loại đề xê, xử lý băm chặt đảm bảo quay vòng sử dụng cho phân

xưởng công nghệ.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo công ty giao.
- Quản đốc Phân xưởng báo cáo trực tiếp Giám đốc sản xuất, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc nhiệm vụ được giao của Phân xưởng.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống vận hành và quản lý nhịp nhàng, thống nhất, có hiệu quả cao. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại NHH	Tỷ lệ biểu quyết tại NHH
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	09/03/2007	0800373586	Lô CN11+CN12, cụm CN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastics, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa	62,75%	62,75%

Nguồn: NHH

5.2. Công ty con và Công ty liên kết của Tổ chức phát hành

5.2.1. Công ty con của Tổ chức phát hành

Danh sách công ty con của Công ty tại ngày 31/03/2025

Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ	Vốn điều lệ đăng ký/Vốn điều lệ thực góp	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của NHH tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của NHH tại các Công ty
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư – Viexim	10/10/2006	0900259855	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	29.460.000.000 đồng	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa	100%	100%
Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	17/01/2019	0801277109	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	100.000.000.000 đồng	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	100%	100%
Công ty TNHH An Trung Industries	28/03/2018	0801246654	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	341.000.000.000 đồng	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa	100%	100%
Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường	09/01/2018	0801238156	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	426.000.000.000 đồng	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất	99,84%	99,84%

Nguồn: NHH

5.2.2. Công ty liên kết của Tổ chức phát hành

Danh sách công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/03/2025

Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ	Vốn điều lệ đăng ký/Vốn điều lệ thực góp	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của NHH tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của NHH tại các Công ty
Công ty Cổ phần sản xuất PBAT An	18/01/2021	0202084468	Lô CN5-04 Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ	296.000.000.000 đồng	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng	39,02% (**)	39,02% (**)

Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ	Vốn điều lệ đăng ký/Vốn điều lệ thực góp	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của NHH tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của NHH tại các Công ty
Phát			thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng		nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất plastic dạng nguyên sinh		

Nguồn: NHH

(**) Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sở hữu trực tiếp là 35,51% và sở hữu gián tiếp qua Công ty con (Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính Xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam) là 3,51%.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Quá trình tăng vốn điều lệ của NHH

TT	Ngày hoàn thành	Vốn điều lệ trước phát hành (triệu đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	31/10/2008	65.000	0	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) thông qua hình thức bán đấu giá công khai một phần vốn Nhà nước tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội để chuyển đổi Công ty TNHH MTV Nhựa Hà Nội do Nhà nước làm chủ sở hữu sang Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội: - Số lượng chào bán: 1.122.800 cổ phần - Giá khởi điểm chào bán: 10.300 đồng/cổ phần	- Ủy Ban nhân TP. Hà Nội - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội	Không có.

TT	Ngày hoàn thành	Vốn điều lệ trước phát hành (triệu đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
				- Số lượng cổ phần chào bán thành công: 834.800 cổ phần - Giá đấu thành công bình quân: 27.958 đồng/cổ phần		
2	28/01/2019	65.000	103.000	Phát hành 6.500.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Chào bán cổ phiếu ra công chúng 3.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	UBCKNN	Không có
3	12/08/2019	168.000	176.400	Phát hành 16.800.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Phát hành 840.000 cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty.	UBCKNN	Không có
4	03/12/2020	344.400	20.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN	Không có
5	03/06/2022	344.400	364.400	Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền	UBCKNN	Chấp nhận toàn phần

Nguồn: NHH

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác *(trong 02 năm 2023, 2024 và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NHH tại thời điểm thực hiện)*

7.1. Thông tin về các khoản góp vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác: Không có.

7.2. Thông tin về các khoản thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác: Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Theo danh sách cổ đông do VSDC cung cấp tại ngày 23/10/2024, thông tin về cổ phiếu phổ thông của NHH như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành và đang niêm yết: 72.880.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 72.880.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 26/03/2025

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**2.981**	**72.513.040**	**99,50%**
	Trong đó:			
	- Tổ chức:	9	45.878.735	62,95%
	- Cá nhân:	2.972	26.634.305	36,55%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**38**	**366.960**	**0,50%**
	Trong đó:			
	- Tổ chức:	8	154.860	0.21%
	- Cá nhân:	30	212.100	0.29%
III	**Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**	**0**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**3.019**	**72.880.000**	**100%**

Nguồn: NHH

8.2. Cổ phiếu ưu đãi và các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: **100%**. Công ty đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và đã nhận được văn bản của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước số 409/UBCK-PTTT ngày 21/01/2025 về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của CTCP Nhựa Hà Nội.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: **Không có.**

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của NHH tại ngày 26/03/2025 là: **0,50%.**

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ của NHH

Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, Công ty đã tạo dựng được uy tín trên thị trường với nhiều sản phẩm được đánh giá cao về chất lượng. Cuối năm 2018, Công ty trở thành công ty thành viên thuộc An Phát Holdings – Tập đoàn nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu tại khu vực Đông Nam Á. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm linh kiện nhựa, khuôn mẫu thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy, linh kiện điện - điện tử; cung cấp các hộp nhựa, pallet công nghiệp cho các ngành sản xuất công nghiệp trong nước; chế tạo khuôn mẫu, cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng khuôn. Đồng thời, thông qua công ty con, Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực nhựa xây dựng với các sản phẩm tấm ốp nhựa tường, trần, sàn SPC, phào chỉ trang trí nội thất.

Công ty sở hữu hệ thống nhà máy có quy trình quản lý hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt, được cấp chứng nhận bởi các tổ chức uy tín trên toàn thế giới theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 14000 và theo các tiêu chuẩn riêng của từng khách hàng (ví dụ: TS của Toyota, HES của Honda..).

Các sản phẩm của NHH chủ yếu tập trung vào các nhóm sản phẩm chính sau:

- Các sản phẩm nhựa ép;
- Các sản phẩm khuôn;
- Tấm ốp tường/sàn SPC (Stone Plastic Composite).

Sản lượng theo các loại thành phẩm của NHH

STT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	31/03/2025
1	Sản phẩm nhựa ép	Chi tiết	111.935.116	124.678.613	33.925.521
2	Sản phẩm khuôn	Cái	197	145	49
3	Tấm ốp	m2	47.292	45.906	6.281
4	Phào chỉ	m	219.527	305.090	44.711
5	Sàn SPC	m2	3.030.614	2.475.409	605.492

Nguồn: NHH

Một số hình ảnh sản phẩm và khách hàng của Công ty:

Sản phẩm	Khách hàng
Linh kiện ô tô, xe máy	HONDA, PIAGGIO, VINFAST, TOYOTA
Linh kiện điều hòa, tủ lạnh, máy giặt 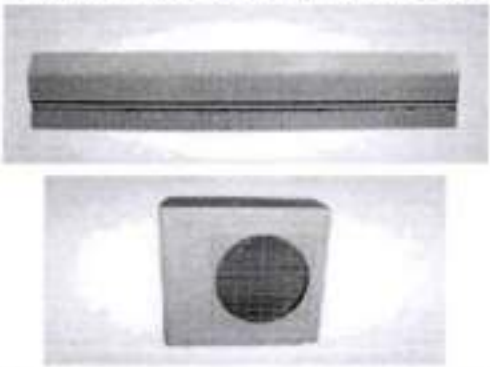	LG, Panasonic, ARISTON THERMO GROUP
Linh kiện nhựa điện thoại, điện gia dụng	brother, Panasonic

Sản phẩm	Khách hàng
Phụ kiện đường ống, các bộ phận điện tử và ngành xây dựng	SHODEN, LIXIL, NTK CERATEC, TOTO
Sản phẩm nhựa kiến trúc 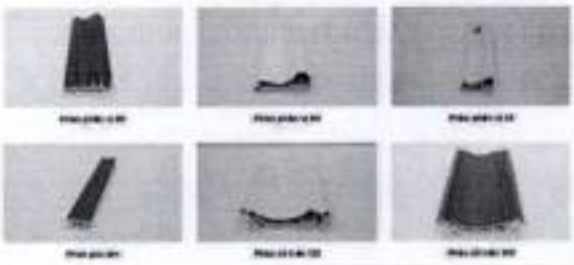	ecopark, FLAMINGO, VINHOMES, REGALIA GOLD

- **Các sản phẩm nhựa ép**

Các sản phẩm nhựa ép của Công ty bao gồm nhiều loại sản phẩm đa dạng phục vụ cho nhiều lĩnh vực khác nhau. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm:

- **Sản phẩm gia dụng:** Linh kiện nhựa cho máy hút bụi, máy lọc không khí, thùng rác, vỏ ti vi, vỏ điều hòa, vỏ máy giặt... với thiết kế tiện dụng và chất liệu bền bỉ.
- **Sản phẩm công nghiệp:** Thùng chứa pallet, linh kiện nhựa máy in; cút nước, ke cửa, vỏ hộp cáp quang được sử dụng trong các ngành xây dựng..
- **Sản phẩm trang trí nội thất:** Các tấm ốp tường, vách ngăn, cửa nhựa, sàn nhựa giả gỗ có tính thẩm mỹ cao và bền vững.
- **Sản phẩm nhựa kỹ thuật:** Các bộ phận nhựa cho ngành ô tô, xe máy, điện tử và các sản phẩm nhựa theo yêu cầu kỹ thuật đặc biệt.

Các sản phẩm linh kiện nhựa kỹ thuật được sản xuất theo công nghệ ép phun nhựa. Ép phun là phương pháp đúc tạo hình sản phẩm kết hợp công đoạn phun (nhựa nóng chảy) và ép khuôn để tạo hình dáng cho sản phẩm. Quá trình ép phun đòi hỏi phải sử dụng máy ép phun, hạt nhựa và khuôn. NHH sở hữu hệ thống máy ép phun với các kích cỡ đa dạng, từ 50 tấn đến 2500 tấn nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất các sản phẩm chính xác có kích thước khác nhau. Các máy ép phun có xuất xứ hầu hết từ Nhật Bản.

Hệ thống các máy ép phun của NHH

STT	Loại máy ép phun	Mô tả	Hình ảnh minh họa
1	Máy ép phun cỡ nhỏ	Hệ thống máy ép phun cỡ nhỏ với lực kẹp từ dưới 200 tấn, đáp ứng các nhu cầu của các sản phẩm kích thước nhỏ nhưng yêu cầu độ chính xác, ngoại quan rất cao như: các sản phẩm điện thoại, điện tử, linh kiện engine trong xe máy, ô tô…	
2	Máy ép phun cỡ trung	Hệ thống máy ép phun cỡ trung có lực kẹp từ 200 tấn đến dưới 1000 tấn, đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm kích thước trung bình như: các sản phẩm điện tử, vật tư ngành nước, vật tư xây dựng, thùng chứa, chi tiết ô tô, xe máy…	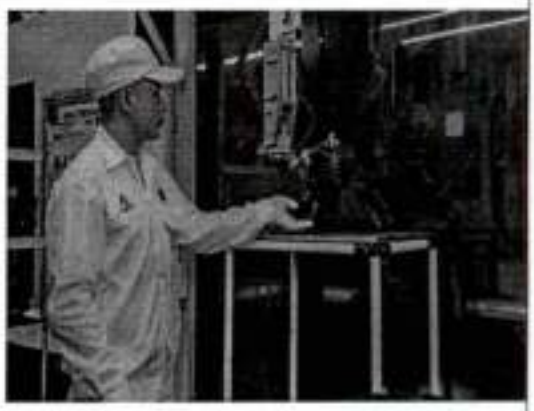
3	Máy ép phun cỡ lớn	Hệ thống máy ép phun cỡ lớn với lực kẹp trên 1000 tấn, đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm kích thước lớn và rất lớn như: các chi tiết trong ngành công nghiệp sản xuất xe máy, ô tô, máy công cụ…	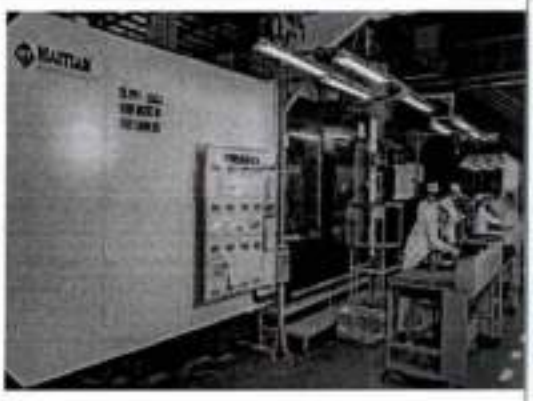

Nguồn: NHH

Ngoài hệ thống máy ép phun cỡ lớn với lực kẹp trên 1.000 tấn đáp ứng các nhu cầu của các sản phẩm kích thước lớn và rất lớn như: các chi tiết trong ngành công nghiệp sản xuất xe máy, ô tô, NHH có các hệ thống máy móc phụ trợ để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kĩ

thuật giúp đảm bảo độ bền của khuôn và chất lượng của các sản phẩm, chi tiết thành phẩm:

- Hệ thống làm mát bằng các máy ra nhiệt, máy chiller, tháp tản nhiệt…, thiết bị phụ trợ như máy hút hạt, máy sấy tách ẩm…
- Hệ thống tay robot tự động hoá lấy sản phẩm ra khỏi khuôn.
- Hệ thống Heat &Cool hỗ trợ sản xuất các sản phẩm mỏng, có độ bóng cao và yêu cầu bề mặt hoàn hảo.
- Hệ thống hỗ trợ khí N2 (EGI) cho các sản phẩm có độ dày lớn, giảm trọng lượng tăng độ bền.
- Hệ thống kiểm soát chất lượng, kiểm soát tính năng sản phẩm như máy so màu, máy test lực phá hủy cánh quạt làm mát động cơ, máy cân bằng động cho cánh quạt, máy đo 2D và 3D, Zig, dưỡng…
- Thiết bị in trên nhựa như máy in Tampon, Dây chuyền in lưới…

Một số hệ thống máy móc phụ trợ khác

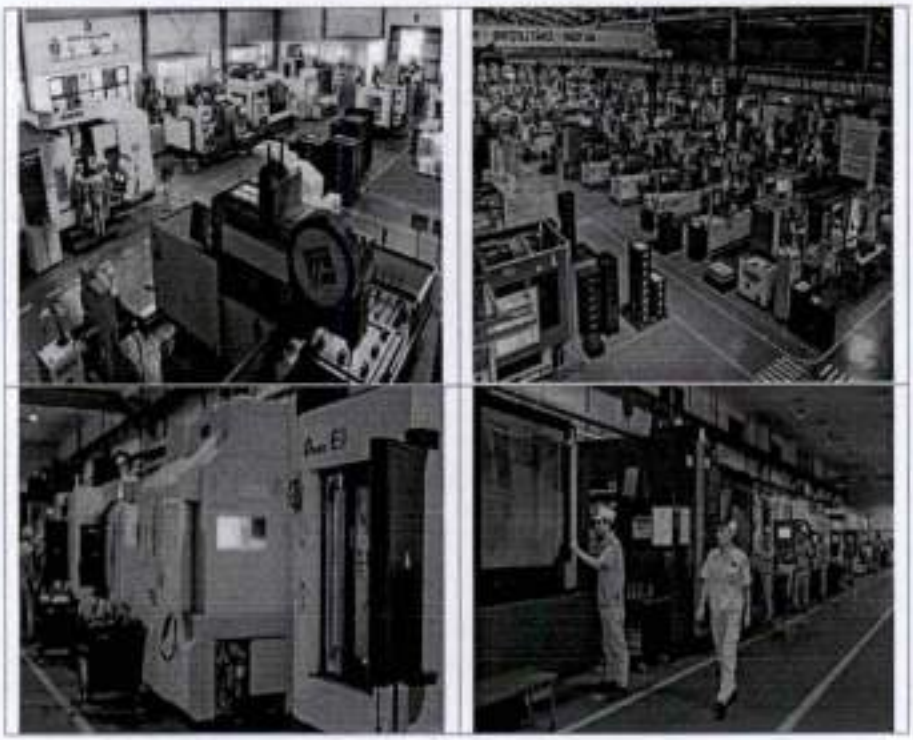

Nguồn: NHH

- **Các sản phẩm khuôn:**

Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm khuôn chất lượng cao phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp. Các sản phẩm khuôn của công ty bao gồm:

- **Khuôn ép nhựa:** Sử dụng để sản xuất các chi tiết nhựa có hình dạng phức tạp như bộ phận gia dụng, công nghiệp, và linh kiện điện tử.

- **Khuôn mẫu theo yêu cầu:** Công ty nhận thiết kế và sản xuất khuôn mẫu nhựa theo yêu cầu cụ thể của khách hàng, với độ chính xác cao và chi tiết tinh xảo.
- **Khuôn cho ngành ô tô, xe máy:** Các khuôn nhựa sản xuất các chi tiết nhựa cho ngành ô tô như: cánh cửa, cản trước, vỏ đèn, và các linh kiện khác bằng vật liệu nhựa trên xe ô tô..
- **Khuôn nhựa công nghiệp:** Bao gồm các khuôn phục vụ cho sản xuất thùng chứa, tấm nhựa, và các sản phẩm công nghiệp khác.

Các khuôn của công ty được sản xuất bằng công nghệ tiên tiến, đảm bảo độ bền, độ chính xác cao, giúp tối ưu hóa năng suất sản xuất và giảm thiểu chi phí.

- **Tấm ốp tường/sàn SPC:**

Công ty sản xuất các tấm ốp tường/sàn SPC chất lượng cao, đặc biệt phù hợp cho các ứng dụng trong xây dựng và trang trí nội thất. Các sản phẩm này có đặc điểm nổi bật như:

- **Chất liệu SPC:** Tấm ốp được làm từ composite nhựa đá, kết hợp giữa bột đá và nhựa PVC, mang lại độ bền cao, khả năng chống ẩm, chống mối mọt và chịu lực tốt.
- **Đặc tính vượt trội:** Tấm ốp SPC có khả năng chống trơn trượt, dễ dàng lắp đặt, và vệ sinh, đặc biệt thích hợp cho các không gian như phòng tắm, nhà bếp, và các khu vực có độ ẩm cao.
- **Thiết kế đa dạng:** Sản phẩm có nhiều màu sắc, hoa văn, và kết cấu mô phỏng các vật liệu tự nhiên như gỗ, đá, mang lại tính thẩm mỹ cao cho không gian.
- **Bảo vệ sức khỏe và môi trường:** Tấm ốp SPC của công ty không chứa formaldehyde và các chất độc hại, thân thiện với môi trường và an toàn cho sức khỏe người sử dụng.

Các sản phẩm tấm ốp nhựa tường, sàn, phào chỉ trang trí được sản xuất theo công nghệ ép đùn..

10.1.2. Quy trình sản xuất các sản phẩm

- **Các sản phẩm nhựa ép:**

Quy trình ép phun như sau:

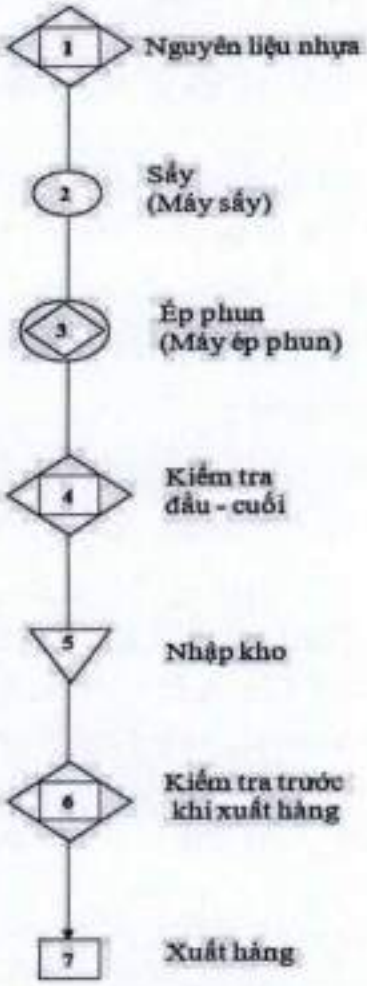

Nguồn: NHH

Bước 1: Các loại hạt nhựa (PP, ABS, PC, HIPS…), phụ gia sẽ được cân theo một tỷ lệ nhất định, sau đó được đưa tới khu vực máy trộn để phối trộn đều các loại hạt với nhau theo yêu cầu của sản phẩm. Sau đó được dẫn vào máy ép phun để thực hiện công đoạn ép phun tiếp theo.

Bước 2: Hỗn hợp nguyên liệu được đi qua phễu nạp nhựa và gia nhiệt ở nhiệt độ 50~100oC trong xylanh (kín) để làm nóng chảy hỗn hợp nhựa và các chất phụ gia.

Bước 3: Sau đó hỗn hợp nhựa nóng chảy được phun vào khuôn để định hình sản phẩm.

Bước 4: Mở khuôn để lấy sản phẩm ra ngoài

- **Các sản phẩm khuôn:**

Các sản phẩm khuôn mẫu của Công ty được sản xuất theo quy trình sau:

Quy trình sản xuất khuôn

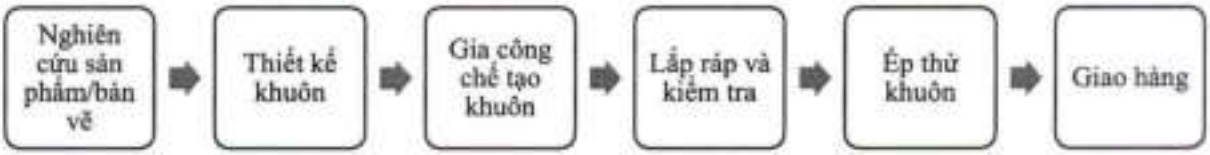

Nguồn: NHH

Bước 1: Nghiên cứu sản phẩm/bản vẽ

Sau khi nhận đơn hàng, công ty sẽ tiến hành nghiên cứu sản phẩm/bản vẽ được khách hàng cung cấp. Chúng tôi sẽ thực hiện tư vấn dưới góc độ kỹ thuật giúp khách hàng có được sản phẩm tốt nhất.

Bước 2. Thiết kế khuôn – Quy trình sản xuất khuôn

Sau khi nghiên cứu sản phẩm/bản vẽ và nắm bắt được những thông tin cần thiết của sản phẩm thì các kỹ sư thiết kế sẽ lên phương án và thiết kế khuôn. Đây là quá trình rất quan trọng trong quy trình sản xuất khuôn nhựa. Công đoạn này sẽ quyết định đến sự tối ưu sản phẩm. Công ty sở hữu đội ngũ thiết kế có nhiều kinh nghiệm, chuyên nghiệp. Sau khi đã lên được bản vẽ 3D, đội ngũ thiết kế sẽ cùng làm việc với các bộ phận khác để đánh giá toàn diện về thiết kế, để có những điều chỉnh cho phù hợp và tối ưu nhất.

Bước 3. Gia công chế tạo khuôn

Trong quy trình sản xuất khuôn, công đoạn này cần sử dụng các máy móc thiết bị yêu cầu có độ chính xác cao để thực hiện: Gia công các bề mặt, chi tiết, lòng khuôn… trên các máy gia công chính xác như: máy phay, máy mài, máy tiện, khoan, đánh bóng sau gia công, làm nhẵn các vết gia công, kiểm tra và xử lý via, làm cùn hoặc vát mép các vị trí cho phép, vệ sinh sạch sẽ. Chất lượng bề mặt sản phẩm nhựa sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào độ bóng của lòng khuôn nên quá trình này luôn được thực hiện tỉ mỉ, chính xác.

Bước 4: Lắp ráp và Kiểm tra

Đây là bước cuối cùng để hoàn thiện quy trình sản xuất khuôn. Sau khi các chi tiết, bộ phận của khuôn được hoàn thiện thì sẽ được tiến hành lắp ráp. Trước khi lắp ráp, Công ty sẽ kiểm tra các chi tiết theo số lượng, quy cách để đảm bảo tất cả đều đạt độ chuẩn xác. Công việc lắp ráp đòi hỏi sự chính xác rất cao để khi đưa vào hoạt động khuôn sẽ tạo ra những sản phẩm hiệu quả. Các tấm khuôn, lõi, đế, vỏ khuôn sẽ được lắp vào thành một bộ khuôn hoàn chỉnh.

Bước 5. Ép thử khuôn

Nhằm đảm bảo khuôn hoạt động tốt và đáp ứng yêu cầu của khách hàng, khuôn sẽ được

vận hành thử sau khi đã lắp ráp hoàn thiện. Quy trình sản xuất khuôn nhựa sẽ hoàn thành nếu sản phẩm ép thử đạt yêu cầu.

Bước 6. Giao khuôn ép nhựa cho khách hàng

Sau khi được hoàn thiện, trải qua các quy trình kiểm định chất lượng, sản phẩm được giao cho khách hàng. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng theo yêu cầu và giao hàng đúng hạn theo đúng thời gian hợp đồng.

- **Tấm ốp tường/sàn SPC:**

Quy trình sản xuất Tấm ốp tường/sàn SPC cụ thể như sau:

Quy trình sản xuất

Nguồn: NHH

Bước 1: Trộn nguyên liệu: Các loại nguyên liệu sẽ được trộn theo như tỷ lệ đã được xác nhận trong bảng Tỷ lệ trộn theo yêu cầu của khách hàng sau đó được đưa vào máy trộn để trộn, đảm bảo các nguyên liệu được trộn đều, đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm.

Bước 2: Đưa nguyên liệu vào máy đùn trục vít: Công nhân sẽ sử dụng nguyên liệu được trộn để đưa vào máy đùn trục vít theo đúng như yêu cầu của các tổ trưởng. Tại đây người công nhân sẽ điều khiển nhiệt, điều khiển gió và các cách thức để tạo ra tấm có chiều rộng, và độ dày theo yêu cầu.

Bước 3: Các tấm nhựa thành phẩm sẽ được đi tiếp đến hệ thống máy định hình chân không. Tại đây, sản phẩm được làm mát và tiếp tục được chuyển sang hệ thống kéo và cắt.

Bước 4: Các sản phẩm sẽ được đi qua hệ thống máy cắt để cắt thành tấm theo kích thước quy định (thông thường mỗi tấm có chiều dài 2800mm).

Bước 5: Sản phẩm sau khi được cắt thành các tấm sẽ được chuyển sang bộ phận dán

phủ màng. Sản phẩm tấm nhựa dán màng là sản phẩm tiêu chuẩn cơ bản trong hệ thống sản xuất. Để đạt được các sản phẩm ở mức độ chất lượng cao hơn, sau khi dán màng, các tấm nhựa sẽ tiếp tục được phủ bóng, tráng gương bề mặt, in 3D theo yêu cầu.

10.1.3. Hệ thống các nhà máy của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được triển khai tại 05 nhà máy như sau:

Nhà máy 1: Nhà máy tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Nhựa Hà Nội.
- Vị trí nhà máy: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội.
- Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 23.126 m^2.
- Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa; ...
- Năm chính thức đi vào hoạt động: 1972.
- Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 71 máy ép nhựa; 14 trung tâm gia công khuôn.
- Công suất thiết kế: 6.000 tấn sản phẩm/năm.
- Công suất hoạt động hiện nay: 100%
- Nhà máy của NHH với 2 phân xưởng chính: Phân xưởng Cơ khí và Phân xưởng Công nghệ.
    - Phân xưởng Cơ khí: Đây là phân xưởng tổ chức triển khai công tác gia công chế tạo khuôn, sửa chữa và bảo dưỡng khuôn mẫu theo yêu cầu của các đơn vị liên quan, lắp đặt thiết bị sản xuất theo đúng tiến độ, kế hoạch của Công ty.
    - Phân xưởng Công nghệ: Tại phân xưởng này, thực hiện công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa đồng thời lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng cao nhất theo yêu cầu của khách hàng.

Sản lượng tại nhà máy NHH

STT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	31/03/2025
1	Sản phẩm nhựa	Chi tiết	41.176.087	41.685.150	12.012.061
2	Khuôn	Cái	49	37	19

Nguồn: NHH

<u>Nhà máy 02</u>: Nhà máy tại Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư - VIEXIM (Nhà máy Viexim)

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư - VIEXIM.
- Vị trí nhà máy: Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 23.089 m^2. Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa;...
- Năm chính thức đi vào hoạt động: 2012.
- Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 60 máy ép nhựa.
- Công suất thiết kế: 3.000 tấn sản phẩm/năm.
- Công suất hoạt động hiện nay: 100%
- Nhà máy VIEXIM có 01 phân xưởng chính: Phân xưởng Công nghệ.

Sản lượng tại nhà máy VIEXIM

STT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	31/03/2025
1	Sản phẩm nhựa	Chi tiết	43.809.622	44.043.043	11.537.593

Nguồn: NHH

<u>Nhà máy 03</u>: Nhà máy tại Công ty TNHH An Trung Industries (Nhà máy An Trung Industries)

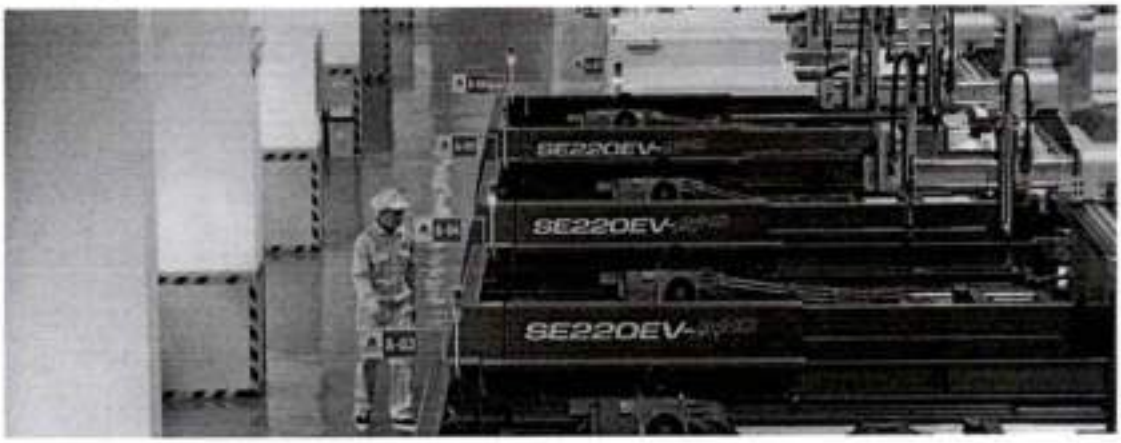

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH An Trung Industries.
- Vị trí nhà máy: Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 9.208,08 m2
- Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử; các sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn như: dao, thìa, dĩa, ống hút,...
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Quý III/2019.
- Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 40 máy ép nhựa.
- Công suất thiết kế: 23.362.560 sản phẩm/năm.
- Công suất hoạt động hiện nay: 100%

Sản lượng tại nhà máy An Trung Industries

STT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	31/03/2025
1	Sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử	Chi tiết	26.949.407	38.950.420	10.375.867

Nguồn: NHH

<u>Nhà máy 04</u>: Nhà máy tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (VMC)

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam.
- Vị trí nhà máy: Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Diện tích khu đất thuê: 3.200 m^2.
- Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa.
- Năm chính thức đi vào hoạt động: quý IV/2019.

- Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 10 trung tâm gia công.
- Công suất thiết kế: 80 bộ khuôn/năm.
- Công suất hoạt động hiện nay: 100%

Sản lượng tại nhà máy VMC

STT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	31/03/2025
1	Khuôn	Cái	148	108	30

Nguồn: NHH

<u>Nhà máy 05</u>: Nhà máy tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường

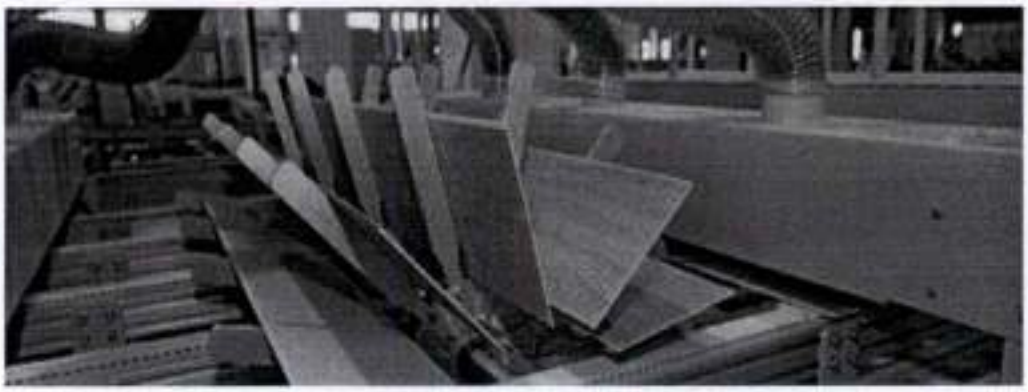

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường.
- Tổng vốn đầu tư: 208 tỷ đồng.
- Vị trí nhà máy: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 28.000 m^2.
- Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất: Sàn hèm khóa SPC, tấm ốp tường, phào PVC,..
- Năm chính thức đi vào hoạt động: 2018.
- Công suất thiết kế: 1 triệu m2 tấm ốp PVC/năm, 3 triệu m2 sàn SPC/năm.
- Công suất hoạt động hiện nay: khoảng 75%.

Sản lượng tại Nhà máy An Cường

STT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	31/03/2025
1	Tấm ốp	m2	47.292	45.906	6.281
2	Phào chỉ	m	219.527	305.090	44.711
3	Sàn SPC	m2	3.030.614	2.475.409	605.492

Nguồn: NHH

10.1.4. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội không có tính thời vụ. Cụ thể, các sản phẩm dịch vụ của đơn vị được cung cấp liên tục, đáp ứng nhu cầu của khách hàng/đối tác ở tất cả các thời điểm trong năm và các địa bàn cung cấp ở trong nước và ngoài nước.

10.1.5. Giá trị dịch vụ của NHH

Cơ cấu doanh thu thuần của NHH
(số liệu công ty mẹ)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Doanh thu thuần bán hàng hóa	165.076.368.554	12,81%	285.306.791.320	20,76%	80.695.146.922	21,23%
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.122.879.055.577	87,11%	1.087.031.671.969	79,11%	299.387.315.620	78,76%
- Nhựa kỹ thuật	*1.037.037.990.577*	*80,45%*	*1.074.396.464.068*	*78,19%*	*297.773.684.570*	*78,33%*
- Khuôn	*85.841.065.000*	*6,66%*	*12.635.207.901*	*0,92%*	*1.613.631.050*	*0,42%*
- Sàn	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần dịch vụ	1.077.377.649	0,08%	1.748.539.959	0,13%	50.357.059	0,01%
Doanh thu thuần công trình và khác	-	-	-	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Tổng cộng	**1.289.032.801.780**	**100%**	**1.374.087.003.248**	**100%**	**380.132.819.601**	**100%**

Nguồn: NHH

Cơ cấu doanh thu thuần của NHH
(số liệu hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Doanh thu thuần bán hàng hóa	26.721.727.833	1,31%	124.014.849.387	5,91%	49.739.714.189	8,74%
Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.000.200.774.077	98,08%	1.955.882.153.084	93,27%	513.129.466.984	90,14%
- Nhựa kỹ thuật	*1.228.008.822.268*	*60,22%*	*1.306.887.886.567*	*62,32%*	*377.960.085.203*	*66,39%*
- Khuôn	*173.392.926.746*	*8,50%*	*74.092.702.903*	*3,53%*	*7.450.560.373*	*1,31%*
- Sàn	*598.799.025.063*	*29,36%*	*574.901.563.614*	*27,42%*	*127.718.821.408*	*22,43%*
Doanh thu thuần dịch vụ	11.957.611.952	0,59%	17.008.450.169	0,81%	6.417.385.953	1,13%

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Doanh thu thuần công trình và khác	404.644.291	0,02%	-	-	-	-
Tổng cộng	**2.039.284.758.153**	**100%**	**2.096.905.452.640**	**100%**	**569.286.567.126**	**100%**

Nguồn: NHH

Cơ cấu lợi nhuận gộp của NHH

(số liệu công ty mẹ)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
LN gộp hàng hóa	- 397.013.316	-0,03%	12.041.117.299	0,88%	1.833.489.550	0,48%
LN gộp thành phẩm	146.521.886.510	11,37%	144.896.757.747	10,54%	43.622.356.087	11,48%
- Nhựa kỹ thuật	*118.532.337.085*	9,20%	140.596.720.233	*88,65%*	*43.036.980.769*	*11,32%*
- Khuôn	*27.989.549.425*	2,17%	4.300.037.514	*2,71%*	*585.375.318*	*0,15%*
- Sản	-	-	-	-	-	-
LN gộp dịch vụ	- 461.551.819	-0,04%	1.665.480.288	0,12%	*50.357.059*	*0,01%*

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
LN gộp khác	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	**145.663.321.375**	**11,30%**	**158.603.355.334**	**11,54%**	**45.506.202.696**	**11,97%**

Nguồn: NHH

Cơ cấu lợi nhuận gộp của NHH

(số liệu hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
LN gộp hàng hóa	- 509.733.721	-0,02%	16.786.914.187	0,80%	4.608.176.582	0,81%
LN gộp thành phẩm	297.244.078.582	14,58%	364. 455.460.686	93,30%	99.556.370.204	17,49%
- Nhựa kỹ thuật	166.967.145.927	8,19%	224.446.543.362	*57.46%*	72.151.952.125	12,67%
- Khuôn	35.506.712.005	1,74%	12.431.436.880	*3,18%*	1.307.656.793	0,23%
- Sàn	94.770.220.650	4,65%	127.577.480.444	*32,66%*	26.096.761.286	4,58%
LN gộp dịch vụ	5.849.576.040	0,29%	9.402.187.587	2,41%	1.567.960.317	0,28%

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
LN gộp khác	42.720.780	-	-	0,00%	-	-
Tổng cộng	**302.626.641.681**	**14,84%**	**390.644.562.460**	**18,63%**	**105.732.507.103**	**18,57%**

Nguồn: NHH

10.2. Tài sản

Tài sản lớn thuộc sở hữu của NHH tại thời điểm 31/03/2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Ngày đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Khấu hao luỹ kế	Giá trị còn lại
1	Máy ép nhựa JSW J550AD xuất xứ Nhật Bản	01/08/2017	6.381.520.000	4.431.611.120	1.949.908.880
2	Máy ép nhựa JSW J850AD xuất xứ Nhật Bản	01/08/2017	9.920.806.000	6.889.448.620	3.031.357.380
3	Máy gia công trung tâm đứng model F9	27/08/2019	7.568.000.000	2.816.977.748	4.751.022.252
4	Máy ép rà khuôn TL có chức năng lật khuôn 180 độ	30/09/2019	6.160.000.000	2.258.666.652	3.901.333.348
5	Máy ép nhựa 1300T-5200-110 Model:J1300ADS-5200 xuất xứ Nhật Bản	15/08/2024	18.517.617.376	1.363.797.494	17.153.819.882

STT	Tên tài sản	Ngày đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Khấu hao luỹ kế	Giá trị còn lại
6	Máy ép nhựa 850T-3900-100 model J850DS-3900H xuất xứ Nhật Bản	14/08/2024	10.507.000.800	774.087.923	9.732.912.877
7	Máy ép nhựa Model: Si-680-6SL750E xuất xứ Nhật bản	14/08/2024	6.705.526.588	494.019.870	6.211.506.718
8	Máy ép phun JSW J850AD-3100H, xuất xứ Nhật Bản	01/08/2020	8.428.713.809	2.622.266.528	5.806.447.281
9	Máy CNC Vertical Machining Center Model F9 (Ver B).	02/08/2021	7.449.893.600	1.819.750.006	5.630.143.594
10	Máy ép nhựa JU13000III/11300. Serial: JU202212130064965	31/03/2023	6.013.524.074	802.887.359	5.210.636.715

Nguồn: NHH

10.3. Thị trường hoạt động

Cơ cấu doanh thu hợp nhất theo thị trường hoạt động

	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Trong nước	1.434,83	70,36%	1.327,84	63,32%	362,16	63,62%
Nước ngoài	604,45	29,64%	769,06	36,68%	207,13	36,38%
Tổng cộng	**2039,28**	**100%**	**2.096,9**	**100%**	**569,29**	**100%**

Nguồn: NHH

Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo thị trường hoạt động

	Năm 2023		Năm 2024		Quý I/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (triệu đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (triệu đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	204,96	67,73%	231,87	59,34%	64,93	61,41%
Nước ngoài	97,67	32,27%	158,90	40,66%	40,80	38,59%
Tổng cộng	**302,63**	**100%**	**390,77**	**100%**	**105,73**	**100%**

Nguồn: NHH

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1 Tình hình đầu tư tài chính

Tính đến 31/12/2024, báo cáo tài chính của Công ty ghi nhận đã đầu tư 845.345.429.200 đồng vào các công ty con và 169.535.000.000 đồng vào Công ty liên kết như sau:

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty tại 31/12/2024

Đơn vị: đồng

	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con			
Công ty TNHH An Trung Industries	100%	241.010.000.000	(i)
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	100%	200.000.000.000	(i)

	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường	99,84%	374.875.429.200	(i)
Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	100%	29.460.000.000	(i)
Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty Cổ phần sản xuất PBAT An Phát	35,51%	169.535.000.000	(i)

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2024 của NHH

(i) Công ty chưa có đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tính đến 31/03/2025, báo cáo tài chính của Công ty ghi nhận đã đầu tư 845.345.429.200 đồng vào các công ty con và 112.232.170.000 đồng vào Công ty liên kết như sau:

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty tại 31/03/2025

Đơn vị: đồng

	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH An Trung Industries	100%	341.010.000.000	(16.201.220.759)	324.808.779.241
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	100%	100.000.000.000		100.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường	99,84%	374.875.429.200		374.875.429.200
Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	100%	29.460.000.000		29.460.000.000

	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần sản xuất PBAT An Phát	35,51%	112.232.170.000	(59.950.102.225)	52.282.067.775

Nguồn: BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

10.4.2 Tình hình đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội và các Công ty con trực thuộc đã đầu tư xây dựng 5 nhà máy sản xuất, bao gồm:

(1) **Nhà máy của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội**: nhà máy này được xây dựng trên khu đất tại Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội với diện tích đất xây dựng là 23.126 m^2, chuyên sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa… Nhà máy chính thức đi vào hoạt động năm 1972 và hiện nhà máy có khoảng 71 máy ép nhựa, 14 trung tâm gia công khuôn với công suất thiết kế là 6.000 tấn sản phẩm/năm, công suất hoạt động hiện tại là 100%.

(2) **Nhà máy tại Công ty con – Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư - VIEXIM (Nhà máy Viexim)**: nhà máy này có vị trí tại Hưng Yên và được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 23.089 m^2, chuyên sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa… Nhà máy chính thức đi vào hoạt động năm 2012 và hiện tại có quy mô khoảng 60 máy ép nhựa, có công suất thiết kế 3.000 tấn sản phẩm/năm và công suất hoạt động hiện nay là100%.

(3) **Nhà máy tại Công ty TNHH An Trung Industries (Nhà máy An Trung Industries):** nhà máy này được xây dựng tại Hải Dương với tổng diện tích đất xây dựng là 9.208,08 m^2, nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ quý 3/2019, chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử, các sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn như: dao, thìa, dĩa, ống hút… Hiện nay, nhà máy đã được đầu tư khoảng 40 máy ép nhựa, có công suất thiết kế 1.000 tấn sản phẩm/năm, hiện nhà máy hoạt động 100% công suất.

(4) **Nhà máy tại Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (VMC)**: được đầu tư xây dựng tại Hải Dương trên khu đất có tổng diện tích 3.168 m^2. Nhà máy này chính thức đi vào hoạt động từ quý 4/2019, chuyên sản xuất khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa, hiện nay nhà máy có khoảng 10 trung tâm gia công, có công

suất thiết kế 80 bộ khuôn/năm, công suất hoạt động hiện nay đạt 100%.

(5) **Nhà máy tại Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường**: được xây dựng tại Hải Dương trên khu đất có tổng diện tích 27.901,55 m^2 với tổng mức đầu tư là 208 tỷ đồng. Nhà máy này chính thức đi vào hoạt động từ năm 2018, chuyên sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất: sàn hèm khóa SPC, tấm ốp tường, phào PVC… Công suất thiết kế là 1 triệu m^2 tấm ốp PVC/năm, 3 triệu m^2 sàn SPC/năm; công suất hoạt động hiện nay là 75%. Tính đến hiện tại, tất cả các nhà máy của Công ty đều đã đi vào hoạt động ổn định, đều góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

Đầu tư máy móc, thiết bị: Tổng kinh phí đầu tư thiết bị riêng CTCP Nhựa Hà Nội đầu tư năm 2023 là 55,7 tỷ đồng, năm 2024 là 77,97 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là đầu tư thiết bị và khuôn mẫu. Các thiết bị đầu tư đã được đưa vào khai thác đáp ứng tiến độ và đã phát huy hiệu quả kinh tế.

10.5. Các hợp đồng lớn

Thông tin về các hợp đồng có giá trị lớn của NHH

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (đồng) (*)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH (**)
1.	Hợp đồng nguyên tắc	1.302.522.511.073	16/06/2009	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng ô tô, xe máy	Công ty Honda Việt Nam	Không
2.	Hợp đồng nguyên tắc	97.258.043.241	01/04/2016	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Linh kiện máy giặt	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên	Không
3.	Hợp đồng nguyên tắc	97.881.400.776	22/08/2006	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng xe máy	Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long	Không
4.	Hợp đồng nguyên tắc	86.127.475.536	01/04/2014	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng xe máy	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	Không

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (đồng) (*)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH (**)
5.	Hợp đồng nguyên tắc	119.175.312.457	01/04/2012	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng ô tô	Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam	Không
6.	Hợp đồng nguyên tắc	29.837.219.552	01/05/2020	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng xe máy	Công ty TNHH sản xuất Linh kiện nhựa Thaco	Không
7.	Hợp đồng nguyên tắc	11.586.897.551	01/01/2018	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng xe máy, khuôn	Công ty TNHH công nghiệp chính xác Việt Nam 1	Không
8.	Hợp đồng nguyên tắc	35.678.321.618	22/07/2020	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng ô tô	Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	Không
9.	Hợp đồng nguyên tắc	21.842.947.312	01/01/2022	01 năm và tự động gia hạn nếu không có		Linh kiện điện tử, điện lạnh	Công ty TNHH Ariston Việt Nam	Không

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (đồng) (*)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH (**)
				yêu cầu từ các bên				
10.	Hợp đồng nguyên tắc	20.766.879.510	01/07/2019	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng xe máy	Công ty TNHH Astra Visteon Việt Nam	Không
11.	Hợp đồng nguyên tắc	15.277.367.462	30/12/2021	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên		Phụ tùng xe máy	Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam	Không
12.	Hợp đồng nguyên tắc	230.189.214.190	02/01/2009	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Hạt nhựa		Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Không
13.	Hợp đồng nguyên tắc	136.067.137.603	01/07/2020	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Sản phẩm nhựa và sản phẩm được xi mạ		Công ty TNHH Sản xuất Hiệp Phước Thành	Không

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (đồng) (*)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH (**)
14.	Hợp đồng nguyên tắc	69.250.217.760	01/05/2019	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Hạt nhựa		Công ty TNHH SUMITOMO CORPORATION Việt Nam	Không
15.	Hợp đồng nguyên tắc	61.462.344.775	01/01/2017	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Hạt nhựa		Công ty TNHH INABATA Việt Nam	Không
16.	Hợp đồng nguyên tắc	46.529.592.271	10/07/2017	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Hạt nhựa, vật tư ngành nhựa		Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam	Không

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (đồng) (*)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH (**)
17.	Hợp đồng nguyên tắc	40.135.753.750	05/05/2019	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Hạt nhựa		Công ty TNHH Công Nghiệp và Dịch Vụ Bình Minh	Không
18.	Hợp đồng nguyên tắc	48.905.830.981	02/01/2016	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Hạt nhựa, bột màu, hạt màu		Công ty TNHH nhựa cao su Tiee ing Việt Nam	Không
19.	Hợp đồng nguyên tắc	16.978.910.175	01/01/2014	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Hạt nhựa		Công ty TNHH SIK Việt Nam	Không

STT	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (đồng) (*)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH (**)
20.	Hợp đồng nguyên tắc	26.876.820.544	16/08/2021	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Sản phẩm cơ khí		Công ty TNHH Linh Trung ES	Không
21.	Hợp đồng nguyên tắc	26.284.213.100	01/01/2024	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Công cụ, dụng cụ các loại		Công ty TNHH Cơ khí chính xác Minh Tùng	Không

Nguồn: NHH

(*) Hợp đồng nguyên tắc là hợp đồng không có giá trị, số liệu trên là tổng giá trị giao dịch phát sinh giữa NHH và các đối tác trong năm 2023 và 2024.

(**) Mối quan hệ giữa khách hàng/Nhà cung cấp với các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và cổ đông lớn của NHH.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.6.1.Các khách hàng lớn

Thông tin các khách hàng lớn của NHH

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch / doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ mua	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, TGĐ, Phó TGĐ và cổ đông lớn của NHH
1.	Công ty Honda Việt Nam	739.115.705.748	57,2%	Năm 2023	Phụ tùng xe máy	Không
2.	Công ty ô tô Toyota Việt Nam	98.370.222.975	7.6%	Năm 2023	Phụ tùng ô tô	Không
3.	Công ty TNHH Phụ tùng xe máy - ô tô Goshi Thăng Long	56.098.897.002	4,3%	Năm 2023	Phụ tùng xe máy	Không
4.	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	48.659.685.055	3,7%	Năm 2023	Phụ tùng xe máy	Không
5.	CN Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam tại Hưng Yên	43.314.462.929	3,6%	Năm 2023	Linh kiện điện tử, điện lạnh	Không
6.	Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	25.402.053.016	2%	Năm 2023	Phụ tùng ô tô	Không
7.	Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện nhựa Thaco	16.689.057.345	1,3%	Năm 2023	Phụ tùng xe máy	Không
8.	Công ty Honda Việt Nam	563.406.805.325	58,4%	Năm 2024	Phụ tùng xe máy	Không
9.	Chi nhánh Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam tại Hưng Yên	53.943.580.312	5.6%	Năm 2024	Linh kiện, điện tử, điện lạnh	Không

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch / doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ mua	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, TGĐ, Phó TGĐ và cổ đông lớn của NHH
10.	Công ty TNHH phụ tùng xe máy – ô tô Goshi – Thăng Long	41.782.503.774	4,3%	Năm 2024	Phụ tùng xe máy	Không
11.	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	37.467.790.481	3,9%	Năm 2024	Điện, điện tử	Không
12.	Công ty ô tô Toyota Việt Nam	20.805.089.482	2,2%	Năm 2024	Phụ tùng ô tô	Không
13.	Công ty TNHH sản xuất linh kiện nhựa Thaco	13.148.162.207	1,4%	Năm 2024	Phụ tùng xe máy	Không
14.	Công ty TNHH công nghiệp chính xác Việt Nam 1	11.586.897.551	1,2%	Năm 2024	Phụ tùng xe máy	Không
15.	Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	10.276.268.602	1,1%	Năm 2024	Phụ tùng ô tô	Không

Nguồn: NHH

10.6.2.Các nhà cung cấp lớn

Thông tin các nhà cung cấp lớn của NHH

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/ doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ giữa Nhà cung cấp/ Nhà thầu phụ lớn với thành viên HĐQT, KSV, TGĐ, Phó TGĐ và cổ đông lớn của NHH
1. nh	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	106.706.200.125	22.6%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
2.	Công ty TNHH Sumitomo corporation Việt Nam	39.734.373.800	8.4%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
3.	Công ty TNHH Inabata Việt Nam	31.551.908.175	6.7%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
4.	Công ty CP BMI Polymer	23.896.175.000	5.1%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
5.	Công ty TNHH Toyota Tsusho VN	22.920.277.250	4.8%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
6.	Công ty TNHH Công Nghiệp và Dịch Vụ Binh Minh	18.913.843.500	4.0%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
7.	Công ty TNHH nhựa cao su Tiee ing Việt Nam	16.966.624.825	3.6%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
8.	Công ty TNHH Linh Trung ES	14.367.523.800	3.0%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
9.	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Minh Tùng	10.971.768.100	2.3%	Năm 2023	Hạt nhựa	Không
10.	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	87.796.715.765	25.3%	Năm 2024	Hạt nhựa	Không

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/ doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ giữa Nhà cung cấp/ Nhà thầu phụ lớn với thành viên HĐQT, KSV, TGĐ, Phó TGĐ và cổ đông lớn của NHH
11.	Công ty TNHH Sumitomo corporation Việt Nam	22.278.446.520	6.2%	Năm 2024	Hạt nhựa	Không
12.	Công ty TNHH Inabata Việt Nam	21.796.398.600	6.1%	Năm 2024	Hạt nhựa	Không
13.	Công ty TNHH Nhựa cao su Tiee ing Việt Nam	22.677.670.406	6.6%	Năm 2024	Hạt nhựa	Không
14.	Công ty TNHH Toyota Tsusho VN	15.826.613.496	4.8%	Năm 2024	Hạt nhựa	Không
15.	Công ty TNHH Công Nghiệp và Dịch Vụ Bình Minh	14.991.876.250	4.1%	Năm 2024	Hạt nhựa	Không
16.	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Minh Tùng	10.618.962.000	2.28%	Năm 2024	Linh phụ kiện	Không
17.	Công ty CP BMI Polymer	10.409.610.000	2.23%	Năm 2024	Hạt nhựa	Không
18.	Công Ty TNHH Nhựa Vitahco	10.692.330.000	2.29%	Năm 2024	Hạt nhựa	Không

Nguồn: NHH

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội hiện đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất các sản phẩm nhựa ép, các sản phẩm nhựa khuôn và tấm ốp tường/sàn SPC. Với mỗi lĩnh vực kinh doanh, Công ty đang chiếm một thị phần và vị thế nhất định trên thị trường so với các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước, cụ thể:

- **Các sản phẩm nhựa ép**

CTCP Nhựa Hà Nội có hơn 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất nhựa ép, đặc biệt là các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao. Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm đáng kể trong việc phát triển công nghệ, quản lý sản xuất và xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược.

Từ những ngày đầu thành lập đến nay, NHH luôn nỗ lực mở rộng và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ nhằm đem đến hệ thống dịch vụ đa dạng, phong phú và hoàn thiện hơn, đem đến sự hài lòng cho khách hàng thông qua những sản phẩm, dịch vụ với chất lượng được đảm bảo theo yêu cầu với mức giá cạnh tranh.

Lợi thế lớn nhất của NHH là một trong số ít doanh nghiệp trong ngành nhựa ép tại Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn lớn như Toyota, Honda,LG, Daikin và Panasonic. Việc đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe từ các đối tác này đã khẳng định năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm của Công ty. Đồng thời, NHH cũng nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ Tập đoàn An Phát Holdings, giúp tăng cường nguồn lực tài chính, công nghệ và thị trường.

Trong lĩnh vực nhựa nói chung và sản xuất sản phẩm nhựa ép nói riêng, việc cạnh tranh trở nên ngày càng khó khăn khi Công ty không chỉ phải cạnh tranh với các đơn vị trong nước mà còn phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài có nhiều kinh nghiệm, tiềm lực tài chính mạnh và trình độ quản lý cao, công nghệ hiện đại. Do đó, để giữ vững vị thế hiện tại và nâng cao hơn nữa vị thế của Công ty thì NHH sẽ phải có những chiến lược phù hợp và nỗ lực rất nhiều trong tương lai.

- **Các sản phẩm khuôn**

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa, đặc biệt là các sản phẩm khuôn kỹ thuật cao, Công ty đã tích lũy được chuyên môn sâu rộng trong việc thiết kế, chế tạo, và sản xuất khuôn mẫu, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của các ngành công nghiệp như ô tô, điện tử, và thiết bị gia dụng. NHH sở hữu đội ngũ kỹ sư lành nghề cùng hệ thống máy móc hiện đại, bao gồm các máy ép nhựa và máy gia công khuôn nhập khẩu từ Nhật Bản, Đức, và Hàn Quốc. Điều này giúp công ty đảm bảo chất lượng và độ chính xác cao

cho từng sản phẩm, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc cung ứng linh kiện cho các đối tác lớn như Toyota, Honda, LG, và Panasonic.

So với các doanh nghiệp nội địa như Nhựa Rạng Đông hay Nhựa Duy Tân, NHH có sự khác biệt rõ rệt trong định hướng kinh doanh. Trong khi các doanh nghiệp này tập trung vào các sản phẩm nhựa dân dụng và xây dựng, NHH chuyên sâu vào ngành công nghiệp hỗ trợ, một phân khúc đòi hỏi trình độ công nghệ cao và khả năng tùy biến linh hoạt. Điều này giúp NHH xây dựng vị thế đặc biệt trong ngành, với thị phần ổn định trong lĩnh vực sản xuất linh kiện nhựa cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy. Tuy nhiên, khi so sánh với các doanh nghiệp FDI như Fujikura hay Nidec, NHH vẫn còn một số hạn chế về quy mô sản xuất và khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến. Dù vậy, Công ty vẫn sở hữu lợi thế lớn về chi phí sản xuất và khả năng đáp ứng nhanh nhu cầu của các đối tác tại thị trường nội địa.

Thêm vào đó, các sản phẩm nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa của Công ty nhiều năm liền được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là sản phẩm chủ lực của Thành phố, khách hàng của Công ty chiếm tới 90% là khách hàng có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, lợi thế cạnh tranh lớn của Công ty so với các doanh nghiệp cung ứng linh kiện nhựa khác là vừa có xưởng khuôn đủ thiết kế chế tạo khuôn, vừa có xưởng nhựa lớn để chế tạo sản phẩm. Nhờ đó, Công ty có thể chủ động thiết kế, chế tạo, bảo trì, bảo dưỡng, tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng.

- **Tấm ốp tường/sàn SPC**

CTCP Nhựa Hà Nội đã mở rộng sang lĩnh vực sản xuất tấm ốp tường và sàn SPC với mục tiêu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường xây dựng và nội thất. Dựa trên nền tảng kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất nhựa kỹ thuật, NHH nhanh chóng nắm bắt được các công nghệ tiên tiến trong sản xuất SPC, bao gồm ép đùn nhựa và xử lý bề mặt để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, bền bỉ và thẩm mỹ. Công ty sử dụng nguyên liệu chất lượng, kết hợp giữa nhựa và bột đá, giúp sản phẩm SPC của NHH đạt các tiêu chuẩn quốc tế về độ bền, chống nước, và thân thiện với môi trường.

NHH đối mặt với sự cạnh tranh từ các công ty nội địa khác như Nhựa Bình Minh hoặc Nhựa Tiền Phong, vốn có danh tiếng lâu đời trong ngành nhựa. Tuy nhiên, NHH nổi bật nhờ khả năng ứng dụng công nghệ tiên tiến và kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt, giúp sản phẩm SPC có tính cạnh tranh cao về chất lượng và giá cả. Hơn nữa, với danh mục sản phẩm đa dạng và các giải pháp tùy chỉnh theo nhu cầu khách hàng, NHH đã tạo được dấu ấn riêng trong phân khúc SPC cao cấp. Các doanh nghiệp FDI, như những công ty Trung Quốc, có lợi thế về quy mô sản xuất lớn và giá thành thấp. Tuy nhiên, NHH có ưu thế trong việc đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của thị trường nội địa, đảm bảo chất lượng dịch vụ và hậu mãi tốt hơn. Ngoài ra, sản phẩm SPC của NHH thường được thiết kế để phù hợp với thị hiếu người Việt

Nam, mang lại sự khác biệt so với các sản phẩm nhập khẩu.

Tấm ốp tường và sàn SPC đang trở thành một trong những sản phẩm chủ lực của NHH, đóng góp tích cực vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Theo kế hoạch năm 2024, NHH dự kiến tăng cường đầu tư vào dây chuyền sản xuất SPC nhằm nâng cao công suất và cải thiện chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh chiến lược tiếp thị và mở rộng hệ thống phân phối, tập trung vào các thị trường tiềm năng như xây dựng dân dụng, văn phòng và khu công nghiệp.

b) Triển vọng phát triển của ngành

- **Triển vọng ngành sản phẩm nhựa ép**

Ngành sản phẩm nhựa ép tại Việt Nam đang có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt trong các lĩnh vực ô tô, điện tử và xây dựng. Theo số liệu từ Bộ Công Thương, sản xuất và tiêu thụ ô tô tại Việt Nam đã tăng trưởng 20% trong năm 2023, tạo ra nhu cầu lớn về các linh kiện nhựa ép. Tương tự, ngành điện tử cũng đang mở rộng mạnh mẽ với việc các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, bao gồm các bộ phận nhựa, tiếp tục tăng trưởng. Nhu cầu tấm ốp nhựa trong xây dựng cũng gia tăng nhờ vào xu hướng sử dụng vật liệu nhẹ, bền và thân thiện với môi trường.

Sản xuất nhựa ép đang được cải tiến với các công nghệ mới như ép phun và ép nhiệt, giúp tăng cường hiệu quả và giảm chi phí sản xuất. Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy tỷ lệ các doanh nghiệp ngành nhựa ứng dụng công nghệ cao đã tăng từ 35% lên 50% trong vòng 3 năm qua, cho thấy ngành này đang nỗ lực cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm. Đặc biệt, các sản phẩm nhựa ép thân thiện với môi trường như nhựa tái chế hoặc nhựa sinh học đang được ưa chuộng, với mức tăng trưởng thị trường dự báo đạt 10-12% trong 5 năm tới.

Việt Nam đã ký kết các FTA quan trọng như CPTPP và EVFTA, giúp các sản phẩm nhựa ép Việt Nam dễ dàng thâm nhập vào các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản. Các doanh nghiệp nhựa ép sẽ được hưởng lợi từ việc giảm thuế xuất khẩu và tiếp cận các cơ hội hợp tác quốc tế. Đồng thời, Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ ngành nhựa, như việc giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu và thúc đẩy đầu tư vào công nghệ sản xuất. Số liệu từ Cục Công nghiệp cho thấy ngành công nghiệp nhựa đã nhận được hơn 2 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong năm 2023, chủ yếu vào các dây chuyền sản xuất nhựa ép và các sản phẩm nhựa cao cấp, mở ra cơ hội lớn cho ngành này.

- **Triển vọng ngành sản phẩm khuôn**

Ngành sản phẩm khuôn tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ nhờ vào nhu cầu cao từ các ngành công nghiệp như ô tô, điện tử và tiêu dùng. Theo số liệu từ Hiệp hội Nhựa Việt Nam, sản lượng khuôn phục vụ cho ngành ô tô đã tăng trưởng khoảng 15% trong năm 2023,

nhờ vào sự phát triển của ngành công nghiệp ô tô trong nước. Đồng thời, ngành điện tử cũng yêu cầu nhiều linh kiện nhựa cho các thiết bị như điện thoại, máy tính, giúp thúc đẩy nhu cầu về sản phẩm khuôn.

Chính phủ Việt Nam đang triển khai các chính sách hỗ trợ cho ngành nhựa, bao gồm ngành sản phẩm khuôn, thông qua việc giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu và khuyến khích đầu tư vào công nghệ sản xuất. Số liệu từ Bộ Công Thương cho thấy ngành nhựa đã nhận được hơn 1,5 tỷ USD vốn đầu tư FDI trong năm 2023, chủ yếu vào các doanh nghiệp sản xuất nhựa khuôn và linh kiện nhựa cao cấp. Chính sách này giúp các doanh nghiệp có cơ hội nâng cao năng lực sản xuất và mở rộng thị trường.

Thêm vào đó, ngành sản phẩm khuôn đang có cơ hội mở rộng ra thị trường quốc tế nhờ vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết, như CPTPP và EVFTA. Theo số liệu từ Cục Xúc tiến Thương mại, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm khuôn của Việt Nam trong năm 2023 đạt 2,3 tỷ USD, tăng 10% so với năm trước. Việc tham gia các FTA giúp các sản phẩm khuôn Việt Nam có thể tiếp cận dễ dàng hơn với các thị trường lớn như EU, Nhật Bản và Mỹ.

Ngành sản phẩm khuôn tại Việt Nam có triển vọng phát triển tích cực nhờ vào nhu cầu cao từ các ngành công nghiệp như ô tô, điện tử và xây dựng, ứng dụng công nghệ mới, cùng với sự hỗ trợ từ Chính phủ và các chính sách xuất khẩu. Tuy nhiên, để tận dụng cơ hội này, các doanh nghiệp cần tối ưu hóa chi phí sản xuất và cải tiến công nghệ để đối phó với sự cạnh tranh trong và ngoài nước.

- **Triển vọng ngành sản phẩm tấm ốp tường/sàn SPC**

Ngành sản phẩm tấm ốp tường/sàn SPC tại Việt Nam đang có triển vọng phát triển mạnh mẽ nhờ vào sự gia tăng nhu cầu từ ngành xây dựng và cải tạo nhà cửa. Theo số liệu từ Bộ Xây dựng, tổng giá trị thị trường bất động sản và xây dựng Việt Nam đạt hơn 20 tỷ USD trong năm 2023, với nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng nhẹ và bền như tấm ốp tường/sàn SPC tăng mạnh. Tấm SPC được ưa chuộng nhờ vào đặc tính chống thấm, dễ vệ sinh và khả năng chịu lực cao, rất phù hợp với các công trình xây dựng dân dụng và thương mại.

Chính phủ Việt Nam đang khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh, bao gồm tấm ốp tường/sàn SPC, thông qua các chính sách hỗ trợ như giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu, khuyến khích đầu tư vào công nghệ sản xuất sạch và bền vững. Số liệu từ Bộ Công Thương cho thấy, ngành vật liệu xây dựng nhận được hơn 1 tỷ USD vốn FDI trong năm 2023, với một phần lớn đầu tư vào các dây chuyền sản xuất tấm SPC. Chính sách này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất và phát triển các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Ngành sản phẩm tấm SPC đang chuyển mình với việc áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, như dây chuyền sản xuất tự động và công nghệ ép nhiệt. Số liệu từ Cục Công nghiệp cho thấy khoảng 30% các doanh nghiệp sản xuất tấm SPC đã đầu tư vào công nghệ mới, giúp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Công nghệ hiện đại giúp giảm chi phí sản xuất, đồng thời tạo ra các sản phẩm với thiết kế đa dạng và chất lượng ổn định.

Ngành sản phẩm tấm ốp tường/sàn SPC tại Việt Nam có triển vọng phát triển mạnh mẽ nhờ vào nhu cầu từ ngành xây dựng, xu hướng tiêu dùng vật liệu xanh và sự ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại. Chính sách hỗ trợ của Chính phủ và sự gia tăng đầu tư từ các doanh nghiệp cũng là yếu tố quan trọng giúp ngành này phát triển bền vững. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần đối phó với thách thức về chi phí nguyên liệu và sự cạnh tranh để duy trì lợi thế trong thị trường ngày càng mở rộng.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và tình hình dịch bệnh Covid-19 chính là những chất xúc tác quan trọng trong làn sóng chuyển dịch sản xuất sản phẩm nhựa hỗ trợ từ Trung Quốc sang Việt Nam. Với kinh nghiệm cung cấp cho nhiều Tập đoàn ô tô xe máy, điện tử, điện gia dụng hàng đầu thế giới, cùng quy mô sản xuất lớn, liên tục cải tiến quy trình, công nghệ, Tập đoàn đã thu hút được thêm nhiều đối tác, đơn hàng mới trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Chính sách của Nhà nước: Phát triển ngành nhựa nói chung và ngành công nghiệp phụ trợ nói riêng đang là một trong những mục tiêu mà Chính phủ đặt ra và hỗ trợ doanh nghiệp, cụ thể được quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP về quản lý phát triển cụm công nghiệp và Nghị định 111/2014/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ với các điểm ưu đãi chính sau:

- **Về chính sách tài chính – tín dụng:** Miễn thuế nhập khẩu, xuất khẩu. Hạn mức vay tối đa 70% tổng mức đầu tư, lãi suất vay không quá trần lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Miễn/giảm thuế đất, chi phí thuê đất hàng năm,....
- **Về chính sách nghiên cứu – phát triển:** Các doanh nghiệp được hỗ trợ đào tạo từ các chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ do Bộ Công Thương tổ chức, tài trợ tối đa 50% chi phí đầu tư vào chương trình nghiên cứu phát triển hoặc làm các dự án nghiên cứu.
- **Về chính sách khác:** Hỗ trợ phát triển thị trường, hợp tác quốc tế và các ưu tiên tham gia chương trình xúc tiến thương mại quốc gia,..

Theo Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục 10 ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn giai đoạn 2007- 2010, tầm nhìn đến năm 2020, ngành Nhựa cũng nằm trong

danh sách các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Song song với đó là Quyết định số 2992/QĐ-BTC ngày 17/6/2011 về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035, Chính phủ đặt ra kế hoạch đầu tư chi tiết, ưu tiên phát triển ngành Nhựa thành ngành kinh tế mạnh. Điều này cho thấy ngành Nhựa sẽ được tạo nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu.

Như vậy, triển vọng phát triển của Công ty là phù hợp với sự phát triển của xu hướng chung của thế giới và các chính sách của Chính phủ. Sở hữu lợi thế về cơ sở vật chất, công nghệ, nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực nhựa nói chung và công nghiệp phụ trợ nói riêng cùng với đội ngũ nhân sự dày dạn kinh nghiệm, Công ty hoàn toàn có thể đạt những bước phát triển mạnh và vững chắc trong tương lai.

10.8. Hoạt động Marketing của Công ty

Khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống; do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn có nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến Công ty, đến các sản phẩm của Nhựa Hà Nội hoặc về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, việc quảng bá, giới thiệu về Công ty còn thông qua các buổi giao thương, gặp gỡ giữa các doanh nghiệp được tổ chức bởi Trung tâm xúc tiến TM - Bộ công thương, Tổ chức Jestro... Ngoài ra, Công ty cũng tích cực tham gia các triển lãm trong và ngoài nước, gửi email và phát tờ rơi giới thiệu sản phẩm đến các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh Công ty và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo và nhãn hiệu Công ty:

Logo của Công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ. Từ ngày 29/09/2018, Nhựa Hà Nội cùng các thành viên khác trong Tập đoàn An Phát chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với sự thống nhất sử dụng một logo duy nhất. Logo được thiết kế cách điệu từ chữ A, biểu tượng dẫn đầu và là chữ cái đầu tiên của thương hiệu An Phát. Hai màu xanh dương và màu xanh lá cây được sử dụng chủ đạo mang nhiều ý nghĩa. Màu xanh dương biểu trưng cho công nghệ, thể hiện xu hướng hội nhập của An Phát trong thời đại công nghệ số 4.0. Trong logo có chứa một mũi tên đi lên đại diện cho khát vọng tiến

lên phía trước, không ngừng nỗ lực của Công ty. Đặc biệt, logo mới có hình dạng ngọn núi, truyền tải thông điệp về định hướng trở thành chỗ dựa vững chắc, thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt, giúp nâng tầm ngành nhựa Việt Nam.

10.10. Chính sách nghiên cứu, phát triển

Chính sách nghiên cứu phát triển

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển cũng như đến hiện tại, đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do đó, Công ty ưu tiên nguồn lực, khuyến khích cải tiến sản xuất, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo. Chính sách nghiên cứu phát triển được triển khai theo các ưu tiên chính như sau:

- Duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của của hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001-2015 và hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14005.
- Nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tối ưu các quy trình quản lý sản xuất, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dụng cụ phục vụ sản xuất, định mức lao động, định mức nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất ổn định.
- Tăng cường tự động hóa, giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty

Nhờ việc triển khai tích cực, hiệu quả các chính sách nghiên cứu, phát triển, Công ty đã luôn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng FDI, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, đồng thời mở rộng được tập khách hàng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Các chính sách, chương trình cải tiến sản xuất được các khách hàng đánh giá cao, giúp giảm tỷ lệ lỗi sản phẩm, rút ngắn thời gian giao hàng, tối ưu hiệu quả sản xuất, giảm tiêu hao năng lượng, nguyên vật liệu.

10.11. Chiến lược kinh doanh

- **Tổng quan chiến lược**

Trong giai đoạn 2022 - 2025, NHH giữ vững tầm nhìn khẳng định vị thế đầu tàu của doanh nghiệp trong ngành công nghiệp hỗ trợ tại phía Bắc. Thông qua định hướng chiến lược tiếp tục phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ ép phun nhựa và chế tạo khuôn mẫu, Công ty sẽ đón bắt các cơ hội phát triển mạnh mẽ được mở ra nhờ các chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ của Nhà nước, xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng của các doanh

nghiệp FDI sang Việt Nam và sự tăng trưởng của khu vực sản xuất – chế biến – chế tạo trong nước. Công ty sẽ tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị của các khách hàng hiện hữu, đồng thời chủ động mở rộng mạng lưới khách hàng và sản phẩm cung ứng, gia tăng hiện diện thị trường và tiếp tục cải tiến nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- **Thời gian, nguồn vốn và nguồn lực thực hiện**

Để hiện thực hóa chiến lược trên, trong năm 2022 - 2025, Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực tài chính và nhân sự để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh với các ưu tiên sau:

- Nâng cao năng lực sản xuất nhằm tăng cường và chiếm lĩnh thị trường ép phun nhựa trong ngành công nghiệp hỗ trợ, đón bắt và đáp ứng nhu cầu phát triển nhà cung cấp của các đối tác lớn ngành ô tô như Toyota, Honda Việt Nam, Hyundai Thành Công, Mitsubishi, Vinfast,..., đón bắt và đáp ứng nhu cầu cung cấp các linh kiện điện tử cho Foxconn, LG, Panasonic, Daikin..., tăng thêm khả năng đáp ứng nhu cầu chi tiết thiết bị vệ sinh của Toto Việt Nam..., nỗ lực tìm kiếm thêm các khách hàng khác và phát triển sản phẩm mới.

- Tiếp tục thực hiện cải tiến sản xuất theo chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của Samsung Việt nam do Bộ Công thương chủ trì và chương trình hỗ trợ cải tiến từ khách hàng TOYOTA Việt Nam, tăng cường triển khai các sáng kiến trong sản xuất kinh doanh.

- Kiện toàn nhân sự, cơ cấu tổ chức sản xuất, hướng tới sẽ tinh giản bộ máy quản lý, tăng cường nâng cao năng lực cán bộ, chuẩn bị nguồn nhân lực cho kế hoạch phát triển của Công ty.

- Tiết giảm chi phí tất cả các công đoạn sản xuất, đầu tư công nghệ hiện đại, giảm lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động, đầu tư thiết bị, công nghệ chế tạo khuôn chính xác, đáp ứng được giá cạnh tranh, thu hút nhiều khách hàng, tăng hiệu quả SXKD trong những năm tới.

- Đẩy mạnh truyền thông quảng bá cho sản phẩm và thương hiệu.

- **Kế hoạch tăng cường quản trị công ty**

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty, Điều lệ công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Các nguyên tắc quản trị công ty được Công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

10.12. Ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công ty

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

➢ **Cơ cấu người lao động:**

Cơ cấu người lao động bình quân 2 năm 2023 và 2024

Tiêu chí phân loại	Bình quân năm 2023		Bình quân năm 2024	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ học vấn	**1.592**	**100%**	**1.669**	**100%**
1. Trên đại học	5	0,31%	4	0,24%
2. Trình độ đại học và tương đương	243	15,26%	257	15,40%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	148	9,30%	154	9,23%
4. Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề	217	13,63%	129	7,73%
5. Lao động phổ thông	979	61,49%	1.125	67,41%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	**1.592**	**100%**	**1.669**	**100,00%**
1. Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	-	0,00%	-	0,00%
2. Hợp đồng không xác định thời hạn	1.198	75,44%	1.290	77,29%
3. Hợp đồng thời hạn 1-3 năm	338	21,28%	338	20,25%
4. Hợp đồng thời vụ, thử việc	56	3,27%	41	2,46%

Nguồn: NHH

Cơ cấu người lao động tại thời điểm 31/03/2025

Tiêu chí phân loại	Tại thời điểm 31/03/2025	
	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ học vấn	**1.724**	**100%**
1. Trên đại học	4	0,23%
2. Trình độ đại học và tương đương	259	15,02%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	148	8,58%
4. Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề	48	2,78%
5. Lao động phổ thông	1.265	73,38%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	**1.724**	**100%**
1. Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0%
2. Hợp đồng không xác định thời hạn	1.329	77,09%
3. Hợp đồng thời hạn 1-3 năm	278	16,13%
4. Hợp đồng thời vụ, thử việc	117	6,79%

Nguồn: NHH

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã xây dựng chính sách đối với người lao động cụ thể như sau:

➢ **Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Người lao động làm việc tại Công ty theo các ca sản xuất, nhà máy hoạt động liên tục 24/24. Người lao động khi làm việc tại Công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục và các thiết bị bảo hộ lao động, được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc. Ngoài ra, hoạt động Công đoàn Công ty cũng rất mạnh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động. Công ty cũng tham gia hưởng ứng công tác Đoàn thanh niên, hoạt động của Công đoàn cấp cơ sở cũng như tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề…

Giờ làm việc hành chính đối với nhân viên Công ty: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Công nhân sản xuất được chia ca làm việc để đảm bảo quy trình sản xuất của nhà máy.

Hỗ trợ ăn ca:

+ Đối với mỗi ca làm việc của công nhân, Công ty hỗ trợ 01 bữa ăn chính và 01 bữa ăn phụ, bữa phụ cách bữa chính khoảng 4 giờ đồng hồ.

+ Suất ăn bữa chính là 30.000 đồng/người, suất ăn bữa phụ là 15.500 đồng/người. Công ty còn thực hiện việc tổ chức bữa ăn nâng cao cho toàn thể cán bộ nhân viên công ty vào các ngày Lễ: 8/3, 20/10, ngày thành lập Tập đoàn, ngày thành lập Công ty.

+ Công nhân được phục vụ nước giải khát ngay tại nơi làm việc.

+ Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi ngoài giờ làm việc, tổ chức du xuân đầu năm và tổ chức đi nghỉ mát vào dịp hè, dịp lễ tết cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, nhà xưởng được đầu tư hệ thống làm mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

➢ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo:**

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài cả ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo... Các cán bộ công nhân viên có yêu cầu học tập cũng được Công ty hỗ trợ chi phí cho các khóa nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn.

➢ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh và hàng tháng được chi trả một lần vào ngày 08 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Công ty.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong

việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho CBCNV. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động ngoài ra công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe cho các cán bộ quản lý từ tổ trưởng trở lên. Hàng năm, vào dịp hè Công ty tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát; nhân dịp 8/3 Công ty tổ chức thăm quan, du lịch; tổ chức tặng quà nhân dịp sinh nhật, tặng quà cho con CBCNV nhân dịp 1/6, tết trung thu; tổ chức thăm và tặng quà CBCNV có hoàn cảnh khó khăn...

- **Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động:** Không có.

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Ghi chú
2021	10% bằng tiền mặt	Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CTCP Nhựa Hà Nội ngày 31/05/2022 (Đã chi trả)
2022	5% bằng tiền mặt	Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của CTCP Nhựa Hà Nội ngày 21/04/2023 (Đã chi trả)

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Ghi chú
2023	5% bằng tiền mặt	Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của CTCP Nhựa Hà Nội ngày 16/05/2024 (Đã chi trả)

Nguồn: NHH

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Không có.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết, tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Tóm tắt hoạt động kinh doanh của NHH năm 2023, 2024 và Quý I/2025

(số liệu công ty mẹ)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm 2024 so với 2023 (%)	Quý I/2025
Tổng giá trị tài sản	1.516.958.294.029	1.421.338.666.448	-6,30%	1.522.573.586.228

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm 2024 so với 2023 (%)	Quý I/2025
Vốn chủ sở hữu	1.198.185.268.958	1.170.020.625.762	-2,35%	1.173.860.431.337
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.289.032.801.780	1.374.087.003.248	6,60%	380.132.819.601
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.663.321.375	158.603.355.334	8,88%	45.506.202.696
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	55.605.831.694	23.949.617.190	-56,93%	2.960.983.808
Lợi nhuận khác	4.951.748.728	4.205.492.174	-15,07%	1.878.364.806
Lợi nhuận trước thuế	60.557.580.422	28.155.109.364	-53,51%	4.839.348.614
Lợi nhuận sau thuế	47.738.069.338	18.612.130.440	-61,01%	3.839.805.575
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	76,33%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	5%	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Tóm tắt hoạt động kinh doanh của NHH năm 2023, 2024 và Quý I/2025 (số liệu hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm 2024 so với 2023 (%)	Quý I/2025
Tổng giá trị tài sản	2.076.629.829.589	1.930.231.139.346	-7,05%	2.013.123.237.050
Vốn chủ sở hữu	1.373.217.933.338	1.356.545.653.310	-1,21%	1.372.143.622.982
Doanh thu thuần	2.039.284.758.153	2.096.905.452.640	2,83%	569.286.567.126
Lợi nhuận gộp	302.626.641.681	390.644.562.460	29,08%	105.732.507.103
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	117.070.651.554	112.348.581.626	-4,03%	22.137.911.377
Lợi nhuận khác	3.472.590.912	-878.042.106	-	1.644.632.747
Lợi nhuận trước thuế	120.543.242.466	111.470.539.520	-7,53%	23.782.544.124
Lợi nhuận sau thuế	96.243.253.037	87.854.703.191	-8,72%	19.157.176.246

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm 2024 so với 2023 (%)	Quý I/2025
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	37,86%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	5%	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 2 năm 2023 và 2024

1.2.1. Thuận lợi

- **Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mang đến nhiều cơ hội**

Việc Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã mang đến nhiều cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ nhựa. Các đối tác đang chuyển dần đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng chi phí sản xuất rẻ và thuế xuất khẩu được hưởng nhiều ưu đãi. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa tại thị trường các nước châu Âu (EU), Nhật Bản vẫn ở mức cao, trong khi đó, khách hàng tại các quốc gia này ngày càng ưa thích sản phẩm nhựa Việt Nam.

Đáng chú ý, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang khiến cho nhiều doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ nhựa của Trung Quốc ngày càng tìm đến các nước trong khu vực Đông Nam Á để đầu tư nhằm tránh Mỹ đánh thuế cao nhóm mặt hàng này nhập từ Trung Quốc, trong đó Việt Nam được xem là một trong những điểm đến được chú ý.

- **Chính sách hỗ trợ của Chính phủ**

Chính phủ Việt Nam đã triển khai các chính sách ưu đãi thuế và khuyến khích đầu tư vào ngành nhựa, đặc biệt là các sản phẩm nhựa công nghiệp như nhựa ép, nhựa khuôn và nhựa xây dựng. CTCP Nhựa Hà Nội đã và đang tận dụng các chính sách giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu, hỗ trợ tín dụng ưu đãi và khuyến khích phát triển sản phẩm xanh để giảm chi phí sản xuất và gia tăng khả năng cạnh tranh.

- **Tiềm lực của Công ty**

Công ty có uy tín và vị thế trong ngành nhựa Việt Nam, có kinh nghiệm nhiều năm sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cung cấp cho ngành công nghiệp hỗ trợ: ô tô, xe máy, điện, điện tử, điện lạnh, khuôn nhựa... cung cấp cho thị trường trong nước, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Châu Âu.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có mạng lưới khách hàng rộng khắp, từ các Tập đoàn đa quốc gia toàn cầu như Honda, Toyota, Piaggio, LG, Panasonic... cho đến các doanh nghiệp lớn trong nước như Vinfast. Các khách hàng của Công ty phần lớn là các khách hàng lâu năm, đã có mối quan hệ hợp tác bền chặt với Công ty.

Đội ngũ cán bộ quản lý của công ty nhiệt tình, chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm, được rèn giũa đào tạo thông qua các đối tác Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa và thiết kế, chế tạo khuôn nhựa. Lực lượng sản xuất trực tiếp có nhiều nhân viên, người lao động với trình độ tay nghề cao, chuyên cần, làm việc nghiêm túc, bài bản theo các phương thức quản lý sản xuất của các công ty Nhật Bản như quản lý 5S, TPS.

Công ty có hệ thống máy móc thiết bị mới tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các sản phẩm nhựa chất lượng cao và chi phí hợp lý với năng suất cao, phấn đấu giá cạnh tranh.

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000, ISO 14000 và theo các tiêu chuẩn riêng của từng khách hàng (ví dụ: TS của Toyota, HES của Honda..).

1.2.2. Khó khăn

- **Biến động giá nguyên liệu**

Ngành nhựa phụ thuộc nhiều vào các nguyên liệu đầu vào như hạt nhựa, PVC và các hóa chất khác. Tuy nhiên, giá các nguyên liệu này có thể biến động mạnh do yếu tố quốc tế, chẳng hạn như sự thay đổi giá dầu mỏ hay tình trạng thiếu hụt nguồn cung toàn cầu. Điều này làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận của CTCP Nhựa Hà Nội và khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- **Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành**

Cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt. Dù xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng của các khách hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam là khá rõ rệt, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chịu áp lực về giá bán từ các khách hàng.

Công ty luôn nhận thức được vấn đề này và đang áp dụng nhiều biện pháp để tăng cường tính cạnh tranh như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến để bảo toàn lợi nhuận, kiểm soát chi phí để tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá, đồng thời đảm bảo chế độ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- **Thị trường xe máy đang dần bão hòa, tỷ lệ nội địa hóa của ngành sản xuất ô tô còn hạn chế**

Sản phẩm chiếm tỷ trọng doanh thu lớn hiện nay của Công ty CP Nhựa Hà Nội là các chi tiết nhựa để lắp ráp xe máy. Tuy nhiên, hiện nay thị trường xe máy đang dần bão hòa và định hướng của Chính phủ Việt Nam là hướng tới phát triển giao thông công cộng, hạn chế xe máy trong các

thành phố lớn nên sức cầu mua của thị trường được dự báo sẽ giảm trong thời gian tới. Ở lĩnh vực sản xuất linh kiện ô tô, chính sách thuế nhập khẩu ô tô nguyên chiếc và linh kiện ô tô giảm theo lộ trình hội nhập thế giới khiến tỷ lệ nội địa hóa của các nhà sản xuất hiện nay còn hạn chế, đồng thời dẫn đến xu hướng gia tăng cạnh tranh giữa các nhà cung ứng linh kiện cả trong và ngoài nước. Nhận biết được xu hướng này, Công ty đã đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tập khách hàng và thị trường nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu chính xác. Đặc biệt, Công ty phát triển thêm các sản phẩm hộp đựng thực phẩm, cốc, dao thìa dĩa sử dụng vật liệu tự hủy thân thiện với môi trường, mở rộng thị trường xuất khẩu và nội địa.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành sản xuất nhựa, Công ty đã xây dựng được hệ thống quản trị và kiểm soát tốt, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và không phát sinh các biến động lớn từ nội tại doanh nghiệp để ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên, tình hình cuộc chiến giữa Nga và Ukraine tiếp tục diễn ra phức tạp năm 2024 đã có tác động sâu rộng đến hoạt động kinh doanh của CTCP Nhựa Hà Nội, từ việc tăng chi phí nguyên liệu, gián đoạn chuỗi cung ứng, tăng chi phí vận chuyển, đến sự giảm sút nhu cầu tiêu dùng và khó khăn trong xuất khẩu. Để đối phó với những ảnh hưởng này, Công ty đã linh hoạt điều chỉnh chiến lược, tìm kiếm nguồn cung thay thế, và phát triển các thị trường xuất khẩu mới để giảm thiểu tác động tiêu cực từ cuộc chiến.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ của Công ty.

Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Vốn điều lệ	728.800.000.000	728.800.000.000	728.800.000.000

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Bảng báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

(số liệu công ty mẹ)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I. Vốn chủ sở hữu	**1.198.185.268.958**	**1.170.020.625.762**	**1.173.860.431.337**
Vốn góp của chủ sở hữu	728.800.000.000	728.800.000.000	728.800.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	327.962.683.602	327.962.683.602	327.962.683.602
Quỹ đầu tư phát triển	3.598.936.874	3.598.936.874	3.598.936.874
LNST chưa phân phối	137.823.648.482	109.659.005.286	113.498.810.861
II. Nợ phải trả	**318.773.025.071**	**251.318.040.686**	**348.713.154.891**
Nợ ngắn hạn	307.299.416.894	243.405.562.355	340.800.676.560
Nợ dài hạn	11.473.608.177	7.912.478.331	7.912.478.331
Tổng nguồn vốn kinh doanh	**1.516.958.294.029**	**1.421.338.666.448**	**1.522.573.586.228**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Bảng báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

(số liệu hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I. Vốn chủ sở hữu	**1.373.217.933.338**	**1.356.545.653.310**	**1.372.143.622.982**
Vốn góp của chủ sở hữu	728.800.000.000	728.800.000.000	728.800.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	327.962.683.602	327.962.683.602	327.962.683.602
Quỹ đầu tư phát triển	13.417.059.302	13.417.059.302	13.417.059.302
LNST chưa phân phối	279.045.243.670	285.545.590.690	301.140.281.650
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23.992.946.764	820.319.716	823.598.428
II. Nợ phải trả	**703.411.896.251**	**573.685.486.036**	**640.979.614.068**
Nợ ngắn hạn	666.286.577.823	511.697.586.717	578.991.714.749
Nợ dài hạn	37.125.318.428	61.987.899.319	61.987.899.319
Tổng nguồn vốn kinh doanh	**2.076.629.829.589**	**1.930.231.139.346**	**2.013.123.237.050**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

(số liệu công ty mẹ)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.020.226.762	12.919.357.706	105.044.853.931
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100.000.000.000	0	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	179.151.148.516	184.515.400.451	230.637.095.374
Hàng tồn kho	51.307.628.098	58.672.971.294	70.781.225.350
Tài sản ngắn hạn khác	1.256.438.216	2.899.998.106	5.325.909.117
Các khoản phải thu dài hạn	21.824.736.479	3.484.785.567	3.484.785.567
Tài sản cố định	164.647.879.541	200.984.562.254	200.479.899.225
Tài sản dở dang dài hạn	638.940.000	1.533.607.401	730.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	942.530.040.358	938.729.106.216	881.426.276.216
Tài sản dài hạn khác	14.581.256.059	17.598.877.453	24.663.541.448
Tổng cộng	**1.516.958.294.029**	**1.421.338.666.448**	**1.522.573.586.228**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

(số liệu hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.340.657.663	191.950.270.642	193.478.359.043
Đầu tư tài chính ngắn hạn	200.192.000.000	760.062.000	99.057.600.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	294.940.405.706	378.616.624.372	409.206.071.423
Hàng tồn kho	230.582.555.144	218.749.159.456	241.806.828.211
Tài sản ngắn hạn khác	39.694.163.986	45.107.159.373	38.510.804.678
Các khoản phải thu dài hạn	5.357.993.671	5.087.567.309	5.087.567.309
Tài sản cố định	798.732.153.906	828.896.685.347	818.408.360.774
Tài sản dở dang dài hạn	1.908.654.472	1.533.607.401	2.398.481.000
Đầu tư tài chính dài hạn	299.132.386.348	117.453.931.611	53.241.612.103
Tài sản dài hạn khác	137.748.858.693	142.076.071.835	151.927.552.509
Tổng cộng	**2.076.629.829.589**	**1.930.231.139.346**	**2.013.123.237.050**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

Bảng số năm khấu hao TSCĐ hữu hình

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 15 năm
Phương tiện vận tải	03 – 15 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
Phần mềm máy tính	03 – 08 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 của NHH

Công ty luôn thực hiện trích khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình tài sản cố định của Công ty

(số liệu công ty mẹ)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tài sản cố định hữu hình	**128.909.489.410**	**163.462.463.510**	**164.121.264.369**
- *Nguyên giá*	*666.079.596.672*	*725.242.089.748*	*729.290.507.119*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*-537.170.107.262*	*-561.779.626.238*	*-565.169.242.750*
Tài sản cố định vô hình	**5.261.629.781**	**4.415.694.729**	**4.045.064.271**
- *Nguyên giá*	*12.561.004.411*	*11.264.181.365*	*11.319.181.365*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*-7.299.374.630*	*-6.848.486.636*	*-7.274.117.094*

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của NHH

Tình hình tài sản cố định của Công ty

(số liệu hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tài sản cố định hữu hình	**723.455.269.424**	**764.654.249.637**	**756.311.920.377**
- *Nguyên giá*	*1.508.242.011.291*	*1.638.307.185.351*	1.649.324.002.722
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*-784.786.741.867*	*-873.652.935.714*	*-893.012.082.345*
Tài sản cố định vô hình	**6.645.056.816**	**7.433.730.165**	**6.821.046.162**
- *Nguyên giá*	*16.211.789.411*	*17.164.966.365*	17.219.966.365
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*-9.566.732.595*	*-9.731.236.200*	*-10.398.920.203*

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

2.1.3. Mức lương bình quân

Người lao động tại NHH được đảm bảo thu nhập và các quyền lợi xứng đáng với giá trị mà mình mang lại. Với các chính sách rõ ràng và minh bạch, Công ty mang đến cho người lao động những giá trị vật chất và tinh thần mà họ xứng đáng được hưởng. NHH cam kết bảo đảm các chính sách, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động cũng như nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Mức lương bình quân của người lao động năm 2023 là **13,78 triệu đồng/tháng**, năm 2024 là **15,6 triệu đồng/tháng.** Do Công ty không có số liệu về mức lương của người lao động tại các doanh nghiệp khác trong ngành nên không thể so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành.

2.1.4. Tình hình công nợ

➢ **Các khoản phải thu**

Tình hình số dư các khoản phải thu của NHH tại các thời điểm như sau:

Các khoản phải thu tại các thời điểm

(số liệu công ty mẹ)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	**179.151.148.516**	**184.515.400.451**	**230.637.095.374**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	142.912.296.184	165.070.932.697	196.291.566.572
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.005.249.135	20.867.207.989	33.524.466.827
Phải thu về cho vay ngắn hạn	13.200.000.000	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	12.636.455.173	1.655.656.873	3.899.459.083

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	- 1.602.851.976	- 3.078.397.108	-3.078.397.108
Các khoản phải thu dài hạn	**21.824.736.479**	**3.484.785.567**	**3.484.785.567**
Phải thu về cho vay dài hạn	20.000.000.000	-	-
Phải thu dài hạn khác	1.824.736.479	3.484.785.567	3.484.785.567
Tổng	**200.975.884.995**	**188.000.186.018**	**234.121.880.941**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Các khoản phải thu tại các thời điểm
(số liệu hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	**294.940.405.706**	**378.616.624.372**	**409.206.071.423**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	225.698.917.511	298.853.660.085	307.842.436.886
Trả trước cho người bán ngắn hạn	32.932.283.075	25.921.034.452	94.147.408.827
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.000.000.000	50.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	30.912.057.096	7.480.648.816	10.854.944.691
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	- 1.602.851.976	- 3.638.718.981	- 3.638.718.981
Các khoản phải thu dài hạn	**5.357.993.671**	**5.087.567.309**	**5.087.567.309**
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	5.357.993.671	5.087.567.309	5.087.567.309
Tổng	**300.298.399.377**	**383.704.191.681**	**414.293.638.732**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Tình hình nợ xấu của CTCP Nhựa Hà Nội như sau:

Các khoản nợ xấu tại các thời điểm

(số liệu công ty mẹ)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Linh Phụng	1.690.082.108	507.024.632	1.679.082.108	0	1.679.082.108	0
Công ty TNHH Cơ điện tử Bách Khoa	1.399.315.000	979.520.500	1.399.315.000	0	1.399.315.000	0
Tổng	**3.089.397.108**	**1.486.545.132**	**3.078.397.108**	**0**	**3.078.397.108**	**0**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

(*) Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng 100% cho khoản nợ xấu này.

Các khoản nợ xấu tại các thời điểm

(số liệu hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Linh Phụng	1.690.082.108	507.024.632	1.679.082.108	0	1.679.082.108	0
Công ty TNHH Cơ điện tử Bách Khoa	1.399.315.000	979.520.500	1.399.315.000	0	1.399.315.000	0
Công ty cổ	0	0	560.321.873	0	560.321.873	0

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
phần xây dựng thương mại dịch vụ trang trí sinh thái						
Tổng	**3.089.397.108**	**1.486.545.132**	**3.638.781.981**	0	**3.638.781.981**	0

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

(*) Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng 100% cho khoản nợ xấu này.

➢ **Các khoản phải trả**

Tình hình số dư các khoản phải trả của NHH như sau:

Các khoản phải trả tại các thời điểm

(số liệu công ty mẹ)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nợ ngắn hạn	**307.299.416.894**	**243.405.562.355**	**340.800.676.560**
Phải trả người bán ngắn hạn	83.227.724.274	78.878.199.320	102.676.226.625
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	624.148.700	4.567.886.558	9.473.768.669
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.788.955.547	5.566.380.205	1.153.132.449
Phải trả người lao động	11.833.952.600	10.728.772.838	9.939.310.821
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.361.313.676	16.688.208.513	7.429.194.984
Phải trả ngắn hạn khác	120.630.297	123.070.785	821.162.248
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	185.959.202.446	104.273.557.003	187.152.827.227
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	12.383.489.354	22.579.487.133	22.155.053.537
Nợ dài hạn	**11.473.608.177**	**7.912.478.331**	**7.912.478.331**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.473.608.177	7.912.478.331	7.912.478.331
Tổng cộng	**318.773.025.071**	**251.318.040.686**	**348.713.154.891**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Các khoản phải trả tại các thời điểm

(số liệu hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nợ ngắn hạn	**666.286.577.823**	**511.697.586.717**	**578.991.714.749**
Phải trả người bán ngắn hạn	126.460.714.750	151.502.988.335	165.025.076.301
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20.890.314.563	11.074.253.824	21.910.501.210
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.476.493.621	19.713.181.099	6.315.511.493
Phải trả người lao động	22.163.048.875	25.057.547.792	22.125.361.888
Chi phí phải trả ngắn hạn	24.260.845.667	29.760.842.941	17.770.987.624
Phải trả ngắn hạn khác	2.000.154.598	3.479.824.889	4.573.090.090
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	448.650.974.237	244.959.596.102	313.184.299.237
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	12.384.031.512	26.149.351.735	28.086.886.906
Nợ dài hạn	**37.125.318.428**	**61.987.899.319**	**61.987.899.319**
Phải trả dài hạn khác	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	37.125.318.428	61.987.899.319	61.987.899.319
Tổng cộng	**703.411.896.251**	**573.685.486.036**	**640.979.614.068**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

2.1.5. Tình hình dư nợ vay

Tình hình số dư các khoản vay của NHH tại các thời điểm như sau:

Số dư các khoản vay tại các thời điểm (Riêng)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
a. Vay ngắn hạn	**185.959.202.446**	**104.273.557.003**	**187.152.827.227**
Vay ngân hàng	176.758.392.748	95.959.223.757	181.349.521.788
Vay dài hạn đến hạn trả	1.929.925.464	1.929.925.464	1.447.444.098
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	7.270.884.234	6.384.407.782	4.355.861.341
b. Vay dài hạn	**11.473.608.177**	**7.912.478.331**	**7.912.478.331**
Vay ngân hàng	2.891.633.226	961.707.762	961.707.762

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nợ thuê tài chính	8.581.974.951	6.950.770.569	6.950.770.569
Tổng cộng	**197.432.810.623**	**112.186.035.334**	**195.065.305.558**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Số dư các khoản vay tại các thời điểm

(số liệu Hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
a. Vay ngắn hạn	**448.650.974.237**	**244.959.596.102**	**313.184.299.237**
Vay ngân hàng	387.680.994.485	217.375.980.600	293.009.575.305
Vay dài hạn đến hạn trả	15.449.899.464	15.625.925.464	11.719.444.098
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	16.520.080.288	11.957.690.038	8.455.279.834
Vay các đối tượng khác	29.000.000.000	-	-
b. Vay dài hạn	**37.125.318.428**	**61.987.899.319**	**61.987.899.319**
Vay ngân hàng	20.666.555.426	48.176.707.762	48.176.707.762
Nợ thuê tài chính	16.458.763.002	13.811.191.557	13.811.191.557
Tổng cộng	**485.776.292.665**	**306.947.495.421**	**375.172.198.556**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội cam kết đã thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của các khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng/cam kết và không có nợ quá hạn tính đến thời điểm hiện tại.

2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định

Tính đến thời điểm 31/03/2025, Công ty đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến thuế theo quy định.

Tình hình các khoản phải nộp theo luật định của NHH tại các thời điểm như sau:

Các khoản phải nộp theo luật định

(số liệu công ty mẹ)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Thuế giá trị gia tăng	534.577.755	754.704.481	153.589.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.171.222.016	4.572.458.379	999.543.039
Thuế thu nhập cá nhân	72.097.000	239.217.345	-
Thuế xuất, nhập khẩu	11.058.776	-	-
Thuế, phí khác	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	**2.788.955.547**	**5.566.380.205**	**1.153.132.449**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Các khoản phải nộp theo luật định
(số liệu hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Thuế giá trị gia tăng	534.577.755	2.342.668.518	403.418.012
Thuế xuất, nhập khẩu	148.681.384	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.220.561.494	17.023.550.995	4.570.344.205
Thuế thu nhập cá nhân	144.353.628	346.680.626	78.931.936
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	2.428.319.360	280.960	1.341.649.436
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	**9.476.493.621**	**19.713.181.099**	**6.315.511.493**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

2.1.7. Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Tình hình trích lập các quỹ
(số liệu công ty mẹ)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.383.489.354	22.579.487.133	22.155.053.537
Quỹ đầu tư phát triển	3.598.936.874	3.598.936.874	3.598.936.874
Tổng cộng	**15.982.426.228**	**26.178.424.007**	**25.753.990.411**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng tự lập Quý I năm 2025 của NHH

Tình hình trích lập các quỹ

(số liệu hợp nhất)

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.384.031.512	26.149.351.735	28.086.886.906
2. Quỹ đầu tư phát triển	13.417.059.302	13.417.059.302	13.417.059.302
Tổng cộng	**25.801.090.814**	**39.566.411.037**	**41.503.946.208**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của NHH và BCTC hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH

2.1.8. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

Tình hình cuộc chiến giữa Nga và Ukraine tiếp tục diễn ra phức tạp năm 2024 cũng sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của CTCP Nhựa Hà Nội, từ việc tăng chi phí nguyên liệu, gián đoạn chuỗi cung ứng, tăng chi phí vận chuyển, đến sự giảm sút nhu cầu tiêu dùng và khó khăn trong xuất khẩu. Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế chậm lại có thể làm giảm nhu cầu tiêu dùng và đầu tư, ảnh hưởng đến doanh thu, trong khi các chính sách về môi trường và thương mại quốc tế, như thuế nhập khẩu hoặc quy định hạn chế nhựa dùng một lần, có thể tạo thêm áp lực chi phí và yêu cầu thay đổi chiến lược sản xuất của Công ty.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2023 và 2024 (số liệu công ty mẹ)

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	Lần	1,21	1,07
- Hệ số thanh toán nhanh: *(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	1,05	0,83
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,21	0,18
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,27	0,21
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân*	Lần	0,83	0,94
- Vòng quay vốn lưu động: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân*	Lần	2,92	4,34
- Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	14,98	22,10

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): *Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*	%	3,70%	1,35%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): *Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân*	%	3,06%	1,27%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): *Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân*	%	3,99%	1,57%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	655	255

Nguồn: Số liệu tính toán từ BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của NHH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2023 và 2024

(số liệu hợp nhất)

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	Lần	1,25	1,63
- Hệ số thanh toán nhanh: *(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	0,91	1,20
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,30
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,51	0,42
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân*	Lần	0,91	1,05
- Vòng quay vốn lưu động: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân*	Lần	1,95	2,51
- Vòng quay hàng tồn kho: *Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân*	Lần	5,82	7,59
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): *Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*	%	4,72%	4,19%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): *Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân*	%	4,31%	4,39%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): *Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân*	%	7,20%	6,44%

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	1.321	1.205

Nguồn: Số liệu tính toán từ BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 và 2024 của NHH

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Đối với BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với BCTC riêng năm 2023 (Công ty TNHH E&Y Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội):

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".

3.2. Đối với BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với BCTC hợp nhất năm 2023 (Công ty TNHH E&Y Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội):

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".

3.3. Đối với BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với BCTC riêng năm 2024 (Công ty TNHH E&Y Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội):

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".

3.4. Đối với BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với BCTC hợp nhất năm 2024 (Công ty TNHH E&Y Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội):

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán

Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐQT đã được HĐQT thông qua ngày 20/02/2025, kế hoạch hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty như sau:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 của NHH (Hợp nhất)

Đvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Năm 2025	
			Kế hoạch	% tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	2.096.905.452.640	2.190.000.000.000	4,44%
2	Lợi nhuận sau thuế	87.840.737.704	62.000.000.000	-29,42%
3	Tỷ lệ LNST/Doanh thu	4,19%	2,83%	-32.46%
4	Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	6,44%	3,90%	-39.44%
5	Tỷ lệ cổ tức	0%	-	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

(*) Hiện Công ty chưa có kế hoạch chi trả cổ tức của năm 2025, toàn bộ lợi nhuận dự kiến thu được sẽ được giữ lại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Để xây dựng được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên, Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội căn cứ vào các yếu tố sau:

- **Năng lực sản xuất của các nhà máy và các hợp đồng khung ký với đối tác:**

Hiện tại, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 05 nhà máy đang hoạt động ổn định và đáp ứng được các yêu cầu của khách hành. Các hợp đồng nguyên tắc ký với các đối tác được trình bày chi tiết ở danh mục các hợp đồng đang thực hiện ở phần trên.

- **Nhà máy Nhựa Hà Nội:** Hiện nhà máy có khoảng 71 máy ép nhựa; 14 trung tâm gia công khuôn, công suất 100%, với thế mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành ô tô – xe máy với sản lượng khai thác hiện nay 6.000 tấn sản phẩm/năm.
- **Nhà máy Viexim:** Hiện nhà máy có khoảng 60 máy ép nhựa, công suất 100%, với thế mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy với sản lượng 3.000 tấn sản phẩm/năm, tổng số nhân sự 403 người.
- **Nhà máy An Trung:** Nhà máy An Trung đã đi vào hoạt động từ Quý 3/2019, hiện

nhà máy khai thác khoảng 40 máy ép nhựa, công suất 100%, tổng số nhân sự 291 người. An Trung Industries với chiến lược tập trung vào sản phẩm nhựa cho ngành điện - điện tử, gia dụng. Ngoài ra, Công ty TNHH An Trung Industries đang sản xuất dao thìa dĩa và ống hút tự hủy cho xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

- **Nhà máy VMC:** hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành công nghiệp. Đây sẽ là một trọng những lĩnh vực trọng tâm trong chiến lược phát triển của NHH. Hiện nhà máy khai thác khoảng 10 máy trung tâm CNC thiết kế và chế tạo khuôn mẫu, với công suất 80 bộ khuôn/năm.
- **Nhà máy An Cường:** hoạt động trong lĩnh vực nhựa xây dựng bao gồm sản xuất và bán các sản phẩm tấm ốp trần, tường, phào chỉ trang trí nội thất, tranh 4D, ván sàn SPC hèm khóa. Các sản phẩm nhựa nội thất được bán trong nước với thương hiệu Anpro và được xuất khẩu chủ yếu sang Mỹ (chiếm 70% doanh thu năm 2020). Công suất sản phẩm tấm ốp, phào chỉ trang trí là 1-1.8 triệu m²/năm, công suất sản phẩm sàn SPC khoảng 3-4 triệu m²/năm.

- **Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty**
  - **Đối với sản phẩm nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu chính xác:** tiếp tục tăng trưởng dựa trên thế mạnh 50 năm kinh nghiệm sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy. Dự kiến sẽ đẩy mạnh mảng linh kiện ô tô và khuôn mẫu chính xác bởi thị trường trong nước chưa được khai thác đúng tiềm năng, tỷ lệ nội địa hóa ở mức thấp, chỉ khoảng dưới 10% so với kỳ vọng của Chính phủ.
  - **Đối với sản phẩm nhựa xây dựng:** Sản phẩm sàn nhựa vật liệu xây dựng (VLXD) chính của Công ty là sàn nhựa SPC (Stone Plastic Composite) và LVT (Luxury Vinyl Tile) (trong đó SPC là sản phẩm chủ đạo). Thị trường sàn nhựa VLXD toàn cầu đang chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc nhờ vào sự gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Theo báo cáo phân tích của Fortune Business Insights, quy mô thị trường này vào năm 2023 là 36,63 tỷ USD và dự kiến sẽ tăng lên 66,94 tỷ USD vào năm 2032, với tốc độ CAGR đạt 6,8% trong giai đoạn 2024-2032. Sàn SPC đang là xu hướng trong thập kỷ mới, tăng trưởng với tốc độ cao, là giải pháp thay thế hiệu quả cho các vật liệu tự nhiên như bê tông, gốm, đá và gỗ do thể hiện nhiều ưu thế hơn, đặc biệt ở độ bền, khả năng chống thấm nước, dễ làm sạch và lắp đặt, thiết kế linh hoạt và chi phí thấp. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, vật liệu nhân tạo sẽ ngày càng được nâng cấp, khoảng cách về thẩm mỹ và chất lượng sẽ ngày càng được nới rộng so với các vật liệu tự nhiên khác. Hiện tại, thị trường Mỹ hiện đang là thị trường chủ đạo đối với dòng sản phẩm này của NHH.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

Dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2025 của NHH cũng như căn cứ vào triển vọng nền kinh tế Việt Nam trong năm 2025, BVSC đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của NHH được xây dựng cho năm 2025 là có tính khả thi cao .

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Hiện tại, Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần NHH.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Ông Lê Xuân Lương

1)	Tên	Lê Xuân Lương				
2)	Ngày sinh	1965				
3)	Quốc tịch	Việt Nam				
4)	Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CĐL) và người có liên quan:					
Tên	**Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**			**Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết**		
	Tại thời điểm trở thành CĐL (ngày 23/08/2024)	Tại thời điểm chốt 23/10/2024	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CĐL (ngày 23/08/2024)	Tại thời điểm chốt 23/10/2024	Dự kiến sau đợt chào bán
Ông Lê Xuân Lương	4.028.800 cổ phiếu (5,52%)	7.374.000 cổ phiếu (10,12%)	11.061.000 cổ phiếu (10,12%)	4.028.800 cổ phiếu (5,52%)	7.374.000 cổ phiếu (10,12%)	11.061.000 cổ phiếu (10,12%)
Người có liên quan của Ông Lê Xuân Lương: Không nắm giữ cổ phiếu NHH						
5)	Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
		2023		**2024**		

5.1. Thù lao, tiền lương	Không có	Không có
5.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)…)	Không có	Không có
5.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Hợp đồng nguyên tắc số: 01 ký ngày 01/01/2024 giữa Công ty CP Nhựa Hà Nội và Công ty TNHH VIDACO (do con trai ông Lê Xuân Lương làm Tổng Giám đốc)	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
6) Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

2.2. Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh

1) Tên:	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
2) Năm thành lập:	Năm 2007
3) Số Giấy chứng nhận ĐKDN:	0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 27/09/2021
4) Địa chỉ trụ sở chính:	Lô CN11-CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
5) Vốn điều lệ:	3.822.744.960.000 đồng
6) Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Lê Trung – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
7) Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành (tên, chức vụ):	Ông Nguyễn Lê Trung – Tổng Giám đốc
8) Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CĐL) và người có liên quan:	

Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CĐL	Tại thời điểm chốt 23/10/2024	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CĐL	Tại thời điểm chốt 23/10/2024	Dự kiến sau đợt chào bán

	(ngày 03/09/2020)					
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	5.000.000 cổ phiếu (14,52%)	45.732.822 cổ phiếu (62,75%)	68.599.233 cổ phiếu (62,75%)	5.000.000 cổ phiếu (14,52%)	45.732.822 cổ phiếu (62,75%)	68.599.233 cổ phiếu (62,75%)

Người có liên quan của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh: Không nắm giữ cổ phiếu NHH

9) Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2023	2024
9.1 Thù lao tiền lương	Không có	Không có
9.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)…)	Không có	Không có
Lợi ích khác	- Bà Hòa Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, được hưởng lương, thù lao, thưởng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được báo cáo đến tất cả các cổ đông theo quy định. - Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh với tư cách cổ đông Công ty được hưởng cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ngoại trừ các khoản thu trên, thì Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh và những người có liên quan của họ đều không nhận bất kỳ lợi ích nào khác từ Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.	

9.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:

- Tổ chức phát hành	**<u>Năm 2023:</u>** 1) Hợp đồng mua bán hàng hóa số 10092023 ký ngày 10/09/2023 giữa CTCP Nhựa Hà Nội và CTCP Nhựa An Phát Xanh về việc mua giá kho. Giá trị hàng hóa dịch vụ NHH mua của CTCP Nhựa An Phát xanh năm 2023 là 157.387.273 đồng. **<u>Năm 2024:</u>** 1) Hợp đồng nguyên tắc số 01.2024/AP-HPC ngày 01/01/2024 giữa CTCP Nhựa Hà Nội và CTCP Nhựa An Phát Xanh về việc mua nguyên liệu.
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có

10) Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

CTCP Nhựa An Phát Xanh (là công ty mẹ NHH) có phát sinh các hợp đồng với các đơn vị thành viên khác của CTCP Nhựa An Phát Xanh (hoạt động cùng ngành với NHH), cụ thể như sau:

1) CTCP An Tiến Industries

- Hoạt động chính của doanh nghiệp: Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.
- Mối quan hệ giữa cổ đông lớn và những người có liên quan với doanh nghiệp: CTCP Nhựa An Phát Xanh đang sở hữu 54,85% vốn điều lệ của CTCP An Tiến Industries.
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành và CTCP An Tiến Industries đều được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm Soát viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
I	**Thành viên Hội đồng quản trị**	
1	Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Cho Yoon	Thành viên HĐQT
4	Bà Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính
5	Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
II	**Thành viên Ban Kiểm soát**	
1	Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Phan Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban kiểm soát
III	**Thành viên Ban Giám đốc**	
1	Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
2	Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Đỗ Thị Hương Giang	Phó Tổng giám đốc
IV	**Kế toán trưởng**	
1	Bà Phạm Thị Ngà	Kế toán trưởng

Nguồn: NHH

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị

3.1.1. Ông Phạm Đỗ Huy Cường – Chủ tịch HĐQT

1. Tên:	**Phạm Đỗ Huy Cường**	
2. Ngày sinh:	13/12/1983	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	12/12	
5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
Từ 06/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa Hà Nội
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
2005 – 2009	Nhân viên Tài chính	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam
2009 – 2013	Trưởng nhóm kiểm toán	Công ty TNHH Ernst&Young
2013 - 2015	Trưởng Ban Tài chính Kế toán	CTCP Tập đoàn Đại Dương
2015 - 2017	Giám đốc Tài chính – Ban Tài chính	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2018 – 01/2023	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ thường trực kiêm Giám đốc Tài chính	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
09/2018 – 04/2021	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
12/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
09/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1
05/2021 – 08/2023	Thành viên HĐQT	CTCP Giải pháp và Dịch

		vụ phần mềm Nam Việt
05/2021 – 04/2023	Thành viên Ban kiểm soát	CTCP Nhựa Bao bì Vinh
01/2021 đến 25/03/2021	Thành viên HĐQT	CTCP Sản xuất PBAT An Phát
09/08/2023 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín
01/2023 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
09/2023 đến nay	Tổng Giám đốc	CTCP An Thành Bicsol

8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan (CTCP Nhựa An Phát Xanh)	45.732.822	62,75%

9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Ông Phạm Đỗ Huy Cường là Thành viên HĐQT kiêm TGĐ của Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (CTCP Tập đoàn An Phát Holdings)	Không có	45.732.822	62,75%

10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2023	2024
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao HĐQT: 80.000.000 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao HĐQT: 120.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phạm Đỗ Huy Cường với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	

- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có

10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Phạm Đỗ Huy Cường với:

10.4.1 Tổ chức phát hành

Tên Công ty	Mối quan hệ với NNB	Số hợp đồng	Ngày ký kết	Tình trạng	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
Năm 2023						
Công ty CP Liên vận An Tín	Ông Phạm Đỗ Huy Cường là Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín	01/HĐKT-VCHH/2023	01/01/2023	Đang thực hiện	Cung cấp dịch vụ vận tải	25.878.588.000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Ông Phạm Đỗ Huy Cường là TGĐ CTCP An Thành Bicsol	CTN075_01/HDDNT/ATT-HPC	03/01/2023	Đang thực hiện	Mua nguyên liệu	1.857.600.000
Năm 2024						
Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings	Ông Phạm Đỗ Huy Cường là Thành viên HĐQT kiêm TGĐ CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	010423/APH-NHH	04/01/2023	Đang thực hiện	Dịch vụ tư vấn, thuê xe	3.002.000.000
Công ty CP Liên vận An Tín	Ông Phạm Đỗ Huy Cường là Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín	01/HĐKT-VCHH/2023	01/01/2023	Đang thực hiện	Dịch vụ vận tải	26.579.474.000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Ông Phạm Đỗ Huy Cường là TGĐ CTCP An Thành Bicsol	CTN075_01/HĐNT/2024/ATT-HPC	27/02/2024	Đang thực hiện	Nguyên vật liệu	2.431.200.000

10.4.2 Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	*Không có*

11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không

12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường đang nhận lương Tổng Giám đốc tại Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings và Công ty Cổ phần An Thành Bicsol; thù lao TV HĐQT tại CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1, CTCP Liên vận An Tín và CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các Hợp đồng, giao dịch giữa NHH và ông Phạm Đỗ Huy Cường/ Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings/Công ty Cổ phần An Thành Bicsol/CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát/CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1/CTCP Liên vận An Tín phải được ĐHĐCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.

3.1.2.Ông Ngô Văn Thụ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

1. Tên:	**Ngô Văn Thụ**	
2. Ngày sinh:	24/08/1982	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	12/12	
5. Năng lực chuyên môn:	Đại học chuyên ngành hóa hữu cơ – hóa dầu	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
06/2023 - 07/2023	Phó Tổng giám đốc	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội
07/2023 - 10/2023	Phó Tổng giám đốc thường trực	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội
10/2023 - nay	Tổng giám đốc	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội
05/2024 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
09/2005 - 09/2009	Điều phối viên kỹ thuật	Công ty TNHH Sơn Joton
2009 - 2013	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh
09/2013 - 09/2016	Phó giám đốc nhà máy	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh
09/2016 - 08/2019	Giám đốc nhà máy	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh
08/2019 - 05/2023	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất	CTCP Nhựa An Phát Xanh
02/2022 - 03/2022	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP An Tiến Industries
03/2022 - nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
05/2022 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần An Tiến Industries

07/2022 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP An Thành Bicsol
10/2023 - nay	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM.

8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có

9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2023	2024
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương TGĐ: 0 đồng - Thù lao HĐQT: 0 đồng	- Tiền lương TGĐ: 0 đồng - Thù lao HĐQT: 30.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có

10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Ngô Văn Thụ và:

- Tổ chức phát hành	Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có

10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của ông Ngô Văn Thụ và:

- Tổ chức phát hành:

Tên Công ty	Mối quan hệ với NNB	Số hợp đồng	Ngày ký kết	Tình trạng	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
Năm 2023						
Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư-VIEXIM	Ông Ngô Văn Thụ là Chủ tịch Công ty VIEXIM	01052020/HPC-VIEXIM	01/05/2020	Đang thực hiện	Mua hàng	314.778.350.588
		0123/HPC-Viexim	08/09/2023	Đang thực hiện	Bán hàng	151.647.196.522
		01 và 02/2023/HPC-Viexim	27/12/2022	Đang thực hiện	Cho thuê xe và TB	5.417.350.000
Công ty TNHH An Trung Industries	Ông Ngô Văn Thụ là Chủ tịch Công ty TNHH An Trung Industries	02012023/HPC-ATI	02/01/2023	Đang thực hiện	Mua hàng	30.183.529.797
		02012023	02/01/2023	Đang thực hiện	Bán hàng	12.260.955.971
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Ông Ngô Văn Thụ là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	CTN075_01/HDDNT/ATT-HPC	03/01/2023	Đang thực hiện	Mua nguyên liệu	1.857.600.000
Năm 2024						
Công ty	Ông Ngô Văn	0123/HPC-	08/09/2023	Đang thực	Bán hàng	175.307.867.051

TNHH phát triển XNK và đầu tư-VIEXIM	Thụ là Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	Viexim		hiện	hóa. nguyên vật liệu	
		01/2024/Viexim-HPC và 02/2024/HPC-Viexim	01/01/2024	Đang thực hiện	Cho thuê xe + thiết bị	4.357.961.420
		01052020/HPC-VIEXIM	01/05/2020	Đang thực hiện	Mua hàng hóa	371.122.077.600
Công ty TNHH An Trung Industries	Ông Ngô Văn Thụ là Chủ tịch Công ty TNHH An Trung Industries	02012023	02/01/2023	Đang thực hiện	Bán hàng hóa. nguyên vật liệu	18.037.182.642
		02012023/HPC-ATI	02/01/2023	Đang thực hiện	Mua hàng hóa	55.480.071.405
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Ông Ngô Văn Thụ là Chủ tịch HĐQT Công ty CP An Thành Bicsol	CTN075_01/HĐNT/2024/ATT-HPC	27/02/2024	Đang thực hiện	Nguyên vật liệu	2.431.200.000
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%		Không có				

11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

Ông Ngô Văn Thụ đang nhận thù lao HĐQT và lương Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần An Tiến Industries, thù lao HĐQT tại Công ty Cổ phần An Thành Bicsol.

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các Hợp đồng, giao dịch giữa NHH và Ông Ngô Văn Thụ/ Công ty Cổ phần An Tiến Industries/ Công ty Cổ phần An Thành Bicsol/ Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM phải được ĐHĐCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.

3.1.3. Ông Cho Yoon – Thành viên HĐQT

1. Tên:	**Cho Yoon**
2. Ngày sinh:	16/01/1972
3. Quốc tịch:	Việt Nam
4. Trình độ học vấn:	12/12
5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành khoa học
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:	

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
04/2023 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa Hà Nội

7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
04/2016 - nay	Managing Director	Ankor Bioplastics Co.,Ltd
07/2011 - 03/2016	Deputy General Manager	HanJin P&C Co,.Ltd
07/2005 - 06/2011	R&D Manager	Dongshin Che Tech Co., Ltd
11/1999 - 06/2005	R&D Team manager	IreChemical Co., Ltd
01/1997 - 11/1999	R&D Intern	National Prospecting Quality Center
01/1996 - 01/1997	R&D Staff	Samboa Lolly Gold Co., Ltd
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có		
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2023	**2024**
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao TV HĐQT: 48.000.000 đồng	- Thù lao TV HĐQT: 72.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.1.4.Bà Đỗ Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính

1. Tên:	**Đỗ Thị Hương Giang**
2. Ngày sinh:	03/04/1975
3. Quốc tịch:	Việt Nam
4. Trình độ học vấn:	12/12
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kế toán, cử nhân Chính trị học phát triển
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:	

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
01/1994 - 01/2000	Nhân viên kế toán	Công ty Nhựa Hà Nội
02/2000 - 02/2003	Phó phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
03/2003 - 6/2003	Quyền Trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
7/2003 - 4/2006	Trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
5/2004 - 6/2006	Trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
7/2006 - 10/2008	Kế toán trưởng	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội
11/2008 - 4/2018	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Công ty CP Nhựa Hà Nội
5/2018 - 3/2019	Kế toán trưởng	Công ty CP Nhựa Hà Nội
4/2019 – 04/2023	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Công ty CP Nhựa Hà Nội
04/2023 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính	Công ty CP Nhựa Hà Nội

7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
5/2004 - 6/2006	Trưởng ban kiểm soát	Công ty CP Hàm Rồng
11/2008 – 4/2011	Trưởng ban kiểm soát	Công ty CP Hàm Rồng
12/2010 - nay	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư - VIEXIM

8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	4.400	0,01%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan	0	0%

9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2023	2024
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 881.078.100 đồng. - Thù lao HĐQT: 72.000.000 đồng.	- Tiền lương: 1.106.406.986 đồng. - Thù lao HĐQT: 72.000.000 đồng.
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được	Không có	Không có

nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)		
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Đỗ Thị Hương Giang với:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	

10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của bà Đỗ Thị Hương Giang với:

- Tổ chức phát hành

Tên Công ty	Mối quan hệ với NNB	Số hợp đồng	Ngày ký kết	Tình trạng	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
Năm 2023						
Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư-VIEXIM	Bà Đỗ Thị Hương Giang là Thành viên HĐTV Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư - VIEXIM	01052020/HPC-VIEXIM	01/05/2020	Đang thực hiện	Mua hàng	314.778.350.588
		0123/HPC/VIEXIM	08/09/2023	Đang thực hiện	Bán hàng	151.647.196.522
		01/VIEXIM/HPC và 02/2023/HPC-VIEXIM	27/12/2023	Đang thực hiện	Cho thuê xe và TB	5.417.350.000
Năm 2024						
Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư - VIEXIM	Bà Đỗ Thị Hương Giang là Thành viên HĐTV Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư -VIEXIM	0123/HPC	8/9/2023	Đang thực hiện	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	175.307.867.051
		01/2024/Viexim-HPC và 02/2024/HPC-Viexim	1/1/2024	Đang thực hiện	Cho thuê xe và thiết bị	4.357.961.420
		01052020/HPC-VIEXIM	01/05/2020	Đang thực hiện	Mua hàng hóa	371.122.077.600

- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có

11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không

12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.1.5.Bà Hòa Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT

1. Tên:	**Hòa Thị Thu Hà**
2. Ngày sinh:	04/11/1978
3. Quốc tịch:	Việt Nam
4. Trình độ học vấn:	12/12

5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
06/2020 – Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
2000 – 2002	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Khang Vinh
2003 – 2005	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Hưng Việt
2005 – 3/2007	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Anh Hai Duy
03/2007 – 2009	Trưởng phòng kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
2010 – 03/2018	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
2010 – 06/2022	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
03/2018 – nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
07/2019 – 01/2023	Phó Giám đốc Ban tài chính	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
01/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
05/2023 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa An Phát Xanh
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	**Tỷ lệ sở hữu**
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của người đại diện theo uỷ quyền	0	0%
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của những người có liên quan (Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)	45.732.822	62,75%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:		

STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Bà Hòa Thị Thu Hà là thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ phụ trách tài chính kế toán Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Không có	45.732.822	62,75%

10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2023	2024
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao TV HĐQT: 72.000.000 đồng	- Thù lao TV HĐQT: 72.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có

10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Hòa Thị Thu Hà với:

- Tổ chức phát hành	Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có

10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của bà Hòa Thị Thu Hà với:

- Tổ chức phát hành

Tên Công ty	Mối quan hệ với NNB	Số hợp đồng	Ngày ký kết	Tình trạng	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
Năm 2023						
Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings	Bà Hòa Thị Thu Hà là Phó TGĐ phụ trách tài chính kế toán của CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	01/202302/APH-HPC	06/02/2023	Đang thực hiện	Mua phần mềm PMS	2.000.000.000
Năm 2024						
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Bà Hòa Thị Thu Hà là TV HĐQT kiêm Phó TGĐ phụ trách TCKT CTCP Nhựa An Phát Xanh	01.2024/AP-HPC	01/01/2024	Đang thực hiện	Mua nguyên vật liệu	7.654.948.000
Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings	Bà Hòa Thị Thu Hà là Phó TGĐ phụ trách tài	010423/APH-NHH	04/01/2023	Đang thực hiện	Dịch vụ tư vấn. thuê xe	3.002.000.000

	chính kế toán của CTCP Tập đoàn An Phát Holdings					

- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	**Không có**

11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

Bà Hòa Thị Thu Hà đang nhận lương Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh và Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings; thù lao HĐQT tại CTCP Nhựa An Phát Xanh.

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các Hợp đồng, giao dịch giữa NHH và Bà Hòa Thị Thu Hà / Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh / Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings phải được ĐHĐCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

3.2. Thành viên Ban Kiểm soát

3.2.1 Ông Trần Hoa Tùng - Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tên:	**Trần Hoa Tùng**
2. Ngày sinh:	25/01/1986
3. Quốc tịch:	Việt Nam
4. Trình độ học vấn:	12/12
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
11/2018 – 3/2020	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
3/2020 – nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
11/2021 – nay	Người phụ trách kiểm toán nội bộ	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
8/2008 -6/2010	Trợ lý Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc tế
7/2010 – 8/2014	Kế toán	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Hà Nội

9/2014 - 2/2018	Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc tế
5/2018 –09/2019	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có		
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2023	**2024**
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao BKS: 178.828.900 đồng	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao BKS: 60.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.2.2 Bà Đỗ Thảo Quyên – Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tên:	**Đỗ Thảo Quyên**	
2. Ngày sinh:	13/11/1996	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	12/12	
5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Luật Kinh tế	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
05/2024 - nay	Thành viên BKS	CTCP Nhựa Hà Nội
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
10/2018 – 05/2022	Chuyên viên văn phòng HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
06/2022 – 05/2024	Chuyên viên văn phòng HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn

		An Phát Holdings
06/2024 - Nay	Chuyên viên cao cấp văn phòng HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có

9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2023	**2024**
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao TV BKS: 0 đồng	- Thù lao TV BKS: 21.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	

11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không

12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.2.3 Bà Phan Thị Quỳnh Trang – Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tên:	**Phan Thị Quỳnh Trang**
2. Ngày sinh:	26/8/1998
3. Quốc tịch:	Việt Nam
4. Trình độ học vấn:	12/12
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Luật/ Cử nhân sư phạm tiếng anh

6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
05/2024 – Hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:

Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**
09/2021 – 11/2023	Chuyên viên Pháp chế	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

12/2023 – 07/2024	Trưởng nhóm Pháp chế	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
08/2024 – nay	Chuyên viên Phát triển thị trường	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có		
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2023	**2024**
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao TV BKS: 0 đồng	- Thù lao TV BKS: 21.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.3. Ban Tổng Giám đốc

3.3.1. Ông Ngô Văn Thụ - Tổng Giám đốc

Đã được trình bày tại mục V 3.1.2

3.3.2. Bà Đỗ Thị Hương Giang - Phó Tổng Giám đốc

Đã được trình bày tại mục V 3.1.4.

3.3.3. Bà Lâm Thị Hiền - Phó Tổng Giám đốc

1. Tên:	**Lâm Thị Hiền**	
2. Ngày sinh:	26/02/1987	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	12/12	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Quốc tế	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	**Chức vụ**	**Đơn vị công tác**

01/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
07/2012 - 10/2012	Nhân viên xuất nhập khẩu	Công ty CP Nhựa An phát xanh
11/2012 - 12/2016	Giám đốc bán hàng khối 3	Công ty CP Nhựa An phát xanh
01/2017 - 09/2020	Giám đốc Trung tâm kinh doanh	Công ty CP Nhựa An phát xanh
10/2020 - 12/2023	Phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh	Công ty CP Nhựa An phát xanh
01/2024 – Nay	Thành viên Hội đồng thành viên	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư - VIEXIM

8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có

9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2023	2024
10.1 Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng	- Tiền lương: 798.289.568 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có

10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Lâm Thị Hiền với:

- Tổ chức phát hành	Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có

10.4 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan của bà Lâm Thị Hiền với:

- Tổ chức phát hành:

Tên Công ty	Mối quan hệ với NNB	Số hợp đồng	Ngày ký kết	Tình trạng	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
Năm 2024						
Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	Bà Lâm Thị Hiền là thành viên HĐTV Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư	0123/HPC	08/09/2023	Đang thực hiện	Bán nguyên vật liệu	175.307.867.051
		01/2024/Viexim-HPC và 02/2024/HPC-Viexim	01/01/2024	Đang thực hiện	Cho thuê thiết bị + xe	4.357.961.420

	VIEXIM	01052020/HPC-VIEXIM	01/05/2020	Đang thực hiện	Mua hàng hóa	371.122.077.600
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%			Không có			
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không						
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có						

3.4. Bà Phạm Thị Ngà - Kế toán trưởng

1. Tên:	**Phạm Thị Ngà**	
2. Ngày sinh:	30/11/1990	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	12/12	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
03/2024 – hiện nay	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội	Kế toán trưởng
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
03/2016 – 02/2017	Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh	Nhân viên kế toán
03/2017 – 08/2020	Công ty cổ phần An Thành Bicsol	Nhân viên kế toán
09/2020 – 02/2024	Công ty cổ phần An Thành Bicsol	Kế toán trưởng
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan: Không có		
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2023	**2024**
10.1. Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng	- Tiền lương: 345.961.969 đồng
10.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	

- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có	
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có	

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

36.440.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

364.400.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024 của Công ty, nguyên tắc xác định giá cổ phiếu được xác định dựa trên giá trị sổ sách và giá thị trường của cổ phiếu NHH. Cụ thể như sau:

- **Giá trị sổ sách:**

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (Book Value/BV) CTCP Nhựa Hà Nội:

BV = Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- ***Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2024:*** BV = 19.170 đồng/cp *(Theo Báo cáo hợp nhất bán niên soát xét năm 2024 của NHH).*

- **Giá trị thị trường:**

  - Giá giao dịch bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu NHH tại HOSE từ ngày 12/03/2025 đến 23/04/2025 là 12.567 đồng/cổ phần.

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục đánh giá dựa trên giá trị sổ sách và giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm gần nhất của cổ phiếu NHH, cụ thể như sau:

- ***Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2025:***

BV = 1.372.143.622.982 / 72.880.000 = 18.827 đồng/cổ phần.

(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập Quý I năm 2025 của NHH).

- Giá giao dịch bình quân 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu NHH tại HOSE (từ

ngày 12/03/2025 đến ngày 23/04/2025) là: 12.567 đồng/cổ phần.

Ngoài ra, Công ty cũng đánh giá thêm mức độ pha loãng cổ phần sau khi phát hành, cụ thể như sau:

➢ **Mức độ pha loãng cổ phiếu:**

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau đây:

$$P = \frac{P\,t - 1 + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

Pt-1: là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước khi bị pha loãng) – Giả định: 11.000 đồng/cổ phiếu;

I: là tỷ lệ vốn tăng, I = 2:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu NHH tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền sẽ được hưởng tương ứng 01 quyền mua, và cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm),

PR: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán mới – 10.000 đồng/cổ phần.

P = (11.000 + 50% x 10.000)/(1+ 50%) = 10.667 (đồng).

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1 *(Theo đó, cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).*

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết là số cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán. Số cổ phần còn lại này và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác với điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu) để đảm bảo chào bán hết toàn bộ số cổ phần phát hành.

Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản

2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, sau khi được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

➢ ***Thời gian đăng ký mua cổ phiếu***

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, tổ chức phát hành sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời, công bố ngày chốt danh sách cổ đông, ngày giao dịch không hưởng quyền và thời gian, địa điểm thực hiện quyền.

Các cổ đông hiện hữu đăng ký thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa trong vòng tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật.

➢ ***Số lượng cổ phiếu đăng ký mua và số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu***

Là số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ thực hiện quyền đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 22/11/2024.

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu.

➢ ***Phương thức thanh toán***

Các cổ đông hiện tại đăng ký thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa trong vòng tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật.

Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm tại thành viên lưu ký. Số tiền mua cổ phiếu sẽ được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam tổng hợp và chuyển về Tài khoản phong tỏa của Công ty theo quy định;

Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Cổ đông đăng ký tại **Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội** (Địa chỉ: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội) trong thời hạn phân phối tiền mua cổ phiếu được nộp vào Tài khoản phong tỏa.

➢ ***Chuyển giao cổ phiếu***

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại **Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội** (Địa chỉ: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội), hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

➢ ***Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết:***

ĐHĐCĐ giao Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không được các cổ đông đăng ký mua/từ chối quyền ưu tiên mua với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Đồng thời, Hội đồng quản trị khi thực hiện phân phối tiếp sẽ tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng	T đến T+7
3	Xác định ngày chốt Danh sách sở hữu cuối cùng, lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng	T+8 đến T+21
4	Phối hợp cùng VSDC, BVSC phân bổ và thông báo quyền mua đến các cổ đông	T+22 đến T+29
5	Đăng ký thực hiện quyền, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào Tài khoản phong tỏa (*)	T+30 đến T+51
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)	T+52 đến T+62
7	Xử lý cổ phần không bán hết	T+63 đến T+67
8	Báo cáo kết quả chào bán gửi UBCKNN	T+68
9	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	T+70

Ghi chú: T = ngày thường.

(*): Công ty đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày.

Lộ trình thực tế có thể thay đổi theo nhu cầu thực tế của NHH, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do quy định phân phối (nếu có) và số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, căn cứ theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào Tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội như sau:

- Tên ngân hàng: **110632626866**
- Số hiệu tài khoản: **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương**
- Tên tài khoản: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI**

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

CTCP Nhựa Hà Nội không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc tăng vốn điều lệ.

13. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Do tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 100% nên việc phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong đợt chào bán này sẽ luôn đảm bảo được tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Nhựa Hà Nội.

14. Các loại thuế có liên quan

➢ **Thuế Giá trị gia tăng:**

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, hiện tại, Công ty đang áp dụng mức Thuế Giá trị gia tăng là 08% theo quy định của pháp luật.

➢ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:**

Căn cứ (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; (2) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp; (3) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về Thuế Thu nhập Doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014; (4) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014; (5) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính; (6) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính; (7) Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý thuế và nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế, Thuế Thu nhập Doanh nghiệp của Công ty được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

➢ **Các loại thuế khác:**

Đối với nhà đầu tư cá nhân:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu Thuế Thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

+ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

+ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhương chứng khoán áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc "Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn".

- Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của các cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận được cổ tức bằng tiền mặt, Thuế Thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng thuế suất tương tự như

trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thuế TNDN là 22% (kể từ ngày 01/01/2016 thuế suất Thuế TNDN sẽ là 20%).

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

15. Thông tin về các cam kết

- Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP về việc thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

- Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội cam kết:

+ Thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;

+ Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng theo quy định tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

+ Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng tại HOSE.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Đợt chào bán được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất năm 2024 số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025 thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và các tài liệu khác liên quan. Theo đó, tổng khối

lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 364.400.000.000 đồng và mục đích của đợt chào bán này là góp vốn vào Công ty TNHH An Trung Industries để để đầu tư nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp An Phát 1, xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng; lắp đặt hệ thống điện, nước, khí nén, hạ tầng; ứng trước tiền thuê nhà xưởng); trả nợ gốc, lãi vay và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Thông tin liên quan đến phương án sử dụng vốn

2.1. Thông tin về Công ty TNHH An Trung Industries

2.1.1. Thông tin chung

Tên Công ty	: Công ty TNHH An Trung Industries
Vốn điều lệ	: 341.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Hoạt động kinh doanh chính:	: Mã ngành: 2220 - Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm nhựa (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở)
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Lê Anh Dũng – Tổng Giám đốc
Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người có liên quan của NHH với Công ty TNHH An Trung Industries	: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội là Công ty mẹ của Công ty TNHH An Trung Industries (sở hữu 100% vốn điều lệ).
Hình thức góp vốn của NHH tại Công ty TNHH An Trung Industries	: Góp vốn trực tiếp bằng tiền Việt Nam Đồng

2.1.2. Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH An Trung Industries tiền thân là Công ty Cổ phần Đại An Industries được thành lập vào ngày 28/03/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801246654

do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.

07/2018	Đổi tên thành Công ty Cổ phần An Trung Industries.
04/2019	Công ty Cổ phần An Trung Industries phát hành riêng lẻ 8.000.000 cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng. Theo đó, với tỷ lệ sở hữu 88,89%, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần An Trung Industries kể từ ngày 05/04/2019.
09/2019	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã hoàn tất việc mua thêm 1.000.000 cổ phần còn lại của Công ty Cổ phần An Trung Industries từ các cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty Cổ phần An Trung Industries chính thức trở thành Công ty TNHH một thành viên do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sở hữu 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801246654 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, thay đổi lần thứ 5.
Năm 2019	Công ty TNHH An Trung Industries đã mua nhà xưởng tại Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương để làm Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa.
09/2020	Công ty tăng vốn điều lệ từ 90 tỷ đồng lên 176 tỷ đồng.
01/2021	Công ty tăng vốn điều lệ từ 176 tỷ đồng lên 241 tỷ đồng và vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 241 tỷ đồng.

2.1.3. Tình hình tài chính

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH An Trung Industries

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%tăng/giảm
1.	Tổng tài sản	343.963.403.345	363.052.283.993	5,55%
2.	Doanh thu thuần	236.800.580.481	312.771.318.645	32,08%
3.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-21.294.568.760	2.254.205.611	-
4.	Lợi nhuận khác	73.776.591	894.962.472	1113,07%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%tăng/giảm
5.	Lợi nhuận trước thuế	-21.220.792.169	3.149.168.083	-
6.	Lợi nhuận sau thuế	-21.220.792.169	3.149.168.083	-
7.	Vốn chủ sở hữu	221.649.611.158	224.798.779.241	1,42%
8.	Vốn điều lệ	241.000.000.000	241.000.000.000	0,00%

Nguồn: BCTC năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán của CTCP An Trung Industries

2.2. Thông tin về dự án nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp An Phát 1, xã Quốc Tuấn, An Bình và xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

2.2.1. Sự cần thiết phải đầu tư nhà máy

a. Thị trường nhựa thế giới

Thị trường nhựa toàn cầu đang có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt trong ba phân khúc quan trọng: nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng và khuôn ép phun. Nhựa kỹ thuật và nhựa gia dụng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thị trường nhựa, phục vụ từ sản xuất công nghiệp đến sinh hoạt hàng ngày. Nhựa kỹ thuật được sử dụng trong linh kiện điện tử, ô tô, xe máy, thiết bị công nghiệp nhờ tính chất cơ lý cao, chịu nhiệt tốt và bền hóa học. Các loại nhựa như ABS, PC, POM, PA, PBT được ứng dụng để sản xuất vỏ bọc thiết bị, đầu nối, bảng điều khiển xe, bánh răng, dẫn nhiên liệu,... Trong khi đó, nhựa gia dụng lại phổ biến với các sản phẩm như hộp đựng thực phẩm, ghế nhựa, thùng rác, chai lọ,... làm từ PP, PE, PS. Xu hướng tiêu dùng đang chuyển dịch theo hướng sản phẩm an toàn, bền vững, và có thể tái chế, thúc đẩy ngành nhựa không ngừng cải tiến công nghệ và mở rộng sản xuất. Bên cạnh sản phẩm nhựa hoàn thiện, khuôn mẫu nhựa cũng đóng vai trò quan trọng trong ngành, quyết định đến chất lượng và hiệu suất sản xuất. Khuôn nhựa được sử dụng để sản xuất hàng loạt các sản phẩm từ nhựa ép phun đến nhựa hút định hình, phục vụ ngành bao bì, linh kiện điện tử, nhựa ô tô và đồ gia dụng. Nhu cầu khuôn mẫu ngày càng tăng do xu hướng tự động hóa sản xuất, mở rộng công suất và yêu cầu về độ chính xác cao. Xu hướng phát triển của từng phân khúc này chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như nhu cầu tiêu dùng, đổi mới công nghệ, và các quy định môi trường.

Về nhựa kỹ thuật, thị trường nhựa kỹ thuật toàn cầu đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ nhờ nhu cầu ngày càng cao trong các ngành công nghiệp như ô tô, điện tử, đóng gói và xây dựng. **Theo *Grand View Research***, quy mô thị trường nhựa kỹ thuật toàn cầu đạt 133,62 tỷ USD vào năm 2023 và **dự kiến tăng trưởng với tốc độ bình quân 7,8%/năm từ 2024 đến 2030**, đạt gần 210 tỷ USD vào năm 2030.Ngành xe điện toàn cầu, với tốc độ tăng trưởng trên 20%/năm, đang trở thành động lực tăng trưởng quan trọng nhất của ngành nhựa kỹ thuật, đặc

biệt trong việc thay thế vật liệu truyền thống bằng nhựa ép phun nhằm giảm trọng lượng xe và tối ưu hiệu suất vận hành. Theo các nghiên cứu, người tiêu dùng trẻ chiếm tỷ lệ lớn trong nhóm khách hàng xe điện, với xu hướng ưu tiên thiết kế thẩm mỹ cao và công nghệ thông minh. Điều này thúc đẩy sự phát triển của các bộ phận như lưới tản nhiệt thông minh, hệ thống chiếu sáng tích hợp, và các chi tiết nội thất nhẹ hơn - tất cả đều nhờ vào tăng tỷ lệ sử dụng linh kiện nhựa, là sản phẩm của công nghệ ép phun. Các hãng xe lớn như BMW, Hyundai Mobis, và HiPhi đã áp dụng polycarbonate và PMMA đa màu để cải tiến lưới tản nhiệt và hệ thống đèn, giúp tối ưu hóa hiệu ứng thị giác mà vẫn đảm bảo độ bền cao.Bên cạnh yếu tố thiết kế, việc giảm trọng lượng xe điện là mục tiêu chiến lược của các nhà sản xuất nhằm gia tăng phạm vi hoạt động. Các nghiên cứu cho thấy, cứ mỗi 100 kg giảm trọng lượng, phạm vi lái xe có thể tăng thêm 10-11%, đồng thời giảm chi phí pin và hao mòn hàng ngày tới 20%. Vì vậy, các hãng xe như Toyota, FORVIA, và Marelli đã hợp tác với các công ty hóa chất lớn để phát triển vật liệu nhựa kỹ thuật siêu nhẹ, như khung nhựa PU cho ghế ô tô, bọt polyurethane siêu nhẹ cho bảng điều khiển, giúp cắt giảm 20-40% trọng lượng so với vật liệu truyền thống. Nhìn chung, **sự bùng nổ của ngành xe điện không chỉ thúc đẩy nhu cầu về nhựa kỹ thuật mà còn nâng cao yêu cầu về công nghệ chế tạo khuôn**, tạo ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp nhựa có năng lực sản xuất cao.Bên cạnh đó, **thị trường nhựa gia dụng** cũng đang mở rộng với tốc độ ổn định nhờ nhu cầu gia tăng từ tầng lớp trung lưu và sự bùng nổ của thương mại điện tử. Theo ***Verified Market Research***, thị trường này đạt **80 tỷ USD vào năm 2023** và dự kiến sẽ tăng lên **103 tỷ USD vào năm 2031**, với tốc độ CAGR **6,3% từ 2024 đến 2031**. Các yếu tố quan trọng thúc đẩy thị trường bao gồm sự tiện lợi, giá thành hợp lý và khả năng tùy biến cao của sản phẩm nhựa. Đặc biệt, xu hướng phát triển các sản phẩm nhựa an toàn hơn, không chứa BPA, cũng đang tạo ra cơ hội tăng trưởng mới cho ngành. Sự phổ biến của thương mại điện tử giúp mở rộng thị trường tiêu thụ, đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng nhanh chóng hơn, đồng thời mở ra tiềm năng phát triển mạnh mẽ cho các doanh nghiệp nhựa gia dụng.

Trong khi đó, **thị trường sản xuất khuôn sử dụng cho ngành nhựa** cũng đang phát triển ổn định. Theo ***Grand View Research***, quy mô thị trường máy ép phun toàn cầu đạt **15,99 tỷ USD vào năm 2023** và dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR **4,7% từ 2024 đến 2030**. Sự mở rộng của ngành nhựa kỹ thuật và nhựa gia dụng đang thúc đẩy nhu cầu về máy ép phun, cũng là chỉ báo chính cho thị trường khuôn mẫu, đặc biệt trong các lĩnh vực ô tô, điện tử và y tế. Công nghệ máy ép phun ngày càng được cải tiến với sự tích hợp của tự động hóa giúp nâng cao hiệu suất và giảm chi phí sản xuất. Điều này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất nhựa tăng năng suất và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường.

b. Thị trường nhựa Việt Nam

Với nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ từ thị trường nội địa, ngành khuôn mẫu và sản phẩm nhựa đang có tiềm năng phát triển lớn, đặc biệt khi xu hướng tiêu dùng và sản xuất hướng đến các giải pháp nhựa công nghệ cao và thân thiện môi trường.

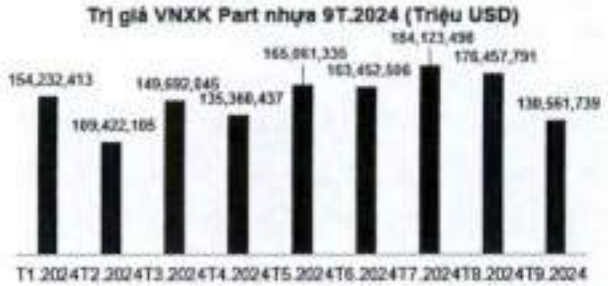

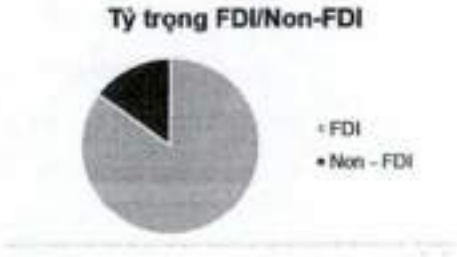

Về sản phẩm nhựa kỹ thuật và nhựa gia dụng, theo số liệu trên, tổng quy mô xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 1,368 tỷ USD. Nếu giả định tốc độ xuất khẩu duy trì ổn định trong quý IV, tổng xuất khẩu cả năm của nhóm sản phẩm này có thể đạt khoảng 1,8 tỷ USD, chiếm khoảng **26,9%** tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa (6,7 tỷ USD).

Điều này cho thấy **nhựa kỹ thuật và nhựa gia dụng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu ngành nhựa Việt Nam, nhưng vẫn còn dư địa để tăng trưởng**. Nhu cầu xuất khẩu đang tăng trưởng mạnh, phản ánh xu hướng dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam và sự tham gia của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), khi nhóm này chiếm 85% tổng giá trị xuất khẩu (1,163 tỷ USD), trong khi doanh nghiệp nội địa (Non-FDI) chỉ chiếm 15% (205 triệu USD).

So với mức tăng trưởng chung của ngành nhựa (+29,8% so với năm 2023), nhóm sản phẩm nhựa kỹ thuật và gia dụng có thể duy trì đà tăng trưởng nhờ nhu cầu cao từ các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU, Nhật Bản. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lớn vào khu vực FDI cũng đặt ra thách thức cho doanh nghiệp nội địa trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng xuất khẩu.

Về sản phẩm khuôn ép phun, dựa trên số liệu xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024, tổng giá trị xuất khẩu khuôn ép phun của Việt Nam đạt 279,54 triệu USD. Nếu duy trì tốc độ xuất khẩu ổn định trong quý IV, tổng xuất khẩu cả năm của nhóm sản phẩm này ước tính đạt

khoảng 372 triệu USD. Mặc dù quy mô xuất khẩu khuôn ép phun còn khá nhỏ, đây vẫn là một phân khúc quan trọng trong ngành công nghiệp hỗ trợ, phục vụ sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng và nhiều lĩnh vực công nghiệp khác. Việt Nam đang dần phát triển ngành khuôn mẫu với nhiều doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ CNC, gia công chính xác, nhằm thay thế dần khuôn mẫu nhập khẩu từ Trung Quốc, Nhật Bản.

Cơ cấu doanh nghiệp xuất khẩu cho thấy doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng áp đảo (251,16 triệu USD, tương đương 89,8%), trong khi các doanh nghiệp nội địa chỉ đóng góp 28,38 triệu USD (10,2%). Điều này phản ánh sự thống lĩnh của doanh nghiệp FDI trong mảng sản xuất và xuất khẩu khuôn ép phun, nhờ vào công nghệ tiên tiến và khả năng tiếp cận thị trường quốc tế.

Như vậy, mặc dù giá trị xuất khẩu khuôn ép phun không quá cao, nhu cầu thị trường đối với nhóm sản phẩm này vẫn có xu hướng tăng trưởng, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam ngày càng trở thành trung tâm sản xuất công nghiệp lớn của khu vực.

c. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam

Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng và khuôn ép phun mang lại nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam, nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức cần vượt qua.

Về Nhựa kỹ thuật

Cơ hội:

- **Gia tăng nhu cầu thay thế kim loại:** Xu hướng sử dụng nhựa kỹ thuật để thay thế hợp kim và kim loại trong ngành ô tô, điện tử và công nghiệp giúp mở rộng thị trường cho doanh nghiệp Việt Nam.
- **Chi phí sản xuất cạnh tranh:** Việt Nam có lợi thế về chi phí nhân công thấp và ngày càng nâng cao năng lực sản xuất, giúp doanh nghiệp có thể cung ứng sản phẩm với giá thành cạnh tranh so với các nước khác.
- **Hỗ trợ từ các hiệp định thương mại (FTAs):** Các hiệp định như CPTPP, EVFTA giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế với ưu đãi thuế quan, đặc biệt là xuất khẩu sang EU và Bắc Mỹ.

Thách thức:

- **Công nghệ sản xuất chưa đồng đều:** Nhựa kỹ thuật đòi hỏi công nghệ sản xuất cao, nhưng nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa đầu tư mạnh vào máy móc và quy trình tự động hóa.

- **Sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu:** Phần lớn nguyên liệu nhựa kỹ thuật vẫn phải nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, gây áp lực lên chi phí sản xuất.
- **Tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe:** Các thị trường lớn như EU, Mỹ có tiêu chuẩn chất lượng và môi trường rất nghiêm ngặt, đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng và đáp ứng các quy định khắt khe.

Về Nhựa gia dụng

Cơ hội:

- **Tăng trưởng nhu cầu tiêu dùng:** Với tốc độ CAGR 6,3%, thị trường nhựa gia dụng toàn cầu tiếp tục mở rộng, đặc biệt tại các thị trường đang phát triển như Đông Nam Á, Ấn Độ và châu Phi.
- **Sự phát triển của thương mại điện tử:** Việc bán hàng qua kênh online giúp doanh nghiệp tiếp cận khách hàng nhanh chóng hơn mà không cần hệ thống phân phối truyền thống phức tạp.
- **Xu hướng đổi mới sản phẩm:** Các sản phẩm nhựa gia dụng có thiết kế sáng tạo, tích hợp tính năng mới như an toàn với thực phẩm, chống vi khuẩn hay có thể tái chế đang thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng.

Thách thức:

- **Cạnh tranh từ Trung Quốc:** Trung Quốc vẫn là nhà cung cấp lớn nhất về nhựa gia dụng với giá thành rẻ, tạo áp lực cạnh tranh lớn cho doanh nghiệp Việt Nam.
- **Định hướng phát triển bền vững:** Xu hướng giảm thiểu nhựa sử dụng một lần và yêu cầu sản phẩm thân thiện với môi trường đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ tái chế và phát triển vật liệu xanh.
- **Biến động chi phí nguyên liệu:** Giá nguyên liệu nhựa biến động theo giá dầu thế giới, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp nếu không có chiến lược quản lý chi phí hiệu quả.

Về Khuôn ép phun

Cơ hội:

- **Gia tăng nhu cầu trong sản xuất nhựa:** Khi ngành nhựa kỹ thuật và nhựa gia dụng tăng trưởng, nhu cầu về khuôn ép phun cũng mở rộng, tạo cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng.
- **Hỗ trợ từ ngành công nghiệp phụ trợ:** Việt Nam đang khuyến khích phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, trong đó có lĩnh vực chế tạo khuôn, giúp doanh nghiệp có thêm

điều kiện để nâng cao năng lực sản xuất.

- **Cơ hội xuất khẩu khuôn chất lượng cao:** Các doanh nghiệp Việt Nam có thể hướng đến thị trường quốc tế, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI đang cần nguồn cung ứng khuôn chất lượng cao với chi phí hợp lý.

Thách thức:

- **Yêu cầu kỹ thuật cao:** Khuôn ép phun đòi hỏi độ chính xác cao, khả năng chịu nhiệt tốt và độ bền lớn, trong khi phần lớn doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa làm chủ được công nghệ chế tạo khuôn phức tạp.
- **Cạnh tranh từ các quốc gia có ngành khuôn phát triển:** Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc là những quốc gia có nền công nghiệp khuôn phát triển mạnh, tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt đối với doanh nghiệp Việt Nam.
- **Chi phí đầu tư lớn:** Việc phát triển khuôn ép phun yêu cầu vốn đầu tư ban đầu cao, từ máy móc, phần mềm thiết kế đến đội ngũ kỹ thuật viên có tay nghề, đặt ra thách thức tài chính cho nhiều doanh nghiệp trong nước.

Kết luận:

Dù đối mặt với nhiều thách thức, doanh nghiệp nhựa Việt Nam vẫn có cơ hội lớn để mở rộng sản xuất và tăng trưởng doanh thu. Sự phát triển ổn định của ba mảng thị trường nói trên cho thấy rằng kế hoạch đầu tư nhà máy mới với quy mô doanh thu 1.600 tỷ đồng/năm là hoàn toàn khả thi, khi nhu cầu thị trường vẫn đang tiếp tục gia tăng và mở rộng.

d. Lợi thế cạnh tranh của Công ty

- **Lợi thế cạnh tranh**

Trong bối cảnh ngành nhựa có nhiều cơ hội và thách thức, Công ty TNHH An Trung Industries cũng sở hữu nhiều lợi thế cạnh tranh để tận dụng đà tăng trưởng của ngành, và cơ hội để tiếp tục mở rộng thị trường, bao gồm:

- **Kinh nghiệm và uy tín**: An Trung Industries có nhiều năm kinh nghiệm là nhà cung cấp cho các khách hàng lớn như Samsung, Toyota, PowerNet, Foxconn, Panasonic, Vinfast, Shark Ninja, Costo, Walmart. Sản phẩm chính của Công ty bao gồm linh kiện nhựa điện tử kỹ thuật cao như vỏ tivi, linh kiện nhựa ô tô, xe máy, máy giặt, tủ lạnh, máy lọc không khí, và các sản phẩm nhựa gia dụng như hộp đựng thực phẩm…
- **Đầu tư vào công nghệ và cơ sở hạ tầng:** Công ty được đầu tư lớn với hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại, nhập khẩu từ Hàn Quốc và Nhật Bản, đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

- **Mối quan hệ đối tác chiến lược:** Công ty là nhà cung cấp tin cậy cho nhiều doanh nghiệp lớn, Panasonic, LG, Samsung, Brother và Foxconn... Việc hợp tác với các đối tác này giúp công ty mở rộng thị trường và nâng cao uy tín trong ngành. Năm 2024, Công ty ghi nhận lượng đơn hàng từ các khách hàng lớn hồi phục và tăng trưởng, có thể kể đến như: GP, PowerNet, FOXCONN… Đồng thời, qua khảo sát, phần lớn các khách hàng này có kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất tại Việt Nam trong các năm tới.
- **Đa dạng hóa sản phẩm và thị trường:** Ngoài sản xuất linh kiện nhựa điện tử, An Trung Industries còn tham gia sản xuất các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco như dao, thìa, đĩa, ống hút, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu sang Mỹ, EU.
- **Kế thừa kinh nghiệm và uy tín của Công ty mẹ:** Nhựa Hà Nội có hơn 50 năm kinh nghiệm trong ngành và hơn 30 năm phục vụ các khách hàng FDI lớn đã xây dựng được hệ thống quản trị sản xuất hiệu quả. NHH cũng sở hữu tập khách hàng lớn lâu năm như Honda, Piaggio, Toyota… và năng lực sản xuất đa dạng và linh hoạt khi có thể chủ động thiết kế và chế tạo khuôn nhựa, giúp giảm thời gian và chi phí sản xuất. Việc sở hữu xưởng khuôn và xưởng nhựa lớn cho phép công ty đáp ứng nhanh chóng các yêu cầu từ khách hàng mà không cần phụ thuộc vào bên thứ ba. An Trung Industries nhờ đó được kế thừa những lợi thế của Nhựa Hà Nội khi tiếp tục mở rộng sản xuất trong ngành.
- **Năng lực tài chính với kết quả kinh doanh khả quan:**

Công ty TNHH An Trung Industries được thành lập năm 2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0754816442 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23/7/2019. Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản đạt 363 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2023. Kết quả kinh doanh Công ty giai đoạn 2022-2024 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023	2024	Thay đổi 2024/2023
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	382	237	313	+32%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	67	10	40	+289%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15	-21	3	

Năm 2024, hoạt động kinh doanh của Công ty phục hồi mạnh mẽ với doanh thu thuần tăng 32% so với năm 2023. Lợi nhuận gộp đạt 40 tỷ đồng, gần gấp 4 lần so với năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 3 tỷ đồng. Sự tăng trưởng này đến từ việc các khách hàng lớn như Panasonic, Brother Việt Nam, Powernet… gia tăng đơn hàng, cùng với chiến lược mở rộng thị trường được triển khai từ năm 2023 bắt đầu phát huy hiệu quả, giúp Công ty mở rộng tệp

khách hàng.

Như vậy, những lợi thế cạnh tranh nêu trên trên giúp Công ty duy trì và củng cố vị thế cạnh tranh trong ngành nhựa, đồng thời tạo nền tảng cho các dự án mở rộng sản xuất trong tương lai.

- **Hạn chế**

Bên cạnh những cơ hội, Công ty hiện có những hạn chế được đề cập dưới đây:

Về Quy mô nhà xưởng: Nhà xưởng hiện tại của An Trung Industries với diện tích 12.081 m2 sàn sử dụng, trong khi diện tích kho hiện nay chỉ là 3.000 m2 và phải thuê thêm kho bên ngoài là 4.536 m2. Do diện tích nhà xưởng và kho bãi chật hẹp, layout nhà máy từ nguyên liệu, đúc tới ra thành phẩm, kho bãi và đóng công chưa tối ưu. Thêm vào đó, nhà xưởng hiện đã được lấp đầy toàn bộ, không thể bố trí và lắp đặt thêm các máy móc, thiết bị và kho hàng hoá. Các khách hàng lớn cũng có đề xuất cải tiến hiện vượt ngoài khả năng đáp ứng của An Trung như: khu vực riêng biệt nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh sản phẩm, hệ thống an ninh an toàn trong nhà máy, môi trường làm việc cho người lao động (khu vực nghỉ ngơi, vệ sinh rộng rãi). Hiện phân xưởng lắp ráp của An Trung với diện tích 3.000 m2 được bố trí cho PowerNet với 2 dây chuyền lắp ráp, dự kiến với kế hoạch đơn hàng của PowerNet trong thời gian tới, diện tích phân xưởng láp ráp cần mở rộng lên đến ít nhất 5.000 m2. Bên cạnh đó, An Trung cũng sẽ mở rộng thêm mảng lắp ráp cho các khách hàng tiềm năng khác với các sản phẩm đa dạng như: nồi cơm điện, bình đựng đá, các thiết bị điện tử điện lạnh... Với kế hoạch mở rộng như vậy, diện tích kho bãi và khu vực sản xuất cần được mở rộng nhiều để công đoạn đúc hoàn tất sẽ được chuyển tiếp kịp thời sang dây chuyền lắp ráp, tiết kiệm chi phí vận chuyển và tối ưu chi phí sản xuất.

Về Năng lực sản xuất: Hiện với hơn 40 máy ép phun, năng lực sản xuất của An Trung đạt 1000 tấn sản phẩm/năm. Dù nhận được các đề nghị gia tăng đơn hàng, Công ty đã buộc phải từ chối một số đơn hàng từ Nhật Bản, Hàn Quốc Mỹ và Châu Âu với giá trị lên tới hàng triệu USD, do không đáp ứng đủ năng lực sản xuất và hạn chế về hiện trạng nhà xưởng, kho bãi.

Kết luận

Với thị trường tiềm năng, kinh nghiệm hơn 50 năm hoạt động trong ngành nhựa kỹ thuật của công ty mẹ CTPC Nhựa Hà Nội, việc đầu tư Dự án sản xuất mới sẽ là cơ hội để An Trung tối ưu hóa hoạt động kinh doanh hiện tại cũng như sẵn sàng đón cơ hội tăng trưởng của thị trường. Qua đánh giá, Khu công nghiệp An Phát Complex không còn diện tích sẵn sàng cho thuê để An Trung Industries có thể mở rộng tại khu vực này. Mặt khác CTCP KCN Kỹ thuật cao An Phát đang có lô đất với diện tích là 118.475 m2 tại KCN An Phát 1, Km 72,

huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đã giải phóng mặt bằng và sẵn sàng xây dựng nhà xưởng cho thuê. Việc thuê nhà xưởng thay vì đầu tư nhà xưởng sẽ giúp An Trung Industries giảm quy mô vốn đầu tư vào dự án. Giá thuê tại KCN An Phát 1 cũng được đánh giá là cạnh tranh so với các khu vực lận cận. Dự án cũng được hưởng các ưu đãi thuế như sau:

- Đối với dự án trong Khu công nghiệp (như tại Khu Công nghiệp An Phát 1): Chính sách miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới;
- Đối với dự án sản xuất Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) (sản xuất khuôn): Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm); và miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Như vậy, dựa trên đánh giá quy mô thị trường, tiềm năng tăng trưởng cũng như lợi thế cạnh tranh của Công ty, việc đầu tư Dự án nhà máy mới của Công ty tại địa điểm mới tại KCN An Phát 1 với công suất sản phẩm nhựa đạt 15.500 tấn sản phẩm/năm và 340 bộ khuôn mẫu/ năm, doanh thu dự kiến 1.600 tỷ đồng/năm là cần thiết.

2.2.2. Tổng quan về Dự án

2.2.2.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án nhà máy sản xuất khuôn mẫu và linh kiện nhựa kỹ thuật cao.
- Địa điểm: Lô CN08, Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1, Km72, Quốc lộ 37, thuộc xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH An Trung Industries
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
- Đơn vị lập dự án: Ban dự án Công ty TNHH An Trung Industries
- Diện tích đất sử dụng: 118.475 m²
    - Giai đoạn 1: khoảng 68.805 m²
    - Giai đoạn 2: khoảng 49.670 m²
- Mục tiêu của dự án: Sản xuất, lắp ráp sản phẩm nhựa ô tô, xe máy, điện tử, điện lạnh, thiết bị gia dụng (Máy lọc không khí, Robot lau nhà…)...; các sản phẩm hút... và gia công chế tạo khuôn mẫu cao cấp.
- Thời gian hoạt động: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến ngày 17/02/2071

2.2.2.2. *Quy mô dự án*

- Sản phẩm nhựa: khi đi vào hoạt động toàn bộ và ổn định dự kiến đạt 15.500.000 kg sản phẩm/năm
- Sản phẩm khuôn mẫu: khi đi vào hoạt động toàn bộ và ổn định dự kiến 340 bộ/năm

2.2.2.3. *Tổng vốn đầu tư Dự án*

Tổng vốn đầu tư dự kiến: 1.152.587.594.364 VNĐ (*Bằng chữ: Một nghìn một trăm năm mươi hai tỷ, năm trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng)*, chi tiết như sau:

Đơn vị: VNĐ

TT	Danh mục	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Tổng vốn đầu tư
I	**Vốn cố định**	**935.984.564.364**	**186.603.030.000**	**1.122.587.594.364**
1	Đầu tư hạ tầng (HT điện, nước, PCCC, công trình phụ trợ…)	92.778.961.615		92.778.961.615
2	Máy móc, thiết bị sản xuất (đầu tư mới)	643.921.760.000	182.603.030.000	826.524.790.000
3	Máy móc TB sản xuất di chuyển sang (giá trị còn lại)	180.416.342.749		180.416.342.749
4	Thiết bị văn phòng	4.867.500.000		4.867.500.000
5	Chi phí di chuyển máy móc thiết bị	4.270.000.000		4.270.000.000
6	Dự phòng (Dự phòng chênh lệch tỷ giá + dự phòng phát sinh và chi phí di chuyển máy móc thiết bị)	9.730.000.000	4.000.000.000	13.730.000.000
II	**Vốn lưu động**	**30.000.000.000**		**30.000.000.000**
Tổng vốn đầu tư (= I + II)		**965.984.564.364**	**186.603.030.000**	**1.152.587.594.364**

- Dự kiến trong quý II/2025 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của CTCP Nhựa Hà Nội phê duyệt, Công ty CP Nhựa Hà Nội sẽ thực hiện việc sáp nhập Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("VMC") vào Công ty TNHH An Trung Industries ("ATI") và thực hiện giải thể Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam sau khi hoàn tất thủ tục sáp nhập. Vì vậy, giá trị còn lại của máy móc thiết bị sản xuất di chuyển sang Nhà máy mới là 180.416.342.749 đồng là bao gồm giá trị còn lại của máy móc thiết bị của VMC và ATI.

- Việc di chuyển máy móc thiết bị sẽ được thực hiện khi Nhà máy mới đã đi vào hoạt động để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, dự kiến được thực hiện trong quý 1/2026.

2.2.2.4. ***Nguồn vốn và cơ cấu đầu tư***

Nội dung	Thành tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng mức đầu tư	**1.152.587.594.364**	**100%**
Vốn chủ sở hữu	*705.400.000.000*	*61,2%*
Vốn huy động	*447.187.594.364*	*38,8%*

2.2.2.4.1. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn điều lệ của Công ty TNHH An Trung Industries tại 31/12/2024: 241.000.000.000 đồng.

Trong năm 2025, Công ty TNHH An Trung thực hiện phương án tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ tăng thêm: Tối đa 464.400.000.000 đồng, chia làm 2 đợt:
  - Đợt 1: Tăng 100.000.000.000 đồng
  - Đợt 2: Tăng tối đa 364.400.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn dự kiến: 705.400.000.000 đồng.

Ngày 21/01/2025, CTCP Nhựa Hà Nội đã thực hiện góp thêm 100 tỷ đồng vào Công ty TNHH An Trung Industries, từ đó nâng giá trị vốn đầu tư của NHH tại Công ty TNHH An Trung Industries từ 241.000.000.000 đồng lên 341.000.000.000 đồng. Hiện tại, Công ty TNHH An Trung Industries được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp, thay đổi vốn điều lệ là 341.000.000.000 đồng.

2.2.2.4.2. Nguồn vốn huy động

Căn cứ tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất năm 2024 số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024, ĐHĐCĐ NHH đã giao và uỷ quyền cho HĐQT quyết định phương án huy động vốn đầu tư.

2.2.2.5. ***Thông*** **tin về đất đai và pháp lý**

- Thông tin về đất đai:

- Địa điểm thực hiện dự án tại lô đất CN8, KCN An Phát 1, Km 72, Quốc lộ 37, xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với diện tích khoảng 118.475 m2 thuộc Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát. Lô đất

này đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/12/2024.

- Lô CN8, Khu công nghiệp An Phát 1 đã giải phóng mặt bằng và CTCP Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát hiện đang xây dựng nhà xưởng cho thuê theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9077463389 do Ban quản lý các khu Công nghiệp thuộc UBND tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23/10/2024, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25/11/2024. Sau khi nhà xưởng được xây dựng xong, Công ty TNHH An Trung Industries sẽ thuê lại nhà xưởng của CTCP Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát để thực hiện Dự án
- Ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN An Phát 1 bao gồm nhiều ngành nghề, trong đó có ngành Sản xuất các sản phẩm từ Plastic (Mã 22)
- Bảng cơ cấu sử dụng đất dự kiến:

TT	Hạng mục	Diện tích sử dụng giai đoạn 1 (m^2)	Diện tích sử dụng giai đoạn 2 (m^2)	Tổng diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	34.307		34.307	28,96
2	Đất dải cây xanh, thảm cỏ	14.315		14.315	12,08
3	Đất dự trữ sản xuất (giai đoạn 2)		49.670	49.670	41,92
4	Đất sân vườn giao thông, HTKT	20.183		20.183	17,04
	Tổng diện tích đất	**68.805**	**49.670**	**118.475**	**100**

Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát dự kiến cho Công ty TNHH An Trung Industries thuê Nhà Xưởng theo lịch trình sau:

(a) Giai đoạn 1: Khoảng 68.805 m^2 (sáu mươi tám nghìn tám trăm linh năm mét vuông) bắt đầu từ tháng 01 năm 2026.

(b) Giai đoạn 2: Thuê thêm khoảng 49.670 m^2 (bốn mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi mét vuông) từ năm 2030. Tổng diện tích thuê của 2 giai đoạn là khoảng 118.475 m^2 (toàn bộ diện tích Nhà Xưởng).

Đơn giá cho thuê dự kiến là 65.000 VND/m^2/tháng (sáu mươi lăm nghìn đồng trên một mét vuông cho một tháng) áp dụng cho thời gian thuê trong năm 2026; các năm tiếp theo giá thuê

tăng một phần trăm một năm (1% năm) so với đơn giá áp dụng của năm trước hoặc một mức tăng cụ thể khác nếu hai bên có thỏa thuận. Giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế giá trị gia tăng xác định tại thời điểm phát hành hóa đơn. Tiền thuê xác định bằng diện tích nhà xưởng Công ty TNHH An Trung Industries được bàn giao nhân với thời gian thuê nhân với đơn giá thuê.

2.2.2.6. *Tiến độ thực hiện dự án*

STT	Nội dung công việc	Thời gian triển khai dự kiến
I	**Giai đoạn 1**	**Từ quý I/2025 đến quý IV/2026**
1	Xây dựng nhà xưởng, nghiệm thu nhà xưởng	Từ quý I/2025 đến quý IV/2025
2	Lắp đặt máy móc thiết bị	Từ quý IV/2025 đến quý I/2026
3	Nhà máy hoạt động chính thức	Từ quý I/2026
II	**Giai đoạn 2**	**Quý I/2030**
1	Lắp đặt bổ sung máy móc thiết bị	Quý I/2030

Nguồn: NHH

2.2.3. Hiệu quả kinh tế

- Một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế:

Các chỉ tiêu	Đvt	Các chỉ số tài chính của Phương án
Giá trị lãi quy đổi về hiện tại (NPV)	Triệu đồng	227.320 triệu đồng
Thời gian thu hồi vốn	Năm	7,39 năm
Tỷ lệ sinh lãi nội tại (IRR)	%	14,2%
Biên lợi nhuận gộp	%	15,65%
Biên lợi nhuận thuần	%	7,66%

Nguồn: NHH

- Doanh thu dự kiến 14 năm của dự án:

Tên sản phẩm	Đvt	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031	Năm 2032	Năm 2033	Năm 2034	Năm 2035	Năm 2036	Năm 2037	Năm 2038	Năm 2039
Sản phẩm nhựa ép phun	Kg	5.900.000	8.900.000	9.400.000	9.400.000	10.000.000	11.700.000	13.300.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000
Sản phẩm hút	Kg	600.000	900.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000
Khuôn mẫu	Bộ	170	250	340	340	340	340	340	340	340	340	340	340	340	340

Nguồn: NHH

2.2.4. Thời gian thực hiện

Thời gian dự kiến triển khai dự án đầu tư từ quý I/2026 đến quý I/2030.

2.3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

2.3.2. Căn cứ pháp lý của dự án

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất năm 2024 số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024 của CTCP Nhựa Hà Nội đã phê duyệt việc tăng vốn góp vào Công ty TNHH An Trung Industries, và phê duyệt chủ trương đầu tư mở rộng và di chuyển nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật cao tại Công ty TNHH An Trung Industries, đồng thời, ĐHĐCĐ cũng đã giao và uỷ quyền cho HĐQT phê duyệt toàn bộ hồ sơ Dự án, thực hiện và chỉ đạo thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để triển khai và hoàn thiện Dự án, bao gồm nhưng không giới hạn việc quyết định, triển khai thực hiện chi tiết Dự án; điều chỉnh tổng mức đầu tư, quy mô dự án; quyết định phương án huy động vốn đầu tư, phương án kinh doanh, quản lý dự án; thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan và các công việc khác theo yêu cầu Dự án và theo quy định của pháp luật.
- Nghị quyết HĐQT số 201/2025/NQ-HĐQT ngày 01/04/2025 về việc thông qua điều chỉnh tên của Dự án đầu tư mở rộng và di chuyển Nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật cao tại Công ty TNHH An Trung Industries.

- Hợp đồng nguyên tắc thuê nhà xưởng giữa Công ty TNHH An Trung Industries và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát đính kèm Phụ lục.
- Báo cáo nghiên cứu khả thi "Dự án đầu tư nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật cao" của Công ty TNHH An Trung Industries.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án cho thuê nhà xưởng, kho bãi An Phát số 9077463389 do Ban quản lý các khu Công nghiệp thuộc UBND tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23/10/2024, điều chỉnh lần thứ 1 ngày 25/11/2024 cấp cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát.

2.3.3. Tình hình thu xếp vốn

Công việc	Thời gian dự kiến hoàn thành
Nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu ra công chúng	Quý I/2025

Nguồn: NHH

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán

Khoản mục	Số lượng cổ phiếu phát hành (CP)	Giá chào bán (đồng/cổ phần)	Số tiền dự kiến thu được (đồng)
Chào bán cho cổ đông hiện hữu	36.440.000	10.000	364.400.000.000

Nguồn: NHH

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần thứ nhất năm 2024 số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024, phương án sử dụng vốn của Công ty dự kiến như sau:

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân dự kiến (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
Góp vốn vào Công ty TNHH An Trung Industries	364.400.000.000	Quý II năm 2025

Nguồn: NHH

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3831 5100 Fax: (84-24) 3831 5090

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Căn cứ theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty dự kiến sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu 36.440.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần thứ nhất năm 2024:

- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét tại ngày 30/06/2024 là 19.170 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét tại ngày 30/06/2024 là 16.212 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu NHH bình quân 30 phiên gần nhất (từ ngày 30/09/2024 đến ngày 25/10/2024) là 14.413 đồng/cổ phần.

Đến thời điểm hiện tại, giá giao dịch bình quân 30 phiên của cổ phiếu NHH (từ ngày 12/03/2025 đến ngày 23/04/2025) là **12.567 đồng/cổ phần** và Giá trị sổ sách tại ngày 31/03/2025 của Công ty là: 18.827 đồng/cổ phần (theo báo cáo tài chính hợp nhất tự lập Quý I năm 2025) và 16.107 đồng/cổ phần (theo báo cáo tài chính riêng tự lập Quý I năm 2025). Như vậy, giá giao dịch bình quân 30 phiên của NHH hiện đang cao hơn mệnh giá cũng như giá chào bán cổ phần của Công ty (10.000 đồng/cổ phần), chúng tôi cho rằng NHH có khả năng thành công trong đợt chào bán này.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội (Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/03/2025).
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2024.
3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025 thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội số 105/2025/NQ-HĐQT ngày 20/02/2025 thông qua điều chỉnh phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
5. Điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.
6. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.
7. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý I năm 2025 tự lập của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH An Trung Industries (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/02/2025).
9. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư CTCP Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát cấp lần đầu ngày 23/10/2024.
10. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư CTCP Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25/11/2024.
11. Nghị quyết HĐQT số 201/2025/NQ-HĐQT ngày 01/04/2025 về việc thông qua điều chỉnh tên của Dự án đầu tư mở rộng và di chuyển Nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật cao tại Công ty TNHH An Trung Industries.
12. Báo cáo nghiên cứu khả thi "Dự án đầu tư nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật cao".
13. Hợp đồng nguyên tắc cho thuê xưởng ngày 02/01/2025 giữa Công ty TNHH An Trung Industries và Công ty cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát.
14. Phụ lục hợp đồng nguyên tắc.

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Đỗ Huy Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Thụ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Ngà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nhữ Đình Hòa